

VÀI NÉT VỀ CÔNG GIÁO & TIN LÀNH

Sự Khác Biệt & Tình Trạng Ngày Nay

Một Khảo Luận Qua Các Tài Liệu

Trần Chung Ngọc

Bài viết này là một khảo luận qua các tài liệu về sự khác biệt giữa Công Giáo và Tin Lành và nhân đó đào sâu thêm về vài nét đặc thù của Công Giáo cũng như Tin Lành. Đây là một đề tài rất rộng vì Công Giáo, nếu kể từ thời Constantine vào thế kỷ 4, thì tới nay đã có một lịch sử hơn 16 thế kỷ, và Tin Lành cũng có khoảng 5 thế kỷ lịch sử, kể từ thế kỷ 16.. Trong một bài thuộc loại này, hiển nhiên không có cách nào tôi có thể viết đầy đủ về những tôn giáo có một lịch sử trải dài như trên. Cho nên, trong bài này tôi xin tự hạn trong mấy mục sau đây:

- I. Sự Khác Biệt Giữa Tin Lành Và Công Giáo.
- II. Vài Nét Về Căn Bản Cấu Trúc Quyền Lực Của Công Giáo.
- III. Vài Nét Về Căn Bản Cấu Trúc Quyền Lực Của Tin Lành.
- IV. Thực Trạng Của Công Giáo Và Tin Lành Trên Thế Giới Ngày Nay.
- V. Kết Luận.

Trong khi Ki Tô Giáo nói chung đang suy thoái trong các nước văn minh tiến bộ Âu Mỹ thì Công Giáo và Tin Lành đều đặt nỗ lực vào việc mang những thứ đang dần dần bị phế thải ở Âu Mỹ để đi truyền đạo, xâm lăng văn hóa các nước Á Châu, trong đó có Việt Nam. Cho nên, tôi nghĩ những bài nghiên cứu trung thực về Công Giáo và Tin Lành thực sự rất cần thiết để mở mang dân trí, để cho người dân biết rõ về các tôn giáo trên, và do đó hi vọng họ có đủ khả năng để đối phó với những âm mưu và phương cách truyền đạo bất chính của Công giáo và Tin lành đang ở trong tình trạng đi xuống khắp nơi trên thế giới đa nguyên.

Tôi ước mong những bậc cao minh ở trong và ngoài nước có lòng với dân tộc, nhất là các bạn trẻ, hãy tiếp tay cùng chúng tôi trong nhiệm vụ mở mang dân trí này. Chúng ta hãy làm với tất cả thiện tâm, tuyệt đối không vì thù hận hay vì bất cứ lý do nào khác ngoài sự lương thiện trí thức trong công cuộc nghiên cứu mọi khía cạnh của Ki Tô Giáo để phổ biến rộng rãi cùng người dân trong nước cũng như ở hải ngoại. Rất nhiều trí thức Âu Mỹ đã làm công việc giải hoặc Ki Tô Giáo này từ nhiều thập niên qua. Người Việt trí thức chúng ta nay dẫn thân vào con đường này kể ra đã là quá muộn, lý do là vì hoàn cảnh đất nước trong hơn một thế kỷ qua không cho phép. Nhưng nay là lúc chúng ta phải bắt tay ngay vào nhiệm vụ bảo vệ nền văn hóa và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc trước sự xâm lăng văn hóa của Ki Tô Giáo, một tôn giáo chỉ còn cái vỏ

hào quang của quá khứ và đang dần dần bị phế thải ở phương trời Âu Mỹ. [Thực trạng Ki Tô Giáo trên thế giới sẽ được trình bày trong phần cuối.]

Tôi cũng hi vọng Nhà Nước Việt Nam hãy nghĩ tới tương lai xa của đất nước, đặt trọng tâm trên sự bảo tồn, gìn giữ nền văn hóa truyền thống của Việt Nam, và sáng suốt cho phép phổ biến những tác phẩm nghiên cứu về tôn giáo, mọi tôn giáo, đặc biệt là Ki Tô Giáo. Thực ra, không có gì phải lo ngại về vấn đề này vì trình độ người dân Việt Nam ngày nay đã đủ để có thể chấp nhận mọi sự kiện về tôn giáo. Nước Mỹ có khoảng 60% Tin Lành và 20% Công Giáo; Nước Pháp có khoảng 80% theo Công Giáo; Nước Anh phần lớn theo Anh Giáo; Nước Đức có 34% là Tin Lành, 34% là Công Giáo v.v., nhưng trong các nước này, có tràn ngập những tác phẩm nghiên cứu về Ki Tô Giáo nói riêng, về mọi tôn giáo nói chung, được phổ biến rất rộng rãi, và tuyệt đối không xảy ra vấn đề xung đột giữa các tôn giáo hay các hệ phái Ki Tô khác nhau. Đây là một tấm gương mở mang dân trí mà Việt Nam cần phải noi theo trong thời đại mới ngày nay. TCN.

PHẦN I

I.- Sự Khác Biệt Giữa Tin Lành Và Công Giáo:

Đạo Tin Lành (Protestantism) [Tin Lành là một cường từ vô nghĩa, vì thật ra chỉ có nghĩa là chống đối Công giáo, nên Công Giáo gọi là “Thệ Phản Giáo”] là do một linh mục Công Giáo, Martin Luther, ly khai Giáo hội Công giáo, thành lập từ thế kỷ 16 ở Đức, phản đối (protest) cấu trúc quyền lực tự tạo của chế độ Giáo hoàng cũng như các phương cách bất chính của Giáo hội Công Giáo đã khai thác sự mê tín của đám tín đồ thấp kém ở dưới, thí dụ như bày đặt ra các “bí tích”, “tín lý”, ngụy tạo ra những phép lạ, bán chứng thư xá tội v.v.v., để vơ vét của cải thế gian.

Tin Lành và Công Giáo cùng tin vào một cuốn sách mà họ gọi là Thánh Kinh, cùng tin vào một huyền thoại về Jesus (Giê-su), con một người thợ mộc Do Thái tên là Joseph, huyền thoại cho rằng Giê-su là con của Thượng đế, xuống trần chịu chết trên một cái giá gỗ có hình chữ thập để chuộc cái gọi là “tội tổ tông” cho nhân loại, và có khả năng “cứu rỗi phần hồn” của những người chết, những người khi sống đã tin ông ta. Nhưng trong lịch sử, giữa Công Giáo và Tin Lành đã xảy ra nhiều cuộc chém giết lẫn nhau [Cuộc chiến 30 năm, 1618-1648, giết hơn nửa dân số Đức, làm 2 triệu rưỡi người trở thành vô gia cư, và các thành phố tràn ngập máu cùng với những cảnh giết người, hiếp dâm, đốt nhà, cướp bóc v.v.. [*Xin đọc Malachi Martin: The New Castle, trang 145-146*]; cuộc tàn sát ít nhất là 20000 (hai mươi ngàn) người Tin Lành trong ngày Thánh Bartolomew, 24 tháng 8, 1572 v.v..]. Cuộc xung đột đẫm máu giữa Tin Lành và Công Giáo vẫn còn kéo dài cho tới ngày nay ở Bắc Ái Nhĩ Lan.

Cùng tôn thờ một Chúa Giê-su, cùng tin vào một cuốn Thánh Kinh, nhưng sự khác biệt giữa Tin Lành và Công Giáo ra sao đến độ phải thù nghịch với nhau và chém giết nhau như trong lịch sử đã ghi rõ? Trước đây, trên SCV, năm 1994, đã có một Mục sư Mỹ, Paul Held, giải thích trước câu hỏi: “*Sự khác biệt giữa giáo hội Công giáo và Giáo hội Tin lành là gì?*” (What is the difference between the Catholic church and the Protestant church?), và gần đây Mục sư Việt Nam Nguyễn Văn Huệ cũng đã đáp lại câu hỏi: “*Đạo Tin Lành Khác Với Công Giáo La-Mã Như Thế Nào?*”.

Nghiên cứu hai đạo Công giáo và Tin Lành, chúng ta có thể thấy rõ hai đạo trên thuộc loại “đồng sàng dị mộng”, nghĩa là cùng nằm trong một cái nôi thần học căn bản nhưng mộng寐 thì khác nhau.

Cái mộng của các tín đồ Công Giáo, nhất là Công Giáo Việt Nam, là đến ngày phán xét *[không ai biết bao giờ mới có, nếu có]* họ được Chúa Giê-su lấy phần hồn của họ đang được lưu trữ trong kho chứa, hợp lại với xác của họ *[bất kể là đã chết từ bao giờ]* và cho họ lên thiên đường *[không ai biết ở đâu]* để được sống đời đời với Chúa của họ nơi đó. Với hi vọng *[hay ảo vọng]* này, trong cuộc sống họ được dạy phải “quên mình trong vâng phục” các bề trên, và tuyệt đối tuân theo chỉ thị, truyền qua các bề trên của họ, của một con người rất thế tục mà họ thường gọi là “Giáo hoàng” hay “Đức Thánh Cha”, dù rằng họ tuyệt đối không hề biết gì về thực chất những con người này.. [Lịch sử một số không nhỏ “Đức Thánh Cha” này sẽ được viết với nhiều chi tiết trong một bài riêng biệt.] Vì bị giam chặt trong sự đen tối trí thức từ khi mới ra đời cho nên các tín đồ Công Giáo bị đưa vào khuôn phép là phải tuyệt đối tôn sùng “Đức Thánh Cha” mà họ được dạy là “Đại diện của Chúa Ki Tô” (Vicar of Christ) và phải tuyệt đối tuân phục cấu trúc quyền lực của đạo Công Giáo, một loại quyền lực tự tạo bằng một nền thần học tinh vi để nắm giữ đầu óc đám tín đồ thấp kém, loại đầu óc đặc biệt của lớp người có cái “gen” di truyền để có thể tin bất cứ cái gì mà những người khác không thể tin được. Quyền lực này nằm trong tay các “bề trên” của họ như Hồng Y, Tổng Giám mục, Giám mục, Linh mục ở các địa phương có người Công giáo. Điều này sẽ được chứng minh trong phần phân tích về thực chất của Công giáo.

Còn cái mộng của các tín đồ Tin Lành thì cũng không khác gì cái mộng của các tín đồ Công giáo. Nhưng con đường lên thiên đường của họ thì khác. Đó là con đường phải tuyệt đối tin vào một cuốn sách mà họ được dạy là chứa những lời mạc khải không thể sai lầm của Thiên Chúa, thường được gọi là Thánh Kinh, tuy rằng chẳng có gì có thể gọi là “thánh” trong đó. Thực tế là, không có mấy tín đồ chịu đọc Thánh Kinh để mà biết trong đó viết những gì và tại sao phải tin vào những điều đó. Thật ra họ chỉ được dạy một cách chọn lọc, hay nói đúng hơn, bị nhồi sọ để tin vào những điều không thể tin được vì thuộc loại mê tín, phi lý trí, phản khoa học có đầy trong cuốn Thánh Kinh mà các học giả nghiên cứu Thánh Kinh trong vòng 200 năm nay đã vạch rõ.. Mặt khác, Tin Lành có cả mấy trăm hệ phái khác nhau, và thường là đối nghịch nhau, tuy không đến nỗi chém giết nhau, nhưng hệ phái nào cũng cho mình đúng là Tin Lành còn các hệ phái khác đều là Tin Vớ Vẩn.

Như vậy, thực chất loại đầu óc của các tín đồ Công Giáo và Tin Lành đều như nhau, cùng có một loại “gen” đặc biệt mà có khoa học gia đã gọi đó là “Gen” của Thượng đế” (God’s “gen”), loại “gen” tiến hóa như khoa học gia Edward O. Wilson đã nhận định rất ý nhị: *“Có vẻ như là đầu óc con người (Ki Tô) đã tiến hóa để tin vào các thiên chúa chứ không tiến hóa để tin vào sinh học”* (It seems that the human (Christian) mind evolved to believe in gods. It did not evolve to believe in biology).. Sinh học là một bộ môn khoa học đã được nghiên cứu kỹ và cùng với nhiều bộ môn khoa học khác đã chứng minh thuyết Tiến Hóa là đúng và đã trở thành một sự kiện (fact), do đó tiến hóa để tin vào các thiên chúa là “tiến hóa giật lùi” trở về thời bán khai và Trung Cổ.. Loại đầu óc của Tin Lành này cũng sẽ được chứng minh trong một phần sau.



Tranh minh họa những cuộc "thánh chiến trong thế giới Ki-tô giáo.

<http://jreuter.hubpages.com/hub/The-Unlikely-Conquest-of-Jerusalem>

Chỉ vì sự khác biệt trên hình thức này mà Công giáo và Tin Lành chém giết lẫn nhau, coi nhau như kẻ thù không đội trời chung trong nhiều thế kỷ. Công giáo không những chỉ chém giết người Tin Lành mà còn chém giết cả những người theo Ki Tô Giáo Chính Thống, một hệ phái khác của Ki Tô Giáo, khi có cơ hội, và tất cả những hệ phái Ki-Tô nào không theo Công giáo, nghĩa là không chịu qui phục giáo hoàng.. Cuộc Thập Ác Chinh Albigense để tiêu diệt những người Ki-Tô Cathars ở vùng Languedoc, Pháp, già trẻ lớn bé không chừa người nào, là một thí dụ. Trong kỳ Đệ Nhị Thế Chiến, chính quyền Công Giáo ở Croatia đã giết hại khoảng 700000 (bảy trăm ngàn) người Chính Thống, Gypsies và Do Thái.

Truy nguyên vấn nạn cùng thờ một Chúa mà lại chém giết nhau giữa Công Giáo, Tin Lành và Chính Thống, chúng ta thấy ý thức tôn giáo của Tây phương thật là hẹp hòi, thiển cận, khác xa với ý thức tôn giáo của Đông phương. Thật vậy, lịch sử Phật Giáo ghi rõ Phật Giáo cũng có nhiều Tông Phái khác nhau, nhưng không hề chém giết nhau, mà một vị cao Tăng ở một Tông Phái này lại thường gửi đệ tử của mình đi học với một cao Tăng ở một Tông Phái khác. Osho đã viết trong cuốn *"The Spiritual Path: Buddha, Zen, Tao, Tantra"*, trang 7: *"Đầu óc Tây phương có một cái gì đó đóng góp cho thế giới: đó là khoa học, không phải là tâm linh"* [The Western mind has something to contribute to the world – it is science, not spirituality.] Đây là điều hiển nhiên, kho báu tâm linh nhân loại là của Đông Phương, nơi đây không có các cuộc chiến tranh tôn giáo, không có Thánh chiến, không có những Tòa Án Xử Dị Giáo, không có những cuộc Săn Lùng Phù Thủy, không có chính sách xâm lăng văn hóa, và không có các cuộc chiến tranh giữa các hệ phái khác nhau của cùng một tín ngưỡng hay giữa các tín ngưỡng khác nhau.... Tại sao con người ngày nay còn đắm mê vào những tôn giáo được ngụy trang đằng sau những danh từ hoa mỹ như "thiên khai", "duy nhất", "tông truyền" v.v.. mà không nhìn thấy thực chất tàn bạo, hẹp hòi của những tôn giáo này mà lịch sử đã chứng tỏ?

Ngày nay, sự thù nghịch giữa Tin Lành và Công Giáo đã bớt đi, vì cả hai đều đã mất đi quyền lực, và dân trí đã mở mang trước sự tiến bộ trí thức của nhân loại. Phong trào giải hoặc Ki Tô Giáo ngày nay bắt nguồn từ sự tiến bộ trí thức này. Các nghiên cứu trí thức về Ki Tô Giáo nói chung, về God, về Jesus, về Thánh Kinh của Ki Tô Giáo v.v.. trong vòng 200 năm nay bởi các

chuyên gia về tôn giáo, ở trong cũng như ở ngoài các giáo hội Ki Tô, đã cho chúng ta biết thực chất những huyền thoại về God và Jesus chỉ là những sản phẩm ảo tưởng của con người, và thực chất rất thể tục của Công Giáo cũng như Tin Lành qua những sự kiện lịch sử, kết quả là cả hai đạo trên mất đi quyền hành thể tục ngự trị trên quần chúng, và đang ở trên đà suy thoái bất khả đảo ngược [irreversible] trong những nước văn minh tiến bộ. Trước hết chúng ta hãy tìm hiểu về sự kiện “đồng sàng dị mộng” của hai đạo Tin Lành và Công giáo La Mã. Để mở đầu, chúng ta hãy xét đến câu hỏi: *“Đạo Tin Lành Khác Với Công Giáo La-Mã Như Thế Nào?”*

Thực ra, câu hỏi này đã được một người hỏi Robert G. Ingersoll từ cuối thế kỷ 19: *“Sự khác biệt giữa đạo Công giáo và đạo Tin lành là gì? Và đạo nào tốt hơn?”* (What is the difference between Catholicism and Protestantism? and which one is better?). Và câu trả lời của Ingersoll có thể nói là chính xác, ngắn gọn, và đầy đủ nhất: *“Tin lành khá hơn vì có ít chất công giáo hơn [nghĩa là ít độc tài, xảo quyệt, hoang đường hơn], nhưng sự khác biệt giữa đạo Công giáo và đạo Tin lành chỉ là sự khác biệt giữa một con cá sấu lớn và một con cá sấu nhỏ.”* (Protestantism is better because it is less Catholic, but the difference between Catholicism and Protestantism is only the difference between an alligator and a crocodile). Ingersoll là nhà tư tưởng tự do (freethinker) vĩ đại nhất của nước Mỹ.

Ingersoll đã nhận xét rất đúng về thực chất của đạo Tin Lành cũng như Công Giáo: đó là hai định chế tôn giáo độc hại, xấu xí, một xấu nhiều, một xấu ít hơn, nếu chúng ta xét đến lịch sử của cả hai đạo. Công Giáo có một lịch sử lâu dài hơn Tin Lành nên gây tác hại cho nhân loại nhiều hơn là Tin Lành, mới được thành lập từ thế kỷ 16. Khi Giáo hoàng John Paul II xưng thú trước thế giới 7 núi tội ác của Công giáo đối với nhân loại thì Tin Lành cũng dự một phần đáng kể trong đó, bởi vì Tin Lành cũng can dự vào những núi tội ác như: Giết hại phù thủy, bách hại dân Do Thái, thi hành chính sách diệt chủng dân da đỏ ở Bắc Mỹ, không tôn trọng các nền văn hóa khác v.v., tất cả đều có những bàn tay dính nhơ đầy máu và đầu óc có chứa một loại “gen” đặc biệt của Tin Lành.

Thật ra thì, từ khởi đầu với Martin Luther, nguyên là một linh mục, Tin Lành đơn giản chẳng qua chỉ là sự sửa đổi đạo Công Giáo, nghĩa là giữ lại những học thuyết căn bản của Công Giáo nhưng diễn giải một cách khác đi. Công Giáo và Tin Lành đồng ý với nhau về nhân chủng học của Công Giáo, cả hai đều sống trong cùng một khung cảnh của ý nghĩa, cùng nhìn về một chân trời. Cho nên, chúng ta không thể tìm thấy sự khác biệt trong nền tảng và cấu trúc vũ trụ của cả hai, mà sự khác biệt nằm trong sự diễn giải của hai đạo cho một vấn nạn căn bản cùng được chấp nhận của cả hai đạo. Mục Sư Rubem Alves đã ví Công Giáo và Tin Lành như hai kẻ đấu cờ: họ cùng chơi một ván cờ, vì cả hai đều đồng thuận trên những luật lệ căn bản trong cuộc đấu [Like two opposing chess players, they can argue and fight only because they are playing the same game, because both sides agree on the basic rules underlying their contest with each other.] Cho nên chúng ta không lấy làm lạ khi cả hai, Tin Lành cũng như Công Giáo, đều tham gia vào những tội ác cùng đặt căn bản trên niềm tin vào Thánh Kinh như vừa nói ở trên.

Về hình thức, giữa Tin Lành và Công Giáo có sự khác biệt. Như trên đã nói, những tín đồ Công Giáo thực chất là nô lệ của cấu trúc quyền lực của Giáo hội Công Giáo, nghĩa là nô lệ của

các bề trên từ Giáo hoàng xuống tới các Linh mục qua những tín lý, tín điều Giáo hội bày đặt ra. Còn tín đồ Tin Lành thường được coi là ở trong một định chế dân chủ, nhưng thực chất là nô lệ của cuốn Thánh Kinh, hay nói đúng hơn, nô lệ của những đoạn đã được chọn lọc kỹ trong Thánh Kinh. Nhưng đi sâu vào phương cách nhồi sọ tín đồ thì cả hai đều giống nhau, đều có những mảnh mung để nhốt tín đồ vào trong những khuôn phép tâm linh, nếu không muốn nói là ngục tù tâm linh, đã định sẵn.

Trước hết, về hình thức khác biệt, chúng ta hãy nghe Mục sư Nguyễn Văn Huệ trả lời câu hỏi "*Đạo Tin Lành Khác Với Công Giáo La-Mã Như Thế Nào?*":

Đạo Tin Lành và Công Giáo có cùng một gốc mà ra. Cả hai đều có cùng niềm tin nơi Đức Chúa Trời căn cứ trên Thánh Kinh Cựu Ước và Tân Ước. Nhưng sự khác biệt chính giữa hai Giáo Hội này là vị trí và thẩm quyền mỗi bên dành cho Thánh Kinh. Mặc dầu người Công Giáo tin rằng Kinh Thánh được Đức Chúa Trời soi dẫn, họ cũng tin rằng truyền thống của Giáo Hội [nghĩa là tất cả những điều giáo hội dạy] trải dòng lịch sử do các Giáo Hoàng và Giáo Hội Nghị lập thành có giá trị quyết định trong các vấn đề niềm tin và giáo lý. Và từ đó theo năm tháng, Giáo Hội Công Giáo La-mã đã thêm những giáo lý không có trong Thánh Kinh.

Ta có thể nhắc qua một số giáo lý thêm thắt đó như sau: Cầu nguyện trực tiếp với Đức Mẹ, với các thánh và các thiên thần (năm 600); mua chứng thư xá tội để giảm thiểu thời gian ở ngục luyện tội (năm 1190); xưng tội với linh mục (năm 1215); Thánh Kinh được liệt vào danh sách cấm giáo dân đọc (Toulouse năm 1229); ngục luyện tội từ giáo lý nâng lên thành tín lý bởi Công Đồng Florence (năm 1438); truyền thống giáo hội được thừa nhận có uy quyền tương đương như Kinh Thánh bởi Công Đồng Trent (năm 1545); Đức Mẹ vô nhiễm nguyên tội được Giáo Hoàng Pius IX công bố năm 1854; Sự Vô Ngộ (không sai lầm) của Giáo Hoàng được Công Đồng Vatican công bố năm 1870; Giáo Hoàng Benedict XV công bố Đức Mẹ là Đấng Đồng Công cứu chuộc với Chúa Giê-xu và Đức Mẹ về trời được Đức Giáo Hoàng Pius XII công bố năm 1950.

Người Tin Lành tin tưởng Thánh Kinh là uy quyền duy nhất và đầy đủ của đức tin. Người Tin Lành chỉ tôn trọng những truyền thống nào của Hội Thánh phù hợp với Kinh Thánh. Người Tin Lành muốn trở về với cội nguồn đức tin và hình thức sống đạo theo như Thánh Kinh dẫn, không thêm, không bớt.

Đại cương về hình thức thì lời giải thích của Mục sư Nguyễn Văn Huệ ở trên không sai, vì từ đó chúng ta có thể thấy sự khác biệt căn bản giữa Tin Lành và Công Giáo: thẩm quyền truyền thống tuân phục một "giáo hoàng không thể sai lầm" của Công giáo đối với thẩm quyền tuân phục cuốn "Thánh Kinh không thể sai lầm" của Tin Lành. Nhưng với sự hiểu biết của nhân loại ngày nay thì, giáo hoàng là chỉ một con người trần tục, nhiều khi còn trần tục hơn cả những con người trần tục nhất [*lịch sử một số giáo hoàng này sẽ được trình bày trong một bài khác*], và Thánh Kinh đầy dẫy những sai lầm về thần học cũng như khoa học, cho nên Công giáo và Tin Lành đều đặt thẩm quyền của mình trên những thứ không đáng đặt. Tuy vậy, đi sâu vào cấu trúc quyền lực của cả hai đạo trên, thì như trên đã nói, cả hai đều có những mảnh mung để nhốt tín đồ vào trong những khuôn phép tâm linh mà bản chất mê tín hoang đường đều như nhau. Vấn đề cần đặt ra với cả hai đạo Tin Lành và Công Giáo là, đối với Tin Lành, có thật là *Thánh Kinh là uy quyền*

duy nhất và đầy đủ của đức tin, và đức tin như thế nào?, và đối với Công Giáo, có thật là *truyền thống của Giáo Hội* [nghĩa là tất cả những điều giáo hội dạy] *trải dòng lịch sử do các Giáo Hoàng và Giáo Hội Nghị lập thành có giá trị quyết định trong các vấn đề niềm tin và giáo lý*, dựa vào cái gì mà khẳng định như vậy?

II.- Vài Nét Về Căn Bản Cấu Trúc Quyền Lực Của Công Giáo.

Trước hết, chúng ta hãy tìm hiểu Công Giáo. Như Mục sư Nguyễn Văn Huệ đã nhận định ở trên: Giáo hội Công Giáo đã có thời cấm tín đồ đọc Thánh Kinh: thứ nhất, vì sợ tín đồ nhận ra những sự sai trái trong Thánh Kinh, và thứ nhì, những người lãnh đạo Công Giáo muốn giữ độc quyền giải thích Thánh Kinh và tín đồ chỉ có việc nghe theo vì không thể nào biết được những giải thích đó đúng hay sai, có phù hợp với những điều viết trong Thánh Kinh hay không? Nhưng Thánh Kinh không phải là cuốn sách duy nhất mà Giáo hội Công giáo cấm tín đồ đọc. Sách lược chính của Giáo hội Công giáo là nhốt tín đồ vào trong vòng đen tối trí thức để dễ bề ngự trị. Chúng ta có thể thấy rõ điều này qua sự kiện sau đây.

Từ 1559, Giáo hội đã đưa ra danh sách những sách cấm tín đồ đọc, vi phạm "luật thánh" này sẽ bị vạ tuyệt thông. Theo Wikipedia thì đó là danh sách những ấn phẩm mà Giáo hội Công giáo kiểm duyệt vì nguy hiểm đến chính Giáo hội và đức tin của các tín đồ [*The Index Librorum Prohibitorum* ("List of Prohibited Books" or "Index of Forbidden Books") is a list of publications which the Catholic Church censored for being a danger to itself and the faith of its members.] Trong danh sách những cuốn sách cấm đọc, với 32 ấn bản trong hơn 400 năm, từ 1559 đến 1966, chúng ta có thể đếm được 6892 đầu sách cấm tín đồ đọc, và trong mỗi ấn bản đều chứa những luật của Giáo hội về vấn đề đọc sách, bán sách và kiểm duyệt sách. [The various editions also contain the rules of the Church relating to the reading, selling and censorship of books.] Bởi vậy chúng ta không lấy gì làm lạ khi thấy kiến thức của tuyệt đại đa số tín đồ Công giáo các cấp quá thiếu sót, nghèo nàn, cho nên thường không đủ khả năng để đối thoại một cách nghiêm chỉnh, khoan nói đến chuyện thành công trong xã hội bên ngoài. Điều này sẽ được chứng minh qua một số tài liệu trong phần sau. Một câu hỏi được đặt ra là, những sách giáo hội cấm tín đồ đọc thuộc loại nào. Chúng ta hãy duyệt qua danh sách những tác giả bị cho vào sổ "đoạn trường" [*nghĩa là có tác dụng làm cho giáo hội đứt ruột vì nguy hiểm cho giáo hội và cho đức tin của tín đồ*] của giáo hội, từ đó chúng ta có thể thấy những tác phẩm của họ thuộc loại nào và chính sách giáo dục của giáo hội Công giáo thuộc loại nào. Sau đây chỉ là danh sách một số nhỏ tác giả có tên tuổi điển hình khá quen thuộc trong giới độc giả, theo thứ tự a,b,c:

Woody Allen, Karen Armstrong, Balzac, Bergson, Giordano Bruno, Joseph Campbell, Nicolaus Copernicus, John Cornwall, d'Alembert, Descartes, d'Holbach, Denis Diderot, Alexandre Dumas, La Fontaine, Gustav Flaubert, Anatole France, Galileo Galilei, Edward Gibbon, Andre Gide, Allen Ginsberg, Andrew Greeley, Herman Hesse, Adolph Hitler, Victor Hugo, David Hume, John Irving, James Joyce, Carl Jung, Emmanuel Kant, Nikos Kazantzakis, Eugene Kennedy, Hans Kung, Harold Kushner, Henri Lefebvre, Sinclair Lewis, John Locke, Richard P. MacBrien, Somerset Maugham, Karl Marx, John Milton, Montaigne, Montesquieu, Vladimir Nabokov, Nietzsche, Pascal, Marcel Proust, Rabelais, Jean-Jacques Rousseau, Salman

Rushdie, Bertrand Russell, Jean Paul Sartre, Gore Vidal, Voltaire, Gary Wills, Tennessee Williams, Kenneth Woodward, Emile Zola. [Có một điều lạ là Darwin không nằm trong danh sách này, và cuốn Mein Kampf của Hitler cũng không nằm trong danh sách những cuốn bị Giáo hội kiểm duyệt].

Chúng ta hãy tự hỏi nền giáo dục Công giáo thuộc loại nào khi ra lệnh cấm tín đồ không được đọc những sách của các tác giả trên. Nhưng làm sao mà giáo hội có thể ngăn chặn được sự tiến bộ trí thức của nhân loại? Khi mà giáo hội không còn nắm toàn quyền giáo dục toàn dân như ở Âu Châu trước đây, và người dân đổ xô đi học các trường học công cộng (public schools), thì xảy ra một nghịch lý. Giáo hội cấm thì cứ cấm, còn các trường học công cộng vẫn cứ dạy học trò về những tác giả bị cấm, vì các tác giả này thuộc chương trình học về tư tưởng, triết lý, và văn chương nhân loại. Và tuy danh sách những sách cấm đọc đã được bãi bỏ từ năm 1966, ngày nay giáo hội vẫn khuyên các con chiên đừng đọc những sách thuộc loại nguy hiểm, bảo đó chỉ là sự hướng dẫn đạo đức chứ không phải là luật cấm. [Today the Church may issue an "admonitum," a warning to the faithful, that a book might be dangerous. It is only a moral guide, however, without the force of ecclesiastical law.] Nhưng vì truyền thống "quên mình trong vâng phục" của các tín đồ, cho nên khi một ông linh mục hay giám mục "khuyên" tín đồ không nên đọc cuốn sách nào thì tín đồ sẽ không dám đọc cuốn sách đó, vì họ đã được dạy là không vâng lời "bề trên" thì sẽ bị "Chúa phán xét", linh hồn không được "cứu rỗi".

Thật ra thì Giáo hội Công giáo chỉ dùng Thánh Kinh một cách hết sức chọn lọc, và lẽ dĩ nhiên, diễn giải những đoạn chọn lọc trong Thánh Kinh theo ý giáo hội bất kể sự thật, và cũng lẽ dĩ nhiên tuyệt đại đa số tín đồ cũng chỉ biết về đạo của họ qua những lời diễn giảng một chiều này. Giáo lý của Giáo hội đặt nặng trên truyền thống của Giáo hội, nghĩa là đặt nặng trên những điều "Giáo hội dạy rằng.." dù rằng những điều này không hề có trong Thánh Kinh. Thật vậy, chúng ta có thể đọc câu sau đây trong cuốn *Giáo Lý Của Giáo Hoàng* (The Pope's Catechism) của J. Sheatsley, trang 80:

Tín đồ Công giáo phải tin tất cả những gì Thiên Chúa đã mạc khải và tất cả những gì Giáo hội Công giáo dạy, bất kể là những điều đó có hay không có trong Thánh Kinh. Vì Truyền Thống Công giáo (nghĩa là những gì giáo hội dạy) và Thánh Kinh đều do Thiên Chúa mạc khải.

(A Catholic must believe all that God has revealed and the Catholic Church teaches, whether it is contained in Holy Scripture or not. Because Catholic Tradition and Holy Scripture were alike revealed by God.)

Giáo hội Công giáo đã viện cái gọi là "mạc khải của Thiên Chúa" để tự tạo quyền lực cho mình. Nhưng điều này chỉ có thể thuyết phục được đám tín đồ mà tuyệt đại đa số thuộc loại thất học trong thời bán khai và Trung Cổ, nhất là trong những thời đại mà Giáo hội giữ độc quyền đọc và diễn giảng Thánh Kinh. Nhưng từ thế kỷ 16, khi mà cuốn Thánh Kinh được dịch ra các tiếng địa phương và người dân được tự do đọc Thánh Kinh thì người ta đã khám phá ra rằng cuốn Thánh Kinh chứa rất nhiều điều sai lầm về khoa học và thần học, do đó, tuyệt đối không phải là sản phẩm "mạc khải" của một thiên chúa toàn năng, toàn trí....

Thật vậy, kết quả nghiên cứu về cuốn Thánh Kinh trong vòng 200 năm gần đây của các học giả Tây phương đã đi đến kết luận:

"Các học giả Âu Châu đã phân tích Thánh Kinh kỹ hơn bao giờ hết, và kết luận của họ là: Thánh Kinh không phải là cuốn sách do Thiên Chúa mặc khải mà viết ra, như các Ki Tô hữu đã thường tin từ lâu, do đó không thể sai lầm. Thật ra, đó là, một hợp tuyển lộn xộn những huyền thoại cổ xưa, truyền thuyết, lịch sử, luật lệ, triết lý, bài giảng đạo, thi ca, chuyện giả tưởng, và một số ngụ ý tạo rất hiển nhiên."

(European scholars were scrutinizing the Bible more closely than ever before. They had concluded that the Bible was not, as Christians had long believed, a book dictated by God and therefore infallibly true. It was, instead, a disorderly anthology of ancient myths, legends, history, law, philosophy, sermons, poems, fiction, and some outright forgeries.)

Và Giám mục Tin Lành John Shelby Spong đã khai sáng thêm vấn đề "mặc khải" qua đoạn sau đây:

"Thánh Kinh không phải là lời mặc khải của Thượng đế.. Nó chưa từng là như vậy bao giờ! Các sách Phúc Âm không phải là những tác phẩm không có sai lầm, khải thị bởi Thiên Chúa. Chúng được viết ra bởi những cộng đồng có đức tin, và chúng biểu thị ngay cả những thiên kiến của các cộng đồng đó. Trong các sách Phúc Âm không phải là không có những mâu thuẫn nội tại đáng kể hay những quan niệm đạo đức và trí thức làm cho chúng ta ngượng ngùng, xấu hổ."

(John Shelby Spong, *Why Christianity Must Change Or Die*, p. 72: The Bible is not the word of God... It never has been! The Gospels are not inerrant works, divinely authored. They were written by communities of faith, and they express even the biases of the communities. The Gospels are not without significant internal contradictions or embarrassing moral and intellectual concepts.)

Vậy nếu Thánh Kinh không phải là những lời mặc khải của Thiên Chúa thì tất nhiên truyền thống Công giáo cũng không phải là do Thiên Chúa mặc khải như giáo hội bắt tín đồ phải tin. Thật vậy, về truyền thống giáo dục của Giáo hội Công Giáo do Thiên Chúa mặc khải, theo lời tự nhận của giáo hội, thì như thế nào? Chúng ta không thể không nhắc lại câu nói thời danh của Thánh Ignatius of Loyola (1491-1536), người sáng lập dòng Tên: *"Chúng ta phải luôn luôn sẵn sàng tin rằng cái mà chúng ta thấy là trắng thực sự là đen, nếu hàng giáo phẩm trong Giáo hội [Công Giáo] quyết định như vậy [do sự mặc khải của Thiên Chúa]."* (We should always be disposed to believe that which appears white is really black, if the hierarchy of the Church so decides). Giáo hội luôn luôn cho rằng có Thánh Linh hướng dẫn trong mọi sự việc, cho nên quyết định trắng thành đen có thể cũng là sự mặc khải của một Thiên Chúa toàn năng toàn trí của Giáo hội Công Giáo. Nhưng chúng ta phải công nhận là, làm cho tín đồ phải tin như trên, đi kèm với sách lược cấm tín đồ đọc Thánh Kinh, cùng cấm đọc những tác phẩm, báo chí v.v.. mà giáo hội không cho phép để nhốt đầu óc của các tín đồ vào cái ngục tù tâm linh của giáo hội là sự thành công lớn nhất của Giáo hội Công giáo.

Một câu nói thời danh khác gần đây của giáo sư Nguyễn Văn Trung, một tín đồ Công giáo, về Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Việt Nam: "*Tòa Thánh có đánh r... cũng khen thơm*" đã nói lên sự thực về bản chất của Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Việt Nam và cùng lúc, sự thành công của Giáo hội hoàn vũ đối với tuyệt đại đa số người Công giáo Việt Nam, một sự thực khá đau lòng đối với tuyệt đại đa số người dân Việt Nam trước sự bất hạnh của 7% dân số theo đạo, nạn nhân của sách lược "ngu dân dễ trị" của một định chế tôn giáo. Charlie Nguyễn, một trí thức Công giáo đạo gốc, trong một gia đình theo đạo từ thế kỷ 16, đã phải đau lòng mà viết rằng: *Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Việt Nam phải gánh phần lớn trách nhiệm trong việc nhốt những con chiên của mình vào những chuồng tâm linh tăm tối*. Nhưng trách như vậy là Charlie Nguyễn đã lầm, vì đó là chính sách của Giáo hội Công Giáo, và Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Việt Nam chẳng qua chỉ gồm những thuộc hạ của Giáo hoàng và của tập đoàn chỉ đạo ở Vatican, và vì chính quyền lợi thế tục của họ mà họ phải duy trì chính sách này. Bởi vậy mà cho đến ngày nay mà tuyệt đại đa số tín đồ Công Giáo Việt Nam, kể cả một số trí thức Công Giáo, vẫn còn tin Giáo hoàng là đại diện của Chúa Giê-su trên trần, có quyền cho họ lên thiên đường hay tuyệt thông họ, và vẫn có những ông Linh mục như Linh mục Vũ Đức ở Detroit rao giảng: "*Linh Mục là Chúa thứ hai*" (alter Christus) v.v.., trong khi đối với giới hiểu biết thì chẳng làm gì có Chúa thứ nhất, khoan nói đến vài ngàn "Chúa thứ hai" đã từng đi cưỡng bách tình dục các nữ tu và trẻ con, cùng ăn cắp tiền của nhà thờ như tuần báo Time, số ngày 26 tháng 2, 2007, mới phanh phui, và phạm đủ mọi thứ tội như lịch sử đã ghi rõ.

Để nắm giữ đầu óc tín đồ từ ngày sinh ra đời đến ngày chết, và để tạo quyền lực cho giới chăn chiên trước đàn con chiên thấp kém, Giáo hội Công Giáo còn dựng lên những màn ảo thuật gọi là "bí tích" [sacraments], những lễ tiết tín đồ bắt buộc phải tin hiệu năng huyền nhiệm của chúng theo như những lời "giáo hội dạy rằng", dù giáo hội "bí đặc", không làm sao giải thích được tại sao lại phải tin như vậy, vì bản chất những "bí tích" này thuộc loại mê tín dị đoan. Giáo hội dạy rằng mọi "bí tích" này là do Chúa Giê-su lập ra, và con chiên nghe đến Chúa là mất hết lý trí, chỉ việc nhắm mắt tin theo. Trong cuộc thảo luận sau khi trình chiếu cuốn phim tài liệu *The Lost Tomb of Jesus* của đài Discovery, khi được hỏi ý kiến về những sự kiện khoa học khám phá ra trong phim, một ông linh mục đã thản nhiên trả lời: "*Đức tin là về sự huyền nhiệm, không về khoa học*" [Faith deals with mystery, not science]

"Bí tích" then chốt trong Công giáo để nắm giữ đầu óc tín đồ là "bí tích" Truyền Chức Linh Mục. Đây là mảnh mưu then chốt của Giáo hội để tạo quyền lực thần thánh cho một người học nghề Linh mục, đột nhiên biến một người học nghề linh mục trong vài năm thành một người có quyền thay Chúa, thực ra là hơn Chúa vì Chúa chưa từng bao giờ làm, để thực hiện những phép quỷ thuật trong 6 "bí tích" còn lại. Với quyền năng tự tạo này của giới chăn chiên như linh mục, giám mục v.v.., giáo hội có thể dùng 6 bí tích kia: rửa tội, thêm sức, xưng tội, truyền thánh thể, hôn phối và xức dầu thánh, để ngự trị, kiểm soát, và mê hoặc tín đồ từ ngày sinh, bắt đầu bằng bí tích rửa tội, cho đến ngày chết, bằng bí tích xức dầu.. Tôi sẽ không đi vào chi tiết 6 bí tích này, bài nhận định về các bí tích của Công giáo đã được đăng trên trang nhà Giao Điểm trước đây. Vì bí tích "truyền chức linh mục" là bí tích then chốt để nắm giữ đầu óc tín đồ, cho nên, tôi xin được đi vào khá nhiều chi tiết về chủ đề này. Trước hết, chúng ta hãy đọc một đoạn trong Sách *Giáo*

Lý Công Giáo (Katholischer Katechismus), bản dịch của Hoài Chiên và Nguyễn Khắc Xuyên, nhà in Zieles, Texas, xuất bản năm 1991, viết về nghi thức Truyền Chức Linh Mục như sau, trang 231:

"Khi phong chức linh mục, đức giám mục im lặng đặt tay trên đầu mỗi vị phụ tế và cầu xin Chúa Thánh Thần ngự xuống trên họ. Các vị linh mục dự lễ cùng đặt tay trên đầu họ như vậy. Bấy giờ đức giám mục mới hát kinh tiền tụng để phong chức linh mục. Giám mục lại cho các vị đeo khăn vai quàng qua ngực và mặc áo lễ để chỉ dấu hiệu linh mục. Đoạn xức dầu thánh vào hai bàn tay và trao chén thánh đựng rượu nước, như dấu chỉ từ nay các vị có thể dâng thánh lễ. Đoạn giám mục cử hành thánh lễ cùng với các vị tân linh mục. Sau cùng, giám mục còn đặt tay lần nữa trên đầu các vị tân linh mục mà đọc rằng: "Hãy nhận lấy Chúa Thánh Thần, chúng con tha tội cho ai thì họ được tha, cầm giữ ai thì họ bị cầm giữ".

Đọc đoạn trên, nếu ngày nay còn có người nào tin tất cả những điều trong đó thì gõ vào đầu họ ta sẽ nghe được một tiếng vang lớn. Trước khi bình luận bí tích đầy chất hoang đường này, có lẽ chúng ta cũng nên biết Giáo hội Công giáo đã tạo nên chức vụ linh mục với những quyền năng như thế nào để nắm giữ đầu óc đám con chiên ở dưới, và thực chất các linh mục đã được đào tạo như thế nào, rồi từ đó chúng ta mới có thể suy ra giá trị của những điều sách Giáo Lý Công Giáo viết về bí tích truyền chức linh mục.

Trước hết là quan niệm của Giáo hội tại sao phải có các linh mục. Dựa trên những điều trong Thánh Kinh mà ngày nay tuyệt đại đa số giới trí thức ở trong cũng như ở ngoài Giáo hội đã cho là thuộc loại các huyền thoại cổ xưa, nay đã không còn giá trị: những huyền thoại về tội tổ tông, con người sa ngã, tội lỗi trước Thiên Chúa v.v., không thể trực tiếp trở lại với Thiên Chúa nên cần đến những trung gian để đưa con người trở về với Thiên Chúa. Những trung gian này, theo giáo hội tự quyết định, là những linh mục. Thật vậy, chúng ta hãy đọc đoạn sau đây của Loraine Boettner trong cuốn *Roman Catholicism*, trang 43:

"Ý tưởng cốt yếu về một linh mục là về một người trung gian giữa Thiên Chúa và người. Trong tình trạng sa ngã con người là kẻ có tội, mắc tội với Thiên Chúa, và xa lìa Thiên Chúa. Hẳn ta không có quyền đến gần Thiên Chúa, cũng như không có khả năng, và ngay cả mong muốn để đến với Thiên Chúa. Do đó hẳn ta ở trong tình trạng tuyệt vọng cho đến khi một người nào đó gánh nhiệm vụ làm đại diện của hẳn trước Thiên Chúa."

(Loraine Boettner, *Roman Catholicism*, The Reformed Company, New Jersey, 1962: The essential idea of a priest is that of a mediator between God and man. In his fallen estate man is a sinner, guilty before God, and alienated from him. He has no right of approach to God, nor does he have the ability, or even the desire, to approach him. Instead, he wants to flee from God, and have nothing to do with Him. He is, therefore, helpless until someone undertakes to act as his representative before God.)

Do đó, Công Đồng Trent, năm 1545-1563, ra sắc lệnh bắt mọi tín đồ Công Giáo phải tin những điều tự khẳng định vô căn cứ như sau, nếu không sẽ bị vạ tuyệt thông:

"Linh mục là người của Thiên Chúa, là giáo sĩ của Thiên chúa.. Kẻ nào khinh thường linh mục là khinh thường Thiên Chúa; kẻ nào nghe lời linh mục là nghe lời Thiên Chúa. Linh mục có quyền tha tội như Thiên Chúa, và cái mà ông ta gọi là thân thể của ông ta trước bàn thờ Thiên Chúa phải được cả giáo đoàn sùng bái như Thiên Chúa.. Điều rõ ràng là nhiệm vụ của ông ta không có gì có thể quan niệm vĩ đại hơn. Do đó, những linh mục không chỉ là những thiên thần, mà còn là Thiên Chúa, người trong chúng ta nắm quyền năng của Thiên Chúa bất diệt."

(Ibid., p.51: The Council of Trent, whose decrees must be accepted by all Roman Catholics under pain of mortal sin of excommunication, says: The priest is the man of God, the minister of God.. He that despiseth the priest despiseth God; he that hears him hears God. The priest remits sin as God, and that which he calls his body at the altar is adored as God by himself and by the congregation...It is clear that their function is such that none greater can be conceived. Wherefore they are justly called not only angels, but also God, holding as they do among us the power and authority of the immortal God.)

Có cái gì có thể hoang đường và lỗ bịch hơn?? Nhưng trong thời Trung Cổ ở Âu Châu, thời đại của đức tin (The ages of faith), tuyệt đại đa số người dân thuộc lớp người ít học hoặc vô học, mù chữ, cho nên những sắc lệnh hoang đường, lỗ bịch như vậy không thành vấn đề đối với họ, vì giáo hội hứa hẹn với họ một chỗ trên thiên đường, do đó họ có thể tin bất cứ điều gì. Nhưng bất hạnh thay, ngày nay có vẻ như vẫn còn có nhiều người, hầu hết ở trong những ốc đảo dân trí thấp kém nhất trong xã hội ở một số nước nghèo, nhỏ, kém phát triển, thực sự tin như vậy, và chẳng cần nói chúng ta cũng biết họ thuộc lớp người nào. Chắc quý độc giả không tin vì vượt ngoài sự tưởng tượng của con người trong thời đại ngày nay. Không hẳn vậy, một thí dụ điển hình là ở Việt Nam: trong một thư của 12 môn đồ của linh mục Nguyễn Hữu Trọng đệ lên Giáo hoàng John Paul II và Hồng Y Phạm Đình Tụng năm 1998, có nói đến một số vấn nạn trong nội bộ Công giáo Việt Nam trong đó chúng ta có thể đọc được vài đoạn điển hình sau đây:

"Nhiều Linh Mục VN thường thường hể lên tòa giảng là thao thao bất tuyệt lên giọng dạy đời, chửi bới giáo dân, dùng lời Chúa xỏ xiên đảng này đảng khác, hoặc văn chương lá lướt, ăn nói bặt mạng, chọc quê chọc cười cho giáo dân vui tai... Dòng ta lại có Linh Mục Phạm Thanh Quang giảng thì hết xẩy, nổi tiếng nói nhiều, nói dai, nói dài, nói dở, chẳng ăn nhập gì với lời Chúa, bạ đâu tán đó, Hồng Lâu Mộng, Tề Thiên, Bao Công, BBC... chị em ta chào mời ở đường Tú Xương ra sao, ông bê vào bài giảng hết tội... Ai có dịp đi lễ của Linh Mục Chân Tín đều cảm thấy bị nghe đường lối chính trị của ông mà ông cho đó là lời Chúa... Các Giám Mục, Linh Mục của chúng ta thường làm ngược lời Chúa, tranh thủ quyền lực, tiền tài, cấu kết với các thế lực để mở mang nước Chúa, nên đã sa vào con đường sắc dục một cách bệnh hoạn, quấy rối tình dục bữa bãi, trẻ không tha, già không thương, làm cho Linh Mục sao nhãng việc truyền giáo và ham mê việc truyền giống.... Giáo phận Saigon có một số giáo xứ nổi tiếng về truyền thống có các linh mục truyền giống như Xóm Chiếu, Thị Nghè, Vườn Xoài, Tân Định... Hội đồng giáo xứ Tân Định biết rõ các LM bê bối của mình, nhưng không dám làm gì cả, sợ mang tiếng.

Các cha đẹp trai, "cơm Đức Chúa Trời ngon, con Đức Chúa Trời đẹp", lăm tiền, nhiều quyền, no cơm ấm cật, không ai kiểm soát được... "tối làm tình sáng làm lễ"; "Khi Giáo dân trình lên Bề trên

những yếu đuối của các Linh Mục thì thường được dạy bảo rằng: "các con đừng nói hành các cha kẻ mắc tội với Chúa, đừng xét đoán các cha kẻ bị Chúa phán xét." Nghe dạy như thế, nhiều giáo dân sợ hãi vô cùng, phải nhắm mắt làm ngơ trước những đồi bại của các Linh Mục ma giáo, khéo che đậy và nịnh bợ các Đấng Bề trên!"

Đây là một tài liệu quý giá xuất phát từ nội bộ Công Giáo Việt Nam, đã được đăng trong cuốn *Tại Sao Không Theo Đạo Chúa, Tuyển Tập 2*, trang 154-171, Ban Nghiên Cứu Đạo Giáo phát hành, Texas, 1998. Các "bề trên" ở Việt Nam vẫn còn luôn luôn đưa Chúa ra làm con ngáo ộp để đe dọa tín đồ, nhốt các tín đồ thấp kém vào trong khuôn phép, và cũng cho thấy trình độ của giáo dân ra sao mà không dám nói đụng đến các cha vì sợ mắc tội với Chúa, bị Chúa phán xét không cho lên thiên đường. Quả thật là tội nghiệp. Nhưng ngày nay, nếu mang sắc lệnh trên đọc cho dân Mỹ nghe thì họ sẽ cười bể bụng, vì nguyên trên đất Mỹ đã có tới 4392 Linh mục bị truy tố ra tòa vì tội loạn dâm, một số nằm bóc lịch trong tù, và giáo hội Công giáo đã phải bỏ ra hơn tỷ đô la để bồi thường cho các nạn nhân tình dục của các cha..

Để bảo vệ quyền năng tuyệt đối của linh mục đối với giáo dân, Công Đồng Trent còn tuyên bố: *"Ngay cả đối với những linh mục đang sống trong tội lỗi nghiêm trọng [mortal sins là những tội trọng mà sau khi chết linh hồn sẽ bị đọa đầy xuống hỏa ngục vĩnh hằng, theo giáo lý Công giáo], cũng vẫn có cùng nhiệm vụ tha tội như là các giáo sĩ của Chúa Ki-Tô."* (Even those priests who are living in mortal sin exercise the same function of forgiving sins as ministers of Christ.) Vì thế cho nên tới ngày nay, đặc biệt trên đất Mỹ, vẫn có những linh mục tối loạn dâm, ngày tha tội, hay theo tình hình ở Việt Nam ở trên, *"tối làm tình sáng làm lễ"*, và lẽ dĩ nhiên, *vẫn có quyền tha tội cho các con chiên*.

Chính sách nhồi sọ của Công giáo quả thật hữu hiệu, bởi vậy mà có một ông Tổng Giám Mục ở Ottawa, Canada, không ngần ngại lên tiếng tự ca tụng một cách gián tiếp như sau:

"Hãy coi quyền năng của Linh mục. Chỉ bằng một lời nói từ những bờ môi ông ta biến một mẩu bánh thành một Thiên Chúa! Một sự kiện vĩ đại hơn là sự sáng tạo ra một thế giới. Nếu tôi gặp một linh mục và một thiên thần, tôi sẽ chào ông linh mục trước rồi mới chào thiên thần sau. Linh mục giữ địa vị của Thiên Chúa."

(Lorraine Boettner, Ibid., p. 51: An Archbishop of Ottawa, Canada, says: See the power of the priest! By one word from his lips he changes a piece of bread into a God! A greater fact than the creation of a world. If I were to meet a priest and an angel, I would salute the priest before saluting the angel. The priest holds the place of God.)

Qua những sắc lệnh và chính sách mê hoặc nhồi sọ của Giáo hội về một cái bánh vẽ "cứu rỗi" trên trời, Giáo hội Công Giáo đã thành công dựng lên chức vụ linh mục như là một nhà độc tài trong cái gọi là "hội thánh", ngự trị trên đám giáo dân thấp kém. Sự thành công này thực hiện được là nhờ giới linh mục đã cấy vào đầu óc tín đồ từ khi còn nhỏ những giáo lý phi thực tế như "Cha cũng như Chúa", "Cha có quyền tha tội", "Cha giữ chìa khóa thiên đường", "Đụng đến Cha là bị Chúa phạt", "hỏa ngục" v.v.. Thực tế cho chúng ta thấy rằng trong những ốc đảo Công Giáo dân trí còn thấp kém, giáo dân đã được đưa vào khuôn đúc phải hoàn toàn tuân phục ông

linh mục. Linh mục kiểm soát và quyết định mọi việc cho giáo dân, từ việc đi lễ nhà thờ, học trường học nào, lập gia đình ra sao, nuôi nấng con cái như thế nào, đọc cái gì, và nếu tham dự chính trị thì phải theo sự chỉ đạo của linh mục. Tất cả những điều này đều liên hệ đến “bí tích” xưng tội, vì với “bí tích” này linh mục có thể biết rõ về nội tâm, những khao khát của tín đồ và gia đình họ. Thật vậy, một tín đồ Công giáo tỉnh ngộ, John Carrara, đã viết trong cuốn *Romanism Under The Searchlight*, trang 70, như sau:

Phòng xưng tội là là một hệ thống gián điệp – một hệ thống về chế độ nô lệ. Linh mục là một gián điệp trong mọi nhà. Nhiều tín đồ Công giáo bị “sốc” vì những câu hỏi đặt cho họ. Chúng ta hiểu ngay tại sao hầu hết các tín đồ Công giáo đều nhút nhát, sợ ông linh mục và tuyệt đối tuân phục những ý muốn của ông ta vì họ biết rằng, qua phòng xưng tội, ông linh mục đã nắm chắc những thói quen và đời sống của họ mà không có ai khác biết được.

(Lorraine Boettner, Ibid., p. 214: The confessional is a system of espionage – a system of slavery. The priest is the spy in every home. Many Catholics are shocked by the character of the question put to them...One can readily understand why most Catholics are timid and afraid of the priest and are obedient to the letter of his wishes because they know that through the confessional the priest has secured a knowledge of their habits and life that no one else knows anything about.)

Nói tóm lại, với vai trò linh mục được giáo hội dựng lên, ảnh hưởng của linh mục trên giáo dân thật là to lớn, và những giáo dân thấp kém không có khả năng trí thức để đặt nghi vấn, đừng nói đến thay đổi. Ảnh hưởng này đặt nặng trên bờ vai của giáo dân từ ngày sinh cho đến ngày chết.

Một nữ nhân Công Giáo ở miền Nam Ái Nhĩ Lan (miền Công giáo) tỉnh ngộ đã viết:

“Những người nào chưa từng bị ở dưới cái ảnh hưởng này, mà từ nhỏ đã được cho phép tự do ngôn luận, tự do tri thức, và không thấy sự phân biệt giữa giáo sĩ và giáo dân, thì không thể, không bao giờ có thể hiểu được ảnh hưởng của các linh mục Công giáo La mã trên những giáo dân trong quốc gia của họ.”

(Margaret Shepherd from South Ireland, *My Life in the Convent*, p. 46: You who have never been under this influence, who have from childhood been allowed freedom of speech, liberty of conscience, and who see no distinction between your clergy and laity, you cannot, you never will understand the influence that RC priests have over the laity of their own nationality)

Đúng vậy, nếu không có loại ảnh hưởng này, thì ở Việt Nam, năm 1954, Lansdale không thể thành công kéo 700000 giáo dân Công Giáo miền Bắc đi theo Chúa và Đức Mẹ chạy trước, cha con kéo nhau chạy sau, di cư vào Nam để tránh Cộng Sản, và ở trong Nam, không thể có cảnh giáo dân Hồ Nai, Gia Kiệm vác gậy gộc đi theo linh mục Hoàng Quỳnh làm loạn ở Saigon, hô to khẩu hiệu: “Thà mất nước, không thà mất Chúa”.

Nhìn vào hệ thống quyền lực của Công Giáo, chúng ta không thấy Chúa Giê-su ở đâu. Ông ta bị đưa vào hậu trường, lẫn khuất đâu đó đằng sau ông linh mục, đằng sau Đức Mẹ, và đằng sau giáo hội. “Cha tha tội cho con” chứ không phải là “Chúa tha tội cho con”. Cha cho con ăn

bánh thánh để hiệp thông với Chúa chứ con không thể đến thẳng với Chúa. Con muốn lên thiên đường thì cầu với Đức Mẹ chứ không cầu với Chúa, và tất nhiên phải qua ngả Vatican, vì thánh Phê-rô còn ngồi yên vị, nắm chắc trong tay cái chìa khóa thiên đường đen sì, ở trong thánh đường Phê-rô, Vatican.

Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu linh mục thực ra là những người như thế nào, và đã được đào tạo ra sao, để có thể làm “Chúa thứ hai” của giáo hội, và có quyền năng vô thượng như trên.

Loraine Boettner viết trong cuốn *Roman Catholicism*, trang 59:

Hầu hết những người vào nghề linh mục được tuyển mộ từ những gia đình trung lưu hay thấp kém, những đứa trẻ khó có thể có cơ hội học lên cao hoặc thăng tiến trong đời sống, và được phong làm linh mục là có được một địa vị có uy tín mà gia đình họ không thể mang lại cho họ... Trong những địa vị mới này, ở trong những căn nhà khang trang của giới linh mục, với những lễ phục sang trọng... họ có thể cảm thấy mình đứng trên đám giáo dân. Những linh mục, vì có được những lợi thế này, trở thành những người bị mắc nợ nhiều nhất đối với hệ thống giai cấp của giáo hội, và do đó dễ bị kiểm soát nhất. Đã được đào luyện và đưa vào kỷ luật của hệ thống giáo quyền, họ cảm thấy không có quyền năng để thay đổi. Điều này thật đúng đối với những người xuất thân từ các viện mồ côi, linh mục cũng như nữ tu. Họ là những nạn nhân thực sự của hệ thống.

(Loraine Boettner, Ibid., p.59: Most of those who eventually enter the priesthood are recruited from the middle or lower class families, boys who for the most part would not have much chance for higher education or for advancement in life, and to whom ordination means promotion to a position of prestige which their family status would not likely attain for them... In their new positions, with their handsome rectories, luxurious vestments ... they can feel superior to their parishioners. Those become most beholden to the hierarchy for the advantages that they have received, are the most easily controlled. Having been drilled and disciplined into the system, they feel powerless to change. This is equally true of those who come from orphanages, whether priest or nuns. They are the real victims of the system.)

Trên đây không phải là những lời vô căn cứ để hạ thấp thực chất của giới linh mục. Chúng ta hãy đọc vài tài liệu của những vị có thẩm quyền trong Công giáo.

Linh Mục Joseph McCabe mô tả về sự đào tạo linh mục vào khoảng giữa thế kỷ 20 trong cuốn *Sự Thực về Giáo Hội Ca Tô* như sau:

"Các linh mục được tuyển mộ khi còn rất trẻ tuổi, và thường được tuyển trong giới ít học. Trong mọi quốc gia, hiện nay giáo hội gặp khó khăn trong việc tuyển mộ những người xứng đáng, và do đó phải hạ thấp nhiều tiêu chuẩn về khả năng. Như là một quy luật, được chọn vào làm nghề linh mục là những thanh niên trẻ, đối với họ việc tấn phong linh mục có nghĩa là được thăng lên một địa vị và uy tín mà với những khả năng của họ, họ không thể đạt được ở ngoài đời.

Điều này đặt cái gánh nặng đào tạo họ hầu như hoàn toàn vào trong tay giáo hội, và sở học của họ thường rất nghèo nàn. Rất ít linh mục đọc được những tác phẩm của những tác giả viết bằng tiếng La Tinh (trừ Ceasar), hay là hiểu Horace, Tacitus, hay Juvenal. Về tiếng Hi Lạp, như là

một quy luật, họ chỉ có một kiến thức sơ đẳng mà họ thường quên ngay. Về khoa học, lịch sử, và triết lý, theo cái nghĩa hiện đại, như là một quy luật, họ không có một kiến thức nào.

Khoa học được dạy trong một số rất ít các trường huấn luyện Linh mục và cũng chỉ ở trình độ sơ đẳng và trong một thời gian ngắn. Sử học được trình bày trong vài bài về lịch sử Công giáo, do các tác giả Công giáo viết.

Về khoa học và sử học, tôi không được học một bài nào trong suốt thời gian đào tạo, và, như tôi đã nói, cái "triết học" mà tôi học được chỉ liên hệ đến triết học hiện đại một cách ít ỏi như là sự liên hệ của khoa chiêm tinh học với thiên văn học.

Cái nền giáo dục mà giáo hội ban cho tôi đã được chứng tỏ rõ ràng khi tôi "trở lại đời". Tôi không thể kiếm được một chân dạy học với đồng lương 10 đô la một tuần. Ông Forbes, bạn tôi, sau khi khảo sát kiến thức của tôi, rất tiếc mà bảo tôi rằng, sử học của tôi thật là vô dụng. 3 Linh mục đồng nghiệp của tôi lặng lẽ bỏ giáo hội ra kiếm sống ở ngoài đời. Cả 3 đều thất bại và phải quay trở lại giáo hội. Giáo hội chắc chắn là có nhiều linh mục như vậy."

(Joseph McCabe, *The Truth About The Catholic Church*, pp. 89-90: Recruits are now sought at a very early age, and usually from the less educated class...The Church now, in all countries, has a difficulty in securing the proper type of recruits, and the theoretical qualifications have to be considerably lowered. As a rule, the priesthood is recruited by the adoption of young boys to whom ordination means promotion to a position and prestige which their personal merits would not otherwise obtain for them.

This casts the burden of their training almost entirely upon the Church, and their education is generally very poor. Very few priests could read any Latin author (except Caesar) at sight, or make much sense of Horace, Tacitus, or Juvenal. Of Greek they have, as a rule, received only an elementary knowledge, which they soon forget. Of science, history, and philosophy, in the modern sense, they, as a rule, know nothing.

Science is taught in very few training-colleges for the clergy, and then only in the most elementary form and for a very short time. History is represented only by a few lessons, from Catholic writers, on Church history...

In science and history I did not receive one single lesson in the whole course of my training; and, as I said, my "philosophy" had as little relation to modern philosophy as astrology has to astronomy.

The value of the education given to me in the Church was made plain the moment I returned to "the world"...I could not get a position as a teacher at ten dollars a week. My friend Mr. Forbes, regretfully told me, after a short examination, that my "education" was quite useless...Three of my colleagues secretly left the Church and tried to earn their living. Each failed, and had to return..The Church must have a high proportion of such men.)

Linh Mục James Kavanaugh, trong cuốn *Một Linh Mục Hiện Đại Nhận Xét về Giáo Hội Lỗi Thời Của Ông* có kể về sự huấn luyện các linh mục như sau:

"Sau Trung học tôi theo học 4 năm cho đến khi tôi được nhận là có đủ khả năng làm Linh mục. Trong học trình của tôi, rất hiếm khi bàn đến những nghi vấn hay quan niệm mà thường là hoặc trắng hoặc đen.

Thí dụ như, trong môn triết học, chúng tôi học qua Berkeley, Hume, và Kant chỉ trong vòng 1 tuần lễ.. Chúng tôi phải học thuộc lòng từng mỗi đề luận và định nghĩa và chứng minh rằng "lý trí" chỉ có thể dẫn một người lương thiện đến niềm tin. Chúng tôi là những người chân thật duy nhất vì chúng tôi đã bênh vực bằng "lý trí" tất cả những giáo lý về đạo đức của giáo hội. Giáo hội Công giáo chống ly dị và kiểm soát sinh đẻ, chống tự do ngôn luận và tự do tư tưởng, chống sự giải thoát con người khỏi những cơn đau đớn, chống ngoại tình, tất cả đều là những kết luận hiển nhiên của một "lý trí" không bị che mờ bởi ham muốn và lòng kiêu hãnh. Sự hiện hữu của hàng triệu người "không có lý trí" có vẻ như là không quan trọng đối với giáo hội... Đó là một nền giáo dục không có sự đồng tình, một sự huấn luyện không có sự giúp đỡ. Tôi nghe những gì họ muốn tôi nghe, và nói những gì ban giám đốc mong muốn tôi nói như vậy. Người nào chống đối thì bị gạt ra ngoài. Chỉ có những người phục tùng luật lệ, hay những kẻ ngây thơ, tiêu cực mới tồn tại. Sáng kiến không được khuyến khích trừ phi đi theo đường lối đã được chấp nhận. "Tà đạo" là danh từ để chấm dứt mọi luận cứ, và "Giáo hội dạy rằng" là nghị trình nhỏ hẹp của mọi tranh luận. Tôi không được giáo dục mà được nặn thành. Tôi không được khuyến khích suy nghĩ mà chỉ được huấn luyện để bênh vực giáo hội. Người ta không muốn tôi suy tư mà chỉ muốn tôi học thuộc lòng.

Chúa ơi! Tôi đã trở thành cái gì? Người đòi hỏi tôi dẫn dắt con chiên với sự yếu kém của xác thịt tôi, phục vụ những người đang vật lộn với tội lỗi, và tôi đã trở nên một người cứng rắn và thoải mái trong sự phục vụ chính mình. Tôi không phải là "một đấng Ki Tô khác" (alter Christus), và tôi cũng không hẳn là một con người. Tôi chỉ là một tù nhân, một mẫu mực được tổng hợp, một kẻ bênh vực cho một quá khứ mệt mỏi. (Giáo lý Công giáo nhét vào đầu những tin đồn có đầu mà không có óc cái giáo lý giáo hội bày đặt ra để ngự trị trên đám tín đồ là: "Cha cũng như Chúa" hay "Linh mục là Chúa thứ hai". Chẳng thế mà gần đây ở trong nước, trước những lời than phiền của giáo dân về sự bê bối của các Cha thì có ông Giám mục răn rằng: "Các con đừng có nói hành các Cha mà mắc tội với Chúa." (xin đọc bức thư ngỏ của các môn đồ LM Nguyễn Hữu Trọng gửi Giáo Hoàng và Hồng Y Phan Đình Tụng, đăng trong cuốn Tại Sao Không Theo Đạo Chúa, Tập 2; TCN))

Chúa ơi! Nếu tôi sẽ trở thành một linh mục thì trước hết hãy để cho tôi làm một con người đã. Đừng bắt tôi phải trốn đằng sau cái cổ áo thầy tu, chức tước, cái bề ngoài giả dối của tôi. Đừng bắt tôi phải đưa ra những câu trả lời mà chính tôi không còn tin, hoặc bắt tôi phải đúc nặn giáo dân thành những người không có nhân tính và những người dần dần chỉ biết tuân phục. Hãy để cho họ biết đến những nghi vấn do chính miệng tôi nói ra, và hãy để cho họ nói ra những nghi vấn của họ một cách thật thà. Đừng để cho tôi trói buộc họ vào giáo luật và địa ngục, hoặc làm họ sợ hãi với những câu chuyện về cái chết bất ngờ..."

(James Kavanaugh, *A Modern Priest Looks at His Outdated Church*, pp. 20-21: I studied four years after college until I was declared ready to be a priest. My studies spoke seldom of doubts or opinions and most frequently of blacks and whites.. In philosophy, for example, we could handle Berkeley, Hume, and Kant in a single week... We memorized each thesis and definition

and proved that "reason" could only lead an honest man to faith. We were the only honest men as we defended by "reason" all the moral teachings of the Church. Catholic opposition to divorce and birth control, to freedom of speech and thought, to mercy killing and adultery were all the obvious conclusions of a "reason" unclouded by passion and pride. It did not seem important that there were millions of "unreasonable" men...It was an education without sympathy, a training without recourse. I heard what I was supposed to hear, and said what the administration expected me to say. Rebels were weeded out. Only the strong and legal-minded, or the naive and passive, could last. Creativity was discouraged unless it pursued the accepted patterns which cautious minds approved. "heresy" was a word which ended every argument, and "the Church teaches" was the narrow outline of every debate. I was not educated, I was formed. I was not encouraged to think, but trained to defend. I was not asked to reflect, but to memorize.

...My God! What have I become? You asked me to minister with the weakness of my flesh, to serve the struggling sinner, and I have grown rigid and comfortable in the service of myself. I am not "another Christ," I am not even a man, I am only a prisoner, a synthetic paragon, a defender of the tired past.

God! If I am to be a priest, first let me be a man. Do not let me hide behind my collar, my titles, my false front. Do not make me give answers I do not believe, nor mold men into impersonal and uncomplaining dolts. Let them know my doubts from my own lips, and let them tell me honestly of theirs. Let me not bind them with law and hell, nor frighten them with tales of unexpected death...)

Linh Mục Emmett McLoughlin mô tả thực chất giáo dục Công giáo trong việc đào tạo Linh mục như sau, trong cuốn *Văn Hóa Mỹ và các Trường Học Công giáo*:

"Tôi không được học để suy nghĩ. Từ những năm của thời thơ ấu qua thời kỳ thiếu niên bồi rối (trong nhà Dòng) cho đến khi thành người lớn, đầu óc tôi bị đúc trong một mô thức trí thức cũng như là được đúc trong bê tông. Sự tiếp cận khoa học của tôi trong 21 năm là một "cua" về vật lý sơ đẳng. Trong 12 năm, tôi chẳng học được gì về văn học nổi tiếng của hoàn cầu. Những ánh sáng trí thức này được giam chặt trong Danh Sách Những Cuốn Sách Cấm Đọc của Giáo hội.

Nói ngắn gọn - tôi không được giáo dục - tôi chỉ bị tẩy não. Tôi đã đạt đến trình độ khô cứng của sự hiểu biết trí thức xoàng xĩnh. Tôi đã trở nên một người máy, một linh mục với những lễ nghi thiêng liêng không rõ ràng, vô nghĩa ở sự hiệu quả của chúng cũng như là những bài ca của các thầy Pháp Haiti. Tôi là một kỹ thuật viên của giáo hội được huấn luyện để đúc nặn những bộ óc trẻ, để uốn nắn..."

(Emmett McLoughlin, *American Culture and Catholic Schools*, pp. 36 -37: I did not learn to think. As the years of childhood slipped through a frustrated adolescence (in the seminary) into the days that were supposed to be those of manhood, my mind was molded in an intellectual pattern as effectively as though it had been cast in concrete.

The closest approach to science that I experienced in those 21 years was that a non-laboratory course in elemental physics...Of the world's really great literature, in 12 years I

learned practically nothing. Its greatest lights were locked in the prison of the Index of Forbidden Books.

In short, I was not educated. I was merely indoctrinated. I had achieved the level of the rigor mortis of intellectual mediocrity.

I had become an automaton, a priest of sacred, half known rites as meaningless in the efficacy as the chants of a Puerto Rican woodoo priest.

I was an ecclesiastical technician trained to mold other young, pliable minds...)

Kiến thức của các giám mục, linh mục khi xưa cũng được linh mục Trương Bá Cần nhận định như sau trong cuốn *Nguyễn Trường Tộ: Con Người Và Di Thảo*:

"Về Tây học, thì ông Nguyễn Trường Tộ quả có được các linh mục thừa sai và, đặc biệt, Giám mục Gauthier dạy cho tiếng Pháp và truyền đạt một số kiến thức khoa học, chỉ có thể là, rất phổ thông... vì các thừa sai thuộc Hội Truyền Giáo Nước Ngoài (MEP) tuyệt đại bộ phận chỉ học xong chương trình phổ thông, rồi vào các đại chủng viện học làm linh mục để gửi đến các nước truyền đạo".

Đó là thực chất những tuyển sinh và phương pháp đào tạo đa số "Chúa Thứ Hai" của Giáo Hội Công Giáo trong thời vàng son của Giáo hội, khi mà tiêu chuẩn tuyển sinh học nghề linh mục còn tương đối cao. Ngày nay tiêu chuẩn tuyển lựa đã hạ thấp nhiều vì sự thiếu hụt linh mục trầm trọng. Và Tòa Thánh đã phải vơ vào làm linh mục nhiều mục sư đã có vợ, bỏ Tin Lành để đầu quân Công giáo. Hiện nay, trong một trường Dòng ở Dubuque, Iowa, trong mấy chục người học nghề linh mục thì đại đa số là Việt Nam, rồi đến Mỹ, chẳng có mấy người da trắng. Giáo hoàng Benedict XVI đã nhận ra thực tế nên Ngài không lấy gì làm hứng khởi và than phiền: *"Nhiều người Nam Mỹ và Á Châu vào nghề linh mục không phải vì ơn kêu gọi của Chúa, mà vì những lợi thế và tiện nghi vật chất trong xã hội."* (would-be priests were only looking for a better life)

Những tài liệu trích dẫn ở trên không có nghĩa là tất cả các linh mục đều xuất thân và được đào tạo như vậy. Trong số những linh mục Công giáo có nhiều người rất xuất sắc trong đủ mọi ngành giáo dục. Có những khoa học gia, triết gia nổi tiếng trên thế giới, nhưng so với toàn thể tập đoàn linh mục Công giáo thì số người đặc biệt này quả thật là quá ít ỏi. Các giáo sĩ dòng Tên thường là những người thông minh xuất sắc, nhưng họ dùng cái thông minh xuất sắc của họ vào những việc gì thì đó lại là vấn đề khác. Đọc lịch sử dòng Tên, sáng lập bởi Ignatius of Loyola (1491-1536), với câu nói thời danh đã trích dẫn ở trên: *"Chúng ta phải luôn luôn sẵn sàng tin rằng cái mà chúng ta thấy là trắng thực sự là đen, nếu hàng giáo phẩm trong Giáo hội [Công Giáo] quyết định như vậy."* (We should always be disposed to believe that which appears white is really black, if the hierarchy of the Church so decides), và những việc các giáo sĩ dòng Tên làm trên thế giới, trong số này có tên giáo sĩ thực dân Alexandre de Rhodes đã đến Việt Nam mê hoặc những dân cùng đinh trong xã hội và viết sách xuyên tạc, mạ lỵ Đức Phật, Đức Khổng Tử, Lão Tử v.v.. thì chúng ta phải hiểu họ đã dùng sự thông minh của mình ra sao, và đã tác hại cho nhân loại như thế nào.

Độc *The Jesuits* của cựu linh mục Malachi Martin, *The Secret History Of The Jesuits* của cựu linh mục Edmond Paris, *Les Secrets Des Jésuites* của học giả Pháp André Lorulot v.v., chúng ta sẽ thấy rằng những giáo sĩ dòng Tên đã dùng sự thông minh của mình để dẫn thân vào những thủ đoạn vơ vét của cải của tín đồ và các bà góa phụ (*Les Secrets des Jésuites*), chính trị thế giới, mưu đồ xấu xa, gây chiến tranh trong suốt dòng lịch sử như thế nào. Với dòng Tên, khi chính thức nằm trong, khi nằm ngoài định chế Công giáo La Mã vì những xì-căng-đan, đã làm cho chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa là, theo Edmond Paris: *"Định chế Công Giáo La Mã không phải và chưa từng bao giờ là một giáo hội Ki-Tô. Giáo dân Công giáo đáng thương đã bị giáo hội phản bội và đang phải đối diện với một thảm họa tâm linh."* [Beyond any doubt, the Roman Catholic Institution is not a Christian church and never was. The poor Roman Catholic people have been betrayed by her and are facing spiritual disaster.]

Từ những tài liệu viết về sự đào tạo các linh mục, viết bởi các linh mục, chúng ta thấy rằng, trình độ kiến thức của phần lớn các linh mục, nhất là những linh mục ở trong những nước nhỏ, nghèo ở Nam Mỹ hay Á Châu, không có gì đặc biệt, và mục đích đào tạo các linh mục là biến họ thành những cái loa phóng thanh của Tòa Thánh Vatican, tuyệt đối trung thành với Vatican vì đã được nâng lên một địa vị cao cả đối với các tín đồ, chứ không phải để mở mang đầu óc con người, mà trái lại để tẩy não, gò bó đầu óc con người theo một chiều hướng nhất định và do đó, những linh mục sau khi tốt nghiệp cũng giống như những con ngựa bị che mắt, chỉ biết đi theo một hướng nhất định. Cái hướng nhất định này là dùng mọi thủ đoạn để thu nhặt tín đồ, vơ vét của cải thế gian, ngự trị trên đám tín đồ thấp kém, và phải tuyệt đối bảo vệ giáo hội cũng như những tín lý đã lỗi thời của Công giáo qua những luận cứ Thần học mập mờ, ngoài khả năng phán đoán của đa số tín đồ ít học.

Thật vậy, chúng ta hãy phân tích chút ít về nghi thức trong "bí tích" truyền chức linh mục. Mở đầu là *"đức giám mục im lặng đặt tay trên đầu mỗi vị phụ tế"* (nghĩa là những người sắp được phong làm linh mục) và *cầu xin Chúa Thánh Thần ngự xuống trên họ."*

Một câu hỏi được đặt ra là, lời cầu xin của giám mục có thể thành sự thật được không, cái gì chứng tỏ lời cầu xin đó được Chúa Thánh Thần chấp thuận, giả thử thực sự có cái gọi là Chúa Thánh Thần. Nếu giám mục cầu xin Chúa Thánh Thần cái gì cũng được thì bây giờ cả thế giới đã thành tín đồ Công giáo hết rồi, bởi vì chúng ta đã biết giám mục là những người mong ước, cầu nguyện, và hăng hái nhất trong việc sử dụng mọi thủ đoạn để Công giáo hóa thế giới hơn ai hết. Chúng ta cũng biết: *"Mỗi năm vào tháng Giêng thường lịch, trong nhiều thập niên, các tín đồ Công giáo La Mã (nghĩa là gồm giáo hoàng, hồng y, tổng giám mục, giám mục, linh mục và con chiên), đã để ra 8 ngày để cầu nguyện (nghĩa là cầu xin Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần chấp thuận) cho sự thống nhất của giáo hội. Ý tưởng chính trong những ngày đó, từ 18 đến 25 tháng 1, là hi vọng giáo dân Tin Lành sẽ "trở lại" giáo hội chân thật duy nhất (nghĩa là Công Giáo Rô-Ma) và Chính Thống Giáo Ki-Tô sẽ dẹp tiệm"* (Xin đọc cuốn *The Documents of Vatican II With Notes and Comments by Catholic, Protestant and Orthodox authorities*: Each year in January, for many decades, Roman Catholics have offered eight days of prayer for church unity..The general idea

behind those days of prayer, January 18-25, was the hope that the Protestants would “return” to the one true church, and the Orthodox schism would end).

Những lời cầu xin của cả tập thể Công giáo năm này qua năm khác có kết quả gì hay không? Cầu xin làm sao mà ở Nam Mỹ mỗi ngày có tới 8000 tín đồ Công giáo bỏ đạo đi theo Tin Lành đến nỗi giáo hoàng Gion Pôn Hai (John Paul II) quá lo sợ trước sự hao hụt tín đồ, không kiềm chế được, phải thốt ra những lời thiếu đạo đức, phê bình các nhà truyền giáo Tin Lành là những “con chó sói đói mồi” (ravenous wolves) đến cướp đi tín đồ của Công giáo? (Newsweek, Feb. 12, 1996). Cầu xin làm sao mà linh mục dòng Đô-mi-nic David Rice phải viết trong cuốn *Lời Nguyện Bị Tan Vỡ: Những Linh Mục Bỏ Đạo* (Shattered vows: Priest Who Leave): “100,000 linh mục Công giáo La mã đã rời bỏ giáo hội trong 20 năm qua - cứ mỗi 2 giờ đồng hồ lại có hơn 1 linh mục bỏ ra đi” (100,000 Roman Catholic priests have walked out in the last 20 years - more than one every two hours)? Nếu tin rằng lời giám mục cầu xin Chúa Thánh Thần xuống ngự trong những người sắp được phong linh mục biến thành sự thực thì chẳng lẽ khi linh mục bỏ đạo ra đi thì Chúa Thánh Thần cũng bỏ ra đi theo hay sao? Còn nữa, trong cuốn *Xin Đừng Cám Dỗ Chúng Tôi: Linh Mục Công giáo và Vấn Đề Cưỡng Bách Tình Dục Các Em Nhỏ* (Lead Us Not to Temptation: Catholic Priests and the Sexual Abuse of Children), học giả Công giáo Jason Berry đã đưa ra kết quả nghiên cứu: “Ở Bắc Mỹ, từ 1984 tới 1992, 400 linh mục Công giáo [con số ngày nay là 4392] bị tố cáo là cưỡng bách tình dục trẻ em. Cho tới nay, Berry ước tính, giáo hội đã bỏ ra hơn 400 triệu đô-la [con số ngày nay là trên một tỷ đô-la] để giải quyết những vụ trên. Một nguồn nghiên cứu dự phóng là giáo hội sẽ phải tiêu tới 1 tỷ đô-la trước khi thế kỷ này chấm dứt.” (In fact, between 1984 and 1992, 400 Catholic priests in North America have been reported for molesting children. To date, Berry estimates, \$400 million has been paid by the church to resolve these cases. One source projects that \$1 billion may be paid by century’s end.) Vậy nếu tin vào bí tích truyền chức linh mục thì Chúa Thánh Thần đã ngự trong các linh mục có trách nhiệm gì về những hành động vô đạo đức của các linh mục này không? Và khi linh mục vào tù vì những tội này thì Chúa Thánh Thần có theo họ vào tù hay không?

Vài tài liệu nêu trên kể cũng đủ để chứng minh rằng lời cầu xin Chúa Thánh Thần xuống ngự trong người sắp được phong chức linh mục tuyệt đối không có một giá trị cụ thể nào. Tất cả chỉ là những luận điệu thần học bày đặt ra để mê hoặc những tín đồ thấp kém, ngỗ hầu tạo quyền lực cho giới linh mục để họ có thể kiểm soát, thống trị con chiên. Những tài liệu này cũng cho thấy câu sau cùng trong nghi thức truyền chức linh mục: “*Hãy nhận lấy Chúa Thánh Thần, chúng con tha tội cho ai thì họ được tha, cầm giữ ai thì họ bị cầm giữ*” thật là láo lếu, phách lối, lừa bịp và hoang đường. Câu này mạ lỵ đầu óc con người và xúc phạm nặng nề những người không phải là tín đồ Công giáo. Như trên tôi đã chứng minh, lời cầu xin của giám mục là vô giá trị, vậy Chúa Thánh Thần ở đâu mà nhận. Và Chúa Thánh Thần trao quyền tha tội và cầm giữ tội cho linh mục như thế nào? Qua vài lời hoang đường của ông giám mục mà thực chất thuộc thời bán khai do nền thần học của giáo hội phía ra? Thực chất của bí tích truyền chức linh mục ra sao? Không ai biết rõ hơn linh mục Joseph McCabe, một người đã hành nghề linh mục hơn 20 năm, khi ông viết:

"Bí tích", lẽ dĩ nhiên, chỉ là một phần của hệ thống nâng cao giới linh mục, cho họ những lợi ích cá nhân to lớn trên đám tín đồ thông thường.

Nó đúng là như vậy trong bí tích "dòng thánh" hay là phong chức linh mục.. Nghi thức (truyền chức linh mục) chỉ là một tập hợp những hành động huyền bí với những lời cầu nguyện cổ lỗ có tính cách rối rắm, mê hoặc và lạ lùng đối với khán giả bên ngoài. Người ta cho là nó có hiệu lực đến độ sau đó ông linh mục có thể có quyền ra lệnh cho quỷ đi đâu thì đi, tha tội, và biến mẩu bánh thành Chúa Ki-Tô. Đó là điều người láng giềng Công giáo của bạn tin thật như vậy.

(Joseph McCabe, *The Truth About The Catholic Church*, p.70: The "sacrament" is, of course, merely a part of the system which raises a priestly caste, to their great advantage, above the common crowd. So it is with the sacrament of "holy orders" or the ordination of the clergy. The ritual is a maze, a stupendous collection of archaic prayers and mystic actions, to the onlooker. It is supposed to be so potent that henceforward the priest can order devils about, forgive sins, and turn bread into Christ. This your Catholic neighbor literally believes.)

Tại sao một linh mục đã hành nghề trong nhiều năm lại có thể viết như vậy? Bởi vì ông ta là người có đầu óc, là người không thể bán rẻ lương tâm để truyền bá những điều chính mình không tin. Ông ta là một học giả rất nổi tiếng của Mỹ, đã nhận ra những điều hoang đường lừa dối đám tín đồ thấp kém trong các bí tích. Ông ta không còn tin vào hiệu lực của các bí tích, vì thật ra không có gì có thể dựa vào đó mà tin. Rõ ràng là những bí tích đã được bày đặt ra để lừa dối những kẻ nhẹ dạ, cả tin, và những quyền lực mà tín đồ Công giáo tin rằng nằm trong tay linh mục thật ra chỉ là những ngụy quyền tự tạo. Cũng theo Linh mục Joseph McCabe thì 7 "bí tích" trong Công giáo là *"hệ thống tỉ mỉ nhất về ảo thuật mà xưa nay chưa hề có một tôn giáo văn minh nào phát minh ra được. Từ bí tích đầu cho đến bí tích cuối, chúng được thiết kế để tăng thêm quyền lực và uy tín của giới giáo sĩ."* [The most elaborate system of magic which any civilized religion ever invented. From first to last they are designed to enhance the power and prestige of the clergy.]

Vậy, chúng ta có thể tin được rằng, một người học vài năm trong trường Dòng để thành linh mục với một kiến thức thuộc loại một chiều như được mô tả trong các tài liệu trích dẫn ở trên, khi tốt nghiệp là được Chúa ban cho quyền thay Chúa để có thể làm một số những chuyện thuộc loại phù phép trong các bí tích hay không? Mà Chúa ở đâu mà ban quyền, Thánh Linh ở đâu mà linh mục nhận lãnh? Tất cả chỉ là một mớ luận điệu thần học mê tín, huyền hoặc, hoàn toàn không có một căn bản hay bằng chứng thuyết phục nào, của giáo hội phát minh ra và nhét vào đầu tín đồ từ khi còn nhỏ. Vì bị nhồi sọ từ nhỏ nên các tín đồ đặt tất cả những niềm tin của mình vào những lời có tính cách lừa dối của giới chăn chiên mà không hề nhận ra những sự vô lý và mâu thuẫn cùng cực trong những nghi thức lễ tiết được gọi là "bí tích" này.

Với căn bản được đào tạo một cách đặc biệt như được mô tả trong vài tài liệu trên, chúng ta không lấy gì làm lạ là giới linh mục đã gây tác hại nhiều cho nhân loại. Lẽ dĩ nhiên các tín đồ Công Giáo không hề biết đến những tác hại này, và vì được nhồi sọ từ nhỏ, họ luôn luôn tin tưởng Linh mục phải là người thay Chúa để dạy dỗ họ và cho họ lên thiên đường. Sau đây chúng ta hãy

điểm qua vài nhận định và ngay cả những hành động để đối phó với giới linh mục để thấy rằng bản chất của tập đoàn linh mục là như thế nào..

Sự tác hại rõ rệt nhất của giới linh mục là ngay trong nước Pháp, được coi là Trưởng Nữ của Giáo hội Công giáo La Mã. *Nếu không thì tại sao, trong cuộc Cách Mạng 1789, người dân Pháp đã chính thức đưa Lý Trí lên bàn thờ Chúa, đã tàn sát trên 17000 Linh Mục, 30000 Nữ Tu và 47 Giám Mục, và đã dẹp mọi Trường Dòng, Trường Học Công Giáo, những Dòng Tu, đốt phá nhà thờ, thư viện của Giáo hội v.v..* [Xin đọc *The Decline and Fall of The Roman Church* của Linh mục Dòng Tên Malachi Martin, Giáo sư tại Viện Nghiên Cứu Thánh Kinh Của Giáo Hoàng, và đã phục vụ trong Vatican dưới triều Giáo hoàng John XXIII, trang 196: [France, “eldest daughter of the Church”, enthroned Reason officially as supreme deity, massacred over 17,000 priests and 30,000 nuns as well as 47 bishops, abolished all seminaries, Catholic schools, religious orders, burned churches and libraries...”] Và năm 1877, khi Giáo hội Công giáo vận động phục hồi quyền năng của giới Linh mục thì Thủ Tướng Pháp Léon Gambetta đã tuyên bố trong Hội Trường: “*Giáo quyền Linh Mục: Đó là kẻ thù*” [Le Cléricalisme: voilà l’ennemi!]. Ở Mỹ Tây Cơ trước đây có luật cấm các Linh mục không được mặc áo chùng thâm ra đường và không được lập các trường học. Trong cuốn *Freedom’s Foe – The Vatican*, The Pioneer Press, London, Adrian Pigott, viết, trang 51: “*Giáo sư đại học W. K. Clifford khuyến cáo: “Nếu có một bài học lịch sử nào cho chúng ta thì đó là – Hãy giữ con cái tránh xa ông Linh mục – nếu không hẳn sẽ làm cho chúng thành những kẻ thù của Nhân Loại.”* [If there is one lesson which History forces upon us, it is this – Keep your children away from the Priest – or he will make them the enemies of Mankind] và đưa ra vài nhận định về linh mục như sau, trang 52:

“Linh mục Công giáo La Mã chủ yếu là một điệp viên của Vatican, và bắt buộc phải chỉ đạo đàn chiên theo lệnh mà hẳn ta nhận được từ những cố vấn chính trị của giáo hoàng. Hẳn ta là cảnh sát của giáo hoàng – và cũng là người thu thuế của giáo hoàng...”

Thật là sai lầm đối với chúng ta khi qui trách quá đáng cho chính các linh mục, vì nhiều người trong họ là những người đáng kính mà có thể trong thâm tâm không thích phải thi hành nhiều hoạt động mà Vatican ra lệnh. [Theo lệnh của Vatican, giới giáo sĩ ở Đức, Ý và Pháp phải đứng ra ca tụng Hitler, Mussolinilinh và Pétain (Pháp gian). Hồng Y Tổng Giám Mục ở Florence (Ý) còn hôn Mussolini trước quần chúng.] *Nhưng kỷ luật sắt có thừa của Công giáo đến độ ảnh hưởng của linh mục Công giáo La Mã trên đàn chiên thường đưa đến cảnh khốn khổ “kẻ mù dẫn dắt người mù”. Là người Anh, người Mỹ, Peru, Ba Lan hay Cuba, giám mục và linh mục Công giáo đã hoàn toàn lệ thuộc Vatican để thi hành những huấn thị của những người ở trong cái Phòng Kín ở La Mã – ngay cả khi những lệnh đó có hại cho chính quốc gia của họ hay xúc phạm đến lý trí của họ. Nói cách khác, họ như là nô lệ trong hệ thống chính trị của Vatican. Không lạ gì, Công Giáo La Mã thành công nhất ở trong những nước thuộc Châu Mỹ La-Tinh, nơi đây người dân cả tin và mê tín; trong khi ở những nước miền Bắc, dân chúng có đầu óc độc lập, Công giáo chỉ là thiểu số.”*

(The Romanist priest is primarily a Vatican agent, and is compelled to direct his flock in accordance with the commands which he receives from the Pope’s political advisers. He is the pope’s policeman – and also his tax collector as well...

It would be wrong of us to blame unduly the priests themselves, because many of them are worthy men who probably (in their heart of hearts), dislike having to carry out many of the actions which the Vatican ordains. [Under Vatican orders, the clergy in Germany, Italy and France had to come out with fulsome praises of Hitler, Mussolini and Pétain. The Cardinal Archbishop of Florence even kissed Mussolini in public] But the iron discipline abounding is such that the impact of the Romanist priest on his flock often amounts to the distressing one of "the blind leading the blind". Whether he is English, American, Peruvian, Polish or Cuban, the Romanist bishop or priest has servilely to carry out orders which he receives from the Back Room Boys in Rome – even when the orders are detrimental to the interests of his own country or if they offend his own powers of Reason. In other words, he is a sort of slave in the Vatican political network. It is small wonder that Roman Catholicism flourishes chiefly in Latin countries with their credulous, superstitious people; while in northern countries, whose people are independently-minded, it is in a minority.)

Những điều Adrian Pigott viết ở trên không phải là không có cơ sở nếu chúng ta chịu khó nghiên cứu sâu xa về Công giáo. Một trí thức Công giáo đạo gốc Việt Nam, Charlie Nguyễn, đã từng viết:

Bảy triệu tín đồ Công giáo tại quốc nội là đạo quân thứ năm bản địa dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Hội đồng này do Vatican tuyển chọn và phong chức nên. Hội đồng Giám mục Việt Nam hiện nay gồm toàn những cán bộ tuyệt đối trung thành với Vatican. Họ sẵn sàng phản bội tổ quốc Việt Nam vì tổ quốc thật của họ là "nước Chúa Vatican"!

Như trên đã nói, giới linh mục dựa vào quyền năng thần thánh tự tạo của mình để làm phép quỷ thuật trong 6 bí tích của Công giáo, khai thác đầu óc yếu kém của tín đồ, và từ đó nắm giữ đầu óc tín đồ, chỉ đạo họ đi theo con đường "quên mình trong vâng phục" Vatican. Giáo hội Công giáo đã nhồi vào đầu óc tín đồ từ khi còn nhỏ, rằng tất cả những gì giáo hội bày đặt ra và bắt tín đồ phải tin đều là thật, và đó là những "bí tích" hay "nhiệm tích", nghĩa là những tích bí mật và màu nhiệm do Chúa đặt ra, cho nên tín đồ chỉ việc tin, không cần hiểu, dù rằng, như Mục sư Nguyễn Văn Huệ đã chỉ rõ ở trên, hầu hết những tín lý và bí tích trong Công Giáo không có căn bản trong Thánh Kinh.

Khi trí tuệ nhân loại chưa mở mang thì những cái gọi là "bí tích" hay "tín lý" (dogma) đó được tín đồ tin theo, không bàn cãi. Nhưng tiến hóa là một định luật của vũ trụ trong đó có con người, cho nên, với trình độ hiểu biết của con người ngày nay, những niềm tin mù quáng, vô căn cứ, hoang đường, phi lôgic, phản lý trí, phản khoa học v.v.. vào những "bí tích" trong Công Giáo không còn chỗ đứng nữa, ít ra là trong giới có học, trí thức và khoa học, ở trong cũng như ở ngoài giáo hội. Trong những xã hội Âu Mỹ, số người đi lễ nhà thờ giảm sút một cách rõ rệt. Điều này chứng tỏ những "bí tích" không còn hấp dẫn đối với những tín đồ có trình độ hiểu biết cao. Hiện tượng nhà thờ vắng khách ở Âu Châu là một sự kiện không ai có thể phủ nhận. Trong khi đó, tại những nước chậm tiến như Phi Châu, Nam Mỹ, Mễ Tây Cơ, Phi Luật Tân và một số ốc đảo ở Việt Nam cũng như trong những cộng đồng đông đảo người Việt di cư, trình độ dân trí còn thấp, cho nên tín đồ Công giáo vẫn còn đi lễ nhà thờ đông đảo và tin vào những cái gọi là "bí tích"

mà Giáo hội dạy các tín đồ là do Chúa đặt ra, nhưng thực ra chỉ là Giáo hội đặt ra để tạo quyền lực tự ban cho giới chần chừ trong việc kiểm soát và nắm giữ đầu óc tín đồ. Tuy nhiên, ngày nay có nhiều dấu hiệu cho thấy các quốc gia Phi Châu, Nam Mỹ và ngay cả trong những ốc đảo Công giáo ở Việt Nam, con người đã bắt đầu thức tỉnh, song song với sự mở mang dân trí trong những quốc gia này. Người Công giáo Việt Nam cần phải biết rõ nhiều hơn nữa về chính tôn giáo của mình để có thể thấy rằng, lệ thuộc Vatican, dù là về tâm linh là chuyện phi lý, không có cơ sở trong Thánh Kinh, khoan kể như vậy là tự đặt mình ra khỏi cộng đồng dân tộc, vì Vatican, như một quốc gia, là một ngoại bang, và như một tôn giáo, đã có một lịch sử đẫm máu hàng triệu người vô tội và một lịch sử không mấy tốt đẹp khi truyền vào Việt Nam, biến các tín đồ Công giáo Việt Nam thành tập đoàn những kẻ phản bội quốc gia, và gây nên sự bất hòa giữa Lương và Giáo mà theo Linh Mục Lương Kim Định, xem ra không sao xóa sạch được. Ngày nay, người Công giáo Việt Nam có khuynh hướng trở về với Dân Tộc, ít nhất là theo sự tuyên truyền của Giáo hội Công giáo, nhưng nếu còn lệ thuộc Vatican, thì con đường này khó có thể thực hiện với thành tâm. Đây là một vấn nạn mà người Công giáo Việt Nam nên để tâm suy nghĩ kỹ.

PHẦN II

III.- Vài Nét Về Đức Tin Và Căn Bản Cấu Trúc Quyền Lực Của Tin Lành.

Trong Phần I, chúng ta đã biết, Mục sư Nguyễn Văn Huệ giải thích về đức tin Tin Lành như sau:

Người Tin Lành tin tưởng Thánh Kinh là uy quyền duy nhất và đầy đủ của đức tin. Người Tin Lành chỉ tôn trọng những truyền thống nào của Hội Thánh phù hợp với Kinh Thánh. Người Tin Lành muốn trở về với cội nguồn đức tin và hình thức sống đạo theo như Thánh Kinh dẫn, không thêm, không bớt.

Nói khác đi, Tin Lành đặt thẩm quyền của Thánh Kinh lên trên hết vì Tin Lành tin rằng Thánh Kinh là những lời mạc khải của Thiên Chúa, nên không thể sai lầm. Trước hết chúng ta hãy lấy một ví dụ về "đức tin Tin Lành", đức tin này có thể gói gọn trong tam đoạn luận như sau như Mục sư Rubem Alves đã trình bày trong cuốn *Protestantism and Repression*, trang 63:

Tất cả những gì trong Thánh Kinh đều đúng (Everything in the Bible is true)

Thánh kinh viết Moses là tác giả của Ngũ Kinh (The Bible says that Moses is the author of the Pentateuch)

Vậy thì Moses phải là tác giả của Ngũ Kinh (Therefore Moses is the author of the Pentateuch)

Nhưng Mục sư Rubem Alves còn là một nhà nghiên cứu Thánh Kinh lương thiện nên đã đặt vấn đề về tác giả thực của Ngũ Kinh như sau:

Ai viết Ngũ Kinh? Câu trả lời của giáo hội Ki Tô lịch sử cho câu hỏi trên là khẳng định: "Moses viết". Nếu Moses không hề viết Ngũ Kinh thì các tông đồ (ví dụ: Paul và John) đã sai lầm khi họ nói rằng Moses viết. Nếu họ sai lầm trong vấn đề này thì làm sao chúng ta có thể tin họ khi họ nói về

những vấn đề như thiên đường và đời sau? Nếu Moses không viết Ngũ Kinh thì Giê-su đã nói láo hay sai lầm khi ông ta nói rằng Moses viết. (John 5:46 - Luke 24:27 - Luke 16:31). Nếu Giê-su thực sự không biết ai viết, tuy rằng ông ta nói rằng ông ta biết, làm sao chúng ta có thể tin ông ta được khi ông ta nói những chuyện trên trời?

(Who wrote the Pentateuch? The response of the historical Christian Church to that question is definite: "Moses wrote them". If Moses did not write the Pentateuch, then the apostles (e.g., Paul and John) made a mistake when they said that he did. If they erred on this matter, how can we believe them when they deal with truths concerning heaven and the future life? If Moses did not write the Pentateuch, then Jesus lied or erred when he said Moses did. If Jesus did not know this, though he said he did know, how can we believe him when he talks about the thing of heaven?)

Tại sao Mục sư Rubem Alves lại đặt vấn đề như vậy? Chắc hẳn là ông ta đã nghiên cứu kỹ Thánh Kinh và biết đến những kết quả nghiên cứu bất khả phủ bác về xuất xứ cũng như những tác giả viết Ngũ Kinh.

Thật vậy, nếu đọc đã đọc kỹ Ngũ Kinh, ông ta phải biết rằng trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 34: 5-7, Môi-se viết về cái chết của chính mình như sau: *"Vậy Môi-se [ngôi ba], tôi tớ Thiên Chúa [God] qua đời trong đất Mô-Áp, như Thiên Chúa đã phán. Ngài (tức là Thiên Chúa) chôn ông ta (ngôi ba) tại một thung lũng đối ngang... Môi-se qua đời lúc ông ta (ngôi ba) được 120 tuổi ..."*

Và đây là một sự kiện: tất cả các học giả nghiên cứu Thánh Kinh, ở trong cũng như ở ngoài các giáo hội Ki Tô, đều đồng thuận ở một điểm: Ngũ Kinh (5 sách đầu trong Cựu Ước) không phải là do Môi-se viết mà là do nhiều người khác nhau, thuộc nhiều môn phái khác nhau, viết trong khoảng thời gian 400 năm, từ thế kỷ 9 đến thế kỷ 6 trước thời đại thông thường ngày nay (B.C.E = Before Common Era), hay Trước Tây Lịch (TTL) trong khi Môi-se sống trong khoảng thế kỷ 13 TTL. Các môn phái khác nhau đó là :

- Môn phái Yahwistic (viết tắt là J) vì gọi Chúa là Jehovah.
- Môn phái Elohist (viết tắt là E) vì gọi Chúa là Elohim.
- Môn phái Deuteronomic (viết tắt là D) viết sách Deuteronomy.
- Môn phái Priestly (viết tắt là P) viết sau khi dân Do Thái đi lưu đày (sau 500 TTL).

Chúng ta nên để ý là Mục sư Rubem Alves chỉ đặt vấn đề với chữ "Nếu". Nhưng trước những kết quả nghiên cứu hiện đại nhất thì chữ "Nếu" không còn là một nghi vấn mà đã trở thành một sự kiện: rằng tuyệt đối không phải là Moses viết Ngũ Kinh. Điều này đưa đến một sự kiện khác trong Tân Ước: Cả "Chúa Giê-su" lẫn các tông đồ Paul và John đều tin láo, nói láo là chính Moses đã viết Ngũ Kinh. Và như Mục sư Rubem Alves đã viết ở trên: *làm sao chúng ta có thể tin họ [Giê-su, Phao-Lô, Giăng] khi họ nói về những vấn đề như thiên đường và đời sau?*

Đúng vậy, những chuyện tầm thường như ai là tác giả của Ngũ Kinh mà cả Chúa lẫn Tông Đồ đều không biết, nói tầm bậy là Moses viết, vậy thì những chuyện trên trời dưới bể mà Chúa và các Tông Đồ nói chẳng qua cũng chỉ là những lời nói tầm bậy, vô căn cứ, thuộc loại ảo tưởng.

Nhưng bất hạnh thay, trên cõi đời vẫn không thiếu gì người trong đầu óc có một loại “gen” đặc biệt mà có khoa học gia gọi là “gen của Thượng đế” (God’s gene), nên vẫn cứ tiếp tục tin vào những điều không thể tin được. Đọc Mục sư Nguyễn Hữu Ninh giảng đạo cho tín đồ của ông, cũng như đọc vài tân tông Tin Lành như Lê Anh Huy, Huỳnh Thiên Hồng, Nguyễn Huệ Nhật, Khuất Minh, Phan Như Ngọc v.v., chúng ta thấy họ có cùng một “đức tin Tin Lành” như trên, và họ đang có nỗ lực mang “đức tin những điều nói tầm bậy” này về đầu óc đầu óc người dân Việt Nam.

Chúng ta đã biết, qua vài tài liệu trích dẫn trong Phần I, cuốn Thánh kinh tuyệt đối không phải là những lời mạc khải của Thiên Chúa. Vậy thật ra, thẩm quyền Thánh Kinh nằm ở đâu, ở chỗ nào trong Thánh Kinh? Chúng ta không có cách nào khác là phải đi vào nội dung của cuốn Thánh Kinh.

Thật ra thì ngày nay, những ai còn nói chuyện mạc khải, hay thẩm quyền của Thánh Kinh, thật ra chỉ là những người còn sống trong bóng tối, lạc hậu ít ra là vài thế kỷ. Bởi vì, thực tế là, Thánh Kinh có phải là do Thiên Chúa mạc khải hay không thì trong Thánh Kinh, những chuyện loạn luân vẫn là loạn luân, độc ác vẫn là độc ác, giết người vẫn là giết người, phi lý phản khoa học vẫn là phi lý và phản khoa học v.v... Thật vậy, tất cả những chuyện thuộc các loại sau đây chiếm hơn nửa cuốn Kinh Thánh: *bạo hành giết người* (Violence & Murder), *giết người hàng loạt* (Mass Killing), *loạn luân* (Incest), *ăn thịt người* (Human Cannibalism), *độc ác đối với trẻ con* (Child cruelty), *tục tĩu quá mức* (Scatology), *trần truồng* (Nakedness), *đĩ đĩ* (Harlotry), *hiếp dâm* (Rape), *thù hận tôn giáo và chủng tộc* (Religious & Ethnic Hatred), *nô lệ* (Slavery), *say rượu* (Drunkenness) v.v.. [Xin đọc cuốn *Tất Cả Những Chuyện Tục Tĩu Trong Kinh Thánh* (All The Obscenities In The Bible) của Gene Kamar], chưa kể là những lời “mạc khải” của Thiên Chúa về vũ trụ, nhân sinh, đã chứng tỏ là hoàn toàn sai lầm trước những sự kiện khoa học bất khả phủ bác ngày nay.

Chắc có độc giả không thể tin được như vậy. Xin hãy mở cuốn Thánh Kinh ra và đọc với một đầu óc chưa bị nhiễm độc, đọc từ đầu đến cuối, đừng bỏ sót phần nào. Đọc xong sẽ thấy rằng tất cả những chuyện không nên đọc như trên đều nằm trong Thánh Kinh. Nếu ngại công tìm kiếm những điều trên, có đầy trong Thánh Kinh, tôi xin giới thiệu một số tác phẩm trong đó các tác giả đã trích dẫn sẵn những câu, những đoạn trong Thánh Kinh mà lẽ dĩ nhiên các tín đồ Ki Tô Giáo không bao giờ được nghe giảng trong nhà thờ:

- “*Cuốn Thánh Kinh Thuộc Loại Dâm Ô: Một Nghiên Cứu Bất Kính Về Tình Dục Trong Thánh Kinh*” [The X-Rated Bible: An Irreverent Survey of Sex in the Scripture, AA Press, Austin, Texas, 1989] của Ben Edward Akerley: cuốn sách dày hơn 400 trang, liệt kê những chuyện tình dục dâm ô, loạn luân trong Thánh Kinh.

- “*Tất Cả Những Chuyện Tục Tĩu Trong Thánh Kinh*” [All The Obscenities in the Bible, Kasmark Pub., MN, 1995] của Kasmar Gene: cuốn sách dày hơn 500 trang, liệt kê tất cả những chuyện tục tĩu, tàn bạo, giết người, loạn luân v.v.. (Human sacrifice, murder and violence, hatred, sex, incest, child cruelty etc..) trong Thánh Kinh.

- "*Sách Chỉ Nam Về Thánh Kinh*" [The Bible Handbook, AA Press, Ausrin, Texas, 1986] của W. P. Ball, G.W.Foote, John Bowden, Richard M. Smith ...: Liệt kê những mâu thuẫn (contradictions), vô nghĩa (absurdities), bạo tàn (atrocities) v.v.. trong Thánh Kinh.

- "*Sách Hướng Dẫn Đọc Thánh Kinh Của Người Trở Lại Với Chúa Nhưng Hoài Nghi*" [The Born Again Skeptic's Guide To The Bible, Freedom From Religion Foundation, Wisconsin, 1979] của Bà Ruth Hurmence Green: Bình luận những chuyện tàn bạo, dâm ô, kỳ thị phái nữ trong Thánh Kinh.

- "*Một Trăm Điều Mâu Thuẫn Trong Thánh Kinh*" [One Hundred Contradictions in the Bible, The Truth Seeker Company, New York, 1922] của Marshall J. Gauvin: Liệt kê 100 điều mâu thuẫn trong Thánh Kinh.

- "*Lột mặt nạ Thánh Kinh*" [The Bible Unmasked, The Freethought Press Association, New York, 1941] của Joseph Lewis: đưa ra những sai lầm trong Thánh Kinh.

- "*Thẩm Vấn Ki Tô Giáo*" [Christianity Cross-Examined, Arbitrator Press, New York, 1941] của William Floyd: Phân tích từng quyển một trong Thánh Kinh.

- "*Ki Tô Giáo Và Loạn Luân*" [Christianity and Incest, Fortress Press, MN, 1992] của Annie Imbens & Ineke Jonker: Viết về Ki Tô Giáo và vấn đề loạn luân, những sự kiện về loạn luân và kỳ thị phái nữ bắt nguồn từ Thánh Kinh.

Xin nhớ rằng, những cuốn sách khảo cứu về Thánh Kinh như trên đều do các tác giả Mỹ nghiên cứu viết và đã được phổ biến rộng rãi trên đất Mỹ, và Công Giáo cũng như Tin Lành, dù có nhiều quyền thế và tiền bạc, cũng không có cách nào dẹp bỏ những cuốn sách trên, hay đối thoại để phản bác, vì tất cả đều là sự thật. Vì thế nên Khoa học gia Ira Cardiff đã đưa ra một nhận xét rất chính xác như sau:

"Hầu như không có ai thực sự đọc cuốn Thánh kinh. Cá nhân mà tôi nói đến ở trên (một tín đồ thông thường) chắc chắn là có một cuốn Thánh kinh, có thể là cuốn sách duy nhất mà họ có, nhưng họ không bao giờ đọc nó - đừng nói là đọc cả cuốn. Nếu một người thông minh đọc cả cuốn Thánh kinh với một óc phê phán thì chắc chắn họ sẽ vứt bỏ nó đi."

(Virtually no one really reads the Bible. The above mentioned individual doubtless has a Bible, perhaps the only book he owns, but he never reads it - much less reads all of it. If an intelligent man should critically read it all, he would certainly reject it.)

Tại sao lại phải vứt bỏ nó đi? Ruth Hurmence Green, một phụ nữ đã trưởng thành trong một gia đình Ki-tô và trong nền giáo dục Ki-tô trong mấy chục năm đã trả lời thay cho chúng ta trong cuốn *The Book of Ruth*, Freedom From Religion Foundation, Wisconsin, 1982, trg. 59-60, sau khi bà ta đọc kỹ cuốn Kinh Thánh, như sau:

"Không có cuốn sách nào mà trong đó mạng sống con người, thật ra là mọi mạng sống, lại rẻ rúng như vậy. Thiên Chúa ác ôn trong Cựu Ước ra lệnh cho dân Do Thái giết, cưỡng hiếp, và tra tấn không thương sót toàn thể dân chúng nhiều quốc gia, "trẻ thơ và sơ sinh, thiếu niên và trinh nữ, và người già cả."..

Không có một trang sách nào trong Kinh Thánh mà không làm tôi bất bình về một phương diện nào đó. Thật ra, sau mỗi lần tìm hiểu Thánh Kinh tôi lại muốn đi tắm rửa sạch sẽ với xà bông "lye" của bà nội. Và khi tôi thấy Kinh Thánh coi thường phụ nữ thường là tôi muốn quăng nó ra cuối phòng. Tôi nguyện không bao giờ còn cầm cuốn Thánh Kinh một cách lộ liễu trên tay ở nơi công cộng. Thomas Paine, đấng cứu rỗi thực sự của thế giới, đã tố cáo cuốn Thánh Kinh thay tôi: "Tôi thành thật ghê tởm nó như là tôi ghê tởm mọi sự độc ác."...

Nếu luật kiểm duyệt được thi hành một cách chặt chẽ, cuốn Kinh Thánh sẽ phải bán giấu diếm dưới quầy hàng"

(There is no other book in which human life, all life in fact, is so cheap. The fiendish Lord of the Old Testament orders the Jews to kill, rape, and torture without pity entire nations, "infant and suckling, young man and virgin, and the man with gray hair."

...There wasn't one page of this book that didn't offend me in some way. In fact, after a session of searching the scriptures, I always wanted to take a bath with Grandma's lye soap. And when I encountered the Bible's disdain for women, I very often almost pitched the good book across the room. I vowed never to be seen in public with an unconcealed Bible in my hands. Thomas Paine, the true savior of the world, denounced the Bible for me: "I sincerely detest it as I detest everything that is cruel."...

Strict censorship would mean that the Bible would have to be sold from under the counter.)

Trên đây chỉ là vài tài liệu điển hình nghiên cứu hiện đại nhất về cuốn Thánh Kinh của Ki Tô Giáo. Từ những kết quả nghiên cứu trên, chúng ta có quyền đặt một câu hỏi với Tin Lành: *uy quyền duy nhất và đầy đủ của đức tin* [Tin Lành] *của cuốn Thánh Kinh và cội nguồn đức tin và hình thức sống đạo theo như Thánh Kinh* dẫn nằm ở đâu trong cuốn Thánh Kinh, có nằm trong những kết quả nghiên cứu của một số tác giả trên không, và có giá trị "mặc khải" không thể sai lầm như họ thường tuyên bố không? Tôi hi vọng Mục sư Nguyễn Văn Huệ hay bất cứ Mục sư nào cũng như tất cả những trí thức Tin Lành có bất cứ bằng cấp nào, kể cả những bằng cấp về Thần Học, hãy giải đáp rõ ràng câu hỏi trên cho chúng tôi hay. Đây là vấn đề tìm hiểu trí thức, không phải là vấn đề vi phạm tự do tín ngưỡng hay tự do tôn giáo.

Sau đây chúng ta hãy đi vào phần tìm hiểu làm sao mà Tin Lành có thể có được lớp tín đồ có những "đức tin Tin Lành" thuộc loại như vậy, để có thể tạo thành cấu trúc quyền lực trong Tin Lành. Mục sư Rubem Alves có viết rõ, trang 71:

Vậy, có gì khác nhau giữa các tín đồ Tin Lành và tín đồ Công giáo? Không có gì cả, tuyệt đối không có gì. Tin Lành bác bỏ những định chế mà Công Giáo dựng lên như là những cơ cấu để kiểm soát ý thức. Nhưng sự say mê nồng nhiệt vào những điều tin chắc của mình [vào cuốn Thánh Kinh] đã bắt buộc họ phải tạo nên một "lựa chọn có chức năng khác". Thoạt nhìn, giải pháp này có vẻ khác biệt. Nhưng chức năng của sự tuyên xưng đức tin thì giống như vai trò "thầy dạy đạo" [vai trò tự nhận của Giáo hội Công giáo]

(What, then, separates Protestants from Catholics? Nothing, absolutely nothing. Protestantism rejected those institutions which were set up by Catholicism as mechanisms for

the control of consciousness. But its passion for certainties compelled it to create a "functional alternative". At first sight the solution may appear to be different. But the function of the confessions is exactly the same as that of the magisterium.)

Như vậy, cái gọi là sự "lựa chọn có chức năng khác" thật ra không ngoài việc đúc nặn đầu óc của tín đồ vào trong một khuôn mà nội dung chỉ là những điều hoang đường: tin tất cả vào cuốn Thánh Kinh và đặt sinh mạng vào sự "cứu rỗi" của Giê-su. Nhưng làm thế nào mà Tin Lành có thể nhốt các tín đồ vào cái tù ngục tâm linh đó. Không còn gì rõ ràng hơn là sự phân tích của chính một Mục sư Tin Lành, Rubem Alves về vấn đề cải đạo vào Tin Lành.

Trong cuốn "*Đạo Tin Lành Và Sự Đàn Áp*" (Protestantism and Repression, Orbis Books, New York, 1985), Mục sư Tin Lành Rubem Alves, giáo sư đại học ở Campinas, Brazil, đã phân tích rất sâu sắc về mọi khía cạnh của đạo Tin Lành, đặc biệt là về tâm thức của những người tân tòng trong Chương 2: *Cải Đạo: Cái Khuôn Xúc Động Tình Cảm Của Tin Lành* (Conversion: The Emotional Matrix of Protestantism), dài 22 trang giấy, từ 22 đến 46. Đây là một cuốn sách, dày 215 trang, rất hữu ích cho những người nào muốn tìm hiểu về đạo Tin Lành, từ cấu trúc tình cảm, nhận thức thực tại, cho đến phương pháp tẩy não, nhồi sọ những giáo điều mà Tin Lành chấp chặt bất kể đến những bằng chứng về lô-gic, về khoa học, về xã hội, những bằng chứng trái ngược với Kinh Thánh một cách rất hiển nhiên. Chúng ta hãy đọc một đoạn ngắn trong mục "*Cải Đạo và Cảnh Khổ*" (Conversion and Suffering), trang 43-44, để thấy rõ Tin Lành đã lợi dụng những tình trạng khủng hoảng về vật chất và tinh thần của con người như thế nào để kéo họ vào trong vòng mê tín của Tin Lành:

Sự phân tích vấn đề của chúng tôi đưa đến kết luận là, kinh nghiệm cải đạo là sự đáp ứng của một tình trạng khủng hoảng. Sự cải đạo giải quyết một ngõ bí tình cảm.

Đó là tại sao giáo hội phát triển nhanh hơn trong những địa phương ở đó những tiến trình xã hội đã gây ra sự khổ, đặc biệt là từ hoàn cảnh ngoài lề xã hội và sự sụp đổ ý nghĩa của cuộc đời.. Những địa phương như vậy là ưu tiên số một của các nhà thờ ở địa phương, mà những nỗ lực để tạo nên đời sống trong giáo hội được chú trọng trong những địa phương này.

Tôi không nói điều gì mới lạ đối với những người Tin Lành. Không có sự cải đạo (vào Tin Lành) nếu không có sự khủng hoảng, không có sự cải đạo mà không có sự khổ. Cải đạo là một quá trình mà con người hấp thụ sự khổ thành một ý nghĩa mới của cuộc đời và làm cho nó có ý nghĩa...

Có phải là khó hiểu không khi mà (vai trò của) Chúa Giê-su không thể rao giảng được cho những người cảm thấy mình an toàn, hạnh phúc, cho những người cảm thấy đời sống thật đáng sống, cho những người không đang ở trong cơn khủng hoảng? Có phải là kỳ cục không khi mà Chúa Ki-Tô chỉ có thể trình bày và làm cho có ý nghĩa trong những tình trạng bệnh hoạn trong đó con người bị nhiễm bởi sự bất an, bởi những cảm xúc tội lỗi, và sợ hãi cái chết? Thật ra nhiệm vụ của những nhà truyền bá phúc âm là gì? Nhiệm vụ của họ là gán cho một cơn khủng hoảng những cái tên thần học trong khi nguồn gốc của nó chỉ là tâm lý xã hội. Nhà truyền bá phúc âm tìm cách khơi động một cơn khủng hoảng mà con người có thể không cảm thấy trước, rồi từ đó, và chỉ từ đó, họ mới có thể tuyên bố: "Chúa Ki-Tô là giải đáp"

Chúng tôi bắt buộc phải kết luận rằng thế giới chỉ mở chỗ cho Chúa Ki-Tô khi nó cảm thấy ốm đau, bệnh hoạn. Có một lý do thần học nào để giải thích là tại sao sự sợ hãi cái chết lại là những bí tích đặc quyền của sự cứu rỗi? Nói cách khác, kinh nghiệm cải đạo giả định là điểm gặp nhau giữa Thiên Chúa và thế giới là sự khổ và thống khổ. Có phải là có một cách nhìn thực tại một cách tự mãn trong sự đau khổ (sodomasochistic vision of reality) tiềm ẩn ở đằng sau giả định như vậy? [Tác giả dùng từ sodomasochistic nghĩa là phối hợp của sadism (thỏa mãn trong sự độc ác) và masochism (cảm thấy thích thú khi bị thống trị hay bị bạc đãi). Về điểm này, Tin Lành không khác gì Công Giáo. Trong cuộc hành hương trước đây tại Lộ Đức (Lourdes), Giáo hoàng John Paul II đã phát biểu là ngài chia sẻ sự đau đớn vật chất của các tín đồ và bảo đảm với họ là những sự đau đớn bệnh hoạn của họ là nằm trong "kế hoạch kỳ diệu" của Thiên Chúa. (Pope John Paul II joined thousands of other ailing pilgrims at Lourdes... telling them he shares in their physical suffering and assuring them that the burden is part of God's "wondrous plan".)]

Sự khổ được biến đổi thành một dạng ân sủng, vì nó mang đến cho kẻ tội lỗi một cơ hội để gặp Chúa Ki-Tô. [Ở đây, chúng ta lại thấy Tin Lành và Công giáo gặp nhau ở điểm này. Thật vậy, một học giả chuyên gia viết tiểu sử, Anne Sebba, đã sang tận Calcutta và nhiều nơi khác để quan sát những "cơ sở từ thiện" (sic) của bà Teresa, và đã viết trong cuốn "Mother Teresa: Beyond The Image" (Mẹ Teresa: Ngoài Cái Hình Ảnh Đã Được Dựng Lên) là: "Công việc từ thiện của bà Teresa không bắt nguồn từ chính lòng từ thiện mà động cơ thúc đẩy chính là để làm sáng danh Chúa Ki-Tô và để truyền đạo... Bà Teresa đã khẳng định rằng công việc từ thiện bà làm là để phục vụ Chúa, không phải phục vụ con người, phục vụ Chúa bằng cách kiếm thêm nhiều tín đồ cho Chúa mà những sự đau khổ, bất hạnh của con người là những cơ hội để bà làm việc thiện, chứng tỏ lòng "từ bi" (sic) của bà." (Xin đọc bài Đầu Là Sự Thực? trên trang nhà Giao Điểm).] Sự khổ càng lớn thì những cơ hội truyền đạo càng nhiều. Có phải chăng điều này hàm ý là Giáo hội được đặt trong một vị thế khó hiểu là thường cầu nguyện cho nhân loại bị khổ nhiều hơn để cho con người có thể chấp nhận thông điệp của giáo hội? Đây là câu hỏi mà Dietrich Bonhoeffer [Một nhà thần học Ki-tô bị chết trong nhà tù của Đức Quốc Xã] đặt trước Giáo hội.

Vậy những nhà biện hộ cho đức tin Ki-tô, những người mang những "tin lành" thực sự đã làm những gì?

Họ chứng tỏ cho những người đang ở trong tình trạng an toàn, hài lòng, hạnh phúc, thực ra là chẳng sung sướng gì, tuyệt vọng, và không ý thức được rằng mình đang ở trong tình trạng nghiêm trọng mà mình không biết gì về nó, từ đó chỉ có họ (những nhà truyền bá phúc âm) mới có thể cứu được. Bất cứ ở nơi nào mà có sự khỏe mạnh, sức sống, sự an toàn, bình dị, họ dò xét để kiếm những trái cây ngọt ngào [những kẻ nhẹ dạ, cả tin, không có mấy đầu óc] để gặm nhấm hoặc kiếm chỗ đặt những cái trứng độc hại của họ trong đó. Họ đặt mục tiêu số một vào cách đưa con người vào tình trạng tuyệt vọng nội tâm, và từ đó những người này sẽ hoàn toàn lệ thuộc họ. [Bonhoeffer].

Cải đạo (theo Tin Lành) là một giải đáp cho một vấn nạn đau đớn. Người ta bắt đầu đi từ cải đạo đến một quan niệm về thế giới có tác dụng ngăn ngừa sự tái xuất hiện của kinh nghiệm bất an tiên khởi. Mục đích [của cải đạo] là đuổi đi sự sợ hãi. Nếu sự cải đạo đã đủ để chứng minh có thể đuổi đi sự sợ hãi, tâm thức con người sẽ gắn chặt vào kinh nghiệm cải đạo và vào quan niệm mới

về thế giới. Đó là tại sao mọi lý luận không có tác dụng ở trình độ này. Chúng ta có thể đưa ra mọi thứ bằng chứng – lô-gic, khoa học, hay bất cứ bằng chứng nào khác – để kêu gọi người cải đạo suy tư về kinh nghiệm cải đạo của họ. Bằng chứng này bị bác bỏ ngay lập tức bởi người tân tòng. [Bởi vì người tân tòng sợ phải đối diện lại với một tâm thức bất an như trước.] ¹

Nơi trang 84-85, mục sư Rubem Alves còn cho chúng ta biết rõ những người tân tòng đã cải đạo vào Tin Lành như thế nào và tâm thức của họ đã bị cộng đồng Tin Lành thay đổi như thế nào để họ có thể được chấp nhận trong “hội thánh” (sic) Tin Lành. Đọc xong đoạn sau đây chúng ta sẽ hiểu rõ hơn tại sao những tín đồ tân tòng Tin Lành như Lê Anh Huy, Huỳnh Thiên Hồng hay Nguyễn Huệ Nhật lại như những con vẹt, nhắc lại y chang những điều mà họ được truyền dạy trong những cộng đồng Tin Lành:

Tình trạng của một kẻ tân tòng giống như tình trạng của một đứa trẻ lần đầu tiên đi đến trường học. Họ không biết gì hết. Kiến thức sẽ được dàn xếp để truyền cho họ bởi một người [tự cho là] đã có kiến thức (về Tin Lành). Quá trình học tập là một quá trình tập sự. Sự tương giao xã hội giữa hai bên không phải là một sự tương giao bình đẳng. Ông thầy và kẻ tập sự, thầy dạy giáo lý và kẻ tân tòng học hỏi, không ở cùng một trình độ. Một người là thuộc cấp của người kia; do đó quyền lực nằm trong phương trình này. Những người dạy giáo lý là những người có quyền năng áp đặt những định nghĩa về thực tại của mình; những kẻ tân tòng học hỏi là những người không có quyền giữ những định nghĩa về thực tại của mình..

Ngay cả trước khi những kẻ tân tòng học hỏi bất cứ điều gì về thế giới, họ được dạy để tự coi mình như là không biết gì. Những kiến thức của họ được để trong dấu ngoặc và được dạy phải nghi ngờ. Họ không được phép viện ra những điều mà họ cho là họ biết để phê bình loại kiến thức mà “hội thánh” muốn chuyển đạt cho họ. Tại sao vậy? Vì kiến thức có trước của họ là tài sản từ các thời kỳ tăm tối và bị đầy đọa từ trước. Đầu óc của họ được đưa về tình trạng của những trang giấy trắng. Họ không có gì để nói; nhiệm vụ của họ là nghe. Là những kẻ tập sự và học hỏi, họ phải tuân phục định chế của giáo hội trong yên lặng. Nay họ biết rằng định chế đó có độc quyền về sự hiểu biết tuyệt đối, do đó có độc quyền để nói.

Như vậy, trong thế giới Tin Lành, quá trình học hỏi bắt đầu bằng một bài học thuộc loại đặc biệt về mối giao hệ xã hội: những người dạy giáo lý nói, những kẻ học hỏi ngồi yên; những người dạy giáo lý giảng dạy, những kẻ học hỏi nhắc lại. Nếu những kẻ học hỏi không biết là mình tin cái gì (như những người giảng dạy tự cho là mình đã biết), họ không đủ tư cách để nói. Đúng là những kẻ tân tòng được tự do tỏ lộ tình cảm của mình. Nhưng họ không thể nói điều gì về sự hiểu biết của họ. Đó là tại sao loại ngôn từ thích hợp của những kẻ tân tòng học hỏi là nhắc lại, như sách giáo lý (của Tin Lành) đã minh họa rõ ràng. Những sách giáo lý là sách đầu tiên để cho những kẻ tân tòng tập sự và học hỏi. Chúng chứa những câu hỏi và những câu trả lời viết sẵn. Khi nào thì những kẻ tân tòng học hỏi hiểu sách giáo lý của Tin Lành? Khi họ có thể đọc thuộc lòng những câu trả lời in sẵn trong đó. Sự học hỏi của cộng đồng Tin Lành được định nghĩa theo loại kiến thức đó, và sự kiểm tra sự học hỏi của những kẻ tân tòng là khả năng nhớ và nhắc lại những câu hỏi và câu trả lời trong sách giáo lý. Theo cách này tâm thức tập thể của cộng đồng Tin Lành được in vào đầu óc và

tâm thức của thành viên. Thế còn vấn đề tự do tìm hiểu thì sao? Thế còn vấn đề để cho những kẻ tân tông học hỏi tự mở mang trí tuệ? Không thể tìm thấy ở đâu trong đạo Tin Lành. 2

Điều này, Mục sư Rubem Alves viết không sai. Không phải là những điều trên chỉ áp dụng cho những tân tông mà còn cho mọi tín đồ. Chúng ta hãy đọc một tin trên tờ Newsweek ngày 26 tháng 3, 2007 về nhận định của một tín đồ Tin Lành về cái gọi là tự do học hỏi trong Tin Lành:

"Rất hiếm khi mà các Mục sư khuyến khích tín đồ đặt câu hỏi, nghiên cứu, suy nghĩ sâu xa và tìm hiểu các tôn giáo khác bằng một đầu óc cởi mở. Tư tưởng chính xác tỉ mỉ thì đáng nghi ngờ. Những trí thức, đặc biệt là phụ nữ trí thức không được hoan nghênh. Trong kinh nghiệm của tôi, các mục sư chỉ muốn tín đồ tin, tuân phục và đóng nhiều tiền."

(Dorothy LaBounty, Newsweek, March 26, 2007, p. 20: Ministers rarely challenge congregants to ask questions, do research, think deeply or explore other faiths with anything like open mind. Rigorous thought is suspect. Intellectuals, especially intellectual women, are not particularly welcome. In my experience, ministers just want congregations to believe, obey and donate – generously.)

Ngoài ra, mục sư Rubem Alves còn cho chúng ta biết, trang 34, là *Tin Lành cấy vào đầu tân tông mặc cảm tội lỗi*, và để có thể vào trong cộng đồng Tin Lành, người tân tông phải tin rằng mình sinh ra trong tội lỗi [ở đây chúng ta cần hiểu, tội lỗi đây là tội tổ tông], và vì cái bản chất tội lỗi đó con người không thể làm điều gì tốt (Believe that you were born in sin, and that by nature you are incapable of doing good.). Để thoát ra khỏi cái bản chất tội lỗi đó, con người chỉ có một cách: chấp nhận Chúa Ki-Tô là đấng cứu chuộc duy nhất và đầy đủ (Accepting Christ as the sole and sufficient savior) tuy rằng ngày nay, trước sự tiến bộ của nhân loại, tin vào quyền năng "cứu rỗi" của Giê-su đã trở thành một điều mê tín vô nghĩa, chỉ còn sót lại trong đám tín đồ thấp kém. Thật vậy, nhân loại không sinh ra trong tội lỗi, không cần đến sự "cứu rỗi" của Giê-su, như chính giám mục Tin Lành John Shelby Spong đã khẳng định trong cuốn *Tại Sao Ki Tô Giáo Phải Thay Đổi Không Thì Chết* (Why Christianity Must Change or Die) như sau:

"Nhân loại chúng ta không sống trong tội lỗi. Chúng ta không sinh ra trong tội lỗi. Chúng ta không cần phải rửa sạch cái vết tội tổ tông trong phép rửa. Chúng ta không phải là những tạo vật sa ngã, sẽ mất đi sự cứu rỗi nếu chúng ta không được rửa. Do đó, một đấng cứu thế có nhiệm vụ khôi phục tình trạng tiền sa ngã của chúng ta chỉ là một sự mê tín trước-thời-Darwin và một sự vô nghĩa sau-thời-Darwin."

(We human beings do not live in sin. We are not born in sin. We do not need to have the stain of our original sin washed away in baptism. We are not fallen creatures who will lose salvation if we are not baptized.. A savior who restores us to our prefallen status is therefore pre-Darwinian superstition and post-Darwinian nonsense)

Với những hiểu biết như trên về sự cải đạo vào Tin Lành, rồi đọc một vài bài của các tân tông Tin Lành Việt Nam, chúng ta thấy Mục sư Rubem Alves viết không sai một mảy may, và cũng thấy rõ đầu óc của họ thuộc loại không thể nào chữa nổi vì hầu như con người của họ đã bị điều kiện hóa qua những thủ đoạn truyền đạo của Tin Lành.. Để chứng minh tôi xin trích dẫn vài điều

của Mục Sư Tin Lành [sic] Trần Long thuộc *Liên Đoàn Truyền Giáo Phúc Âm Việt Nam*, lấy tư cách của một “môn đồ của Chúa Jesus” để gửi một “Thông điệp Phước Lành [sic]” cho “Nhà Cầm Quyền Việt Nam”, một thông điệp, xin lỗi quý độc giả vì tôi không kiếm được từ nào thích hợp hơn, có thể nói là ngu xuẩn và mê tín nhất thế gian, [ngu không có nghĩa là ít học hay thất học, mà là không biết rõ sự thật, không chấp nhận sự thật trước những bằng chứng hiển nhiên, và tiếp tục nhận giả làm chân, và xuẩn là hành động một cách vô ý thức vì cái ngu của mình] để kêu gọi nhà cầm quyền hãy từ bỏ nền văn hóa dân tộc để theo nền văn hóa Tin Lành, cũng là nền “văn hóa thiên đàng” (Ở trên thế giới này làm gì có cái gọi là “văn hóa Tin Lành” hay “văn hóa thiên đàng”, có chăng chỉ là nền văn hóa mù quáng, hay văn hóa mê tín, hay văn hóa hoang tưởng của Tin Lành) mà mục sư Trần Long cho là nền văn hóa của cả nhân loại, có nghĩa là biến nước Việt Nam thành nước Tin Lành [Trần Long viết: *Phục hồi bản sắc văn hóa của dân tộc là để văn hóa Tin Lành tuôn chảy trong lòng dân tộc- vì đây là văn hóa của dân tộc Việt Nam cũng là văn hóa toàn thế giới.* .]

Trước hết, chúng ta hãy thử đọc một đoạn trong cái thông điệp quái gở này mà Nhà Nước phải kiên nhẫn chịu đựng sự lạm dụng quyền tự do một cách ngu xuẩn để viết bậy, viết nhảm nhí nấp sau bình phong tự do tín ngưỡng. Nhà Nước nên nghe lời đề nghị của Charlie Nguyễn trước đây, không nên nhân nhượng với loại người coi thường chính quyền và dân tộc này.

Trần Long: *Với tư cách là người Việt Nam và là môn đồ của Chúa Jesus; với tư cách là người của Đức Chúa Trời trong đất nước được gọi là tự do tín ngưỡng, tôi có trách nhiệm trên đất nước mình đang ở, tôi phải tuân thủ luật pháp nhà nước mà Đức Chúa Trời đã bổ nhiệm nhà nước này cầm quyền, nhưng chúng tôi cũng có trách nhiệm tuân thủ luật pháp của Chúa Jesus – là lời Đức Chúa Trời.*

Quý độc giả có thấy ai viết bậy như cái ông Mục sư này không và chúng ta sẽ phải đánh giá đầu óc của ông ấy thuộc loại nào? Có phải là một đầu óc mê tín đặc nên mới có thể viết lên một câu đầy mâu thuẫn và vô nghĩa?

Thật vậy, Trần Long là môn đồ của Chúa Jesus thì không có tư cách gì ngoài tư cách của một con chiên. Mà con chiên thì không làm gì có tư cách của một con người, vì thuộc một đàn cừu, để người ta chăn dắt đi đâu thì đi đó. Hơn nữa, đối với mục sư Trần Long thì Jesus là Chúa, là Đức Chúa Trời, nhưng đối với những người ngoại đạo như chúng tôi, và cả những người trí thức trong đạo Ki-Tô, những người đã từng nghiên cứu kỹ Kinh Thánh của Ki Tô Giáo, thì Jesus không có cái gì xứng đáng để gọi là Chúa hay Đức Chúa Trời. Khoan kể đến hơn 90% người dân Việt Nam cũng như hơn 4 tỷ người trên thế giới không biết hay không muốn biết Jesus là ai. Do đó muốn bàn đến quốc sự Việt Nam, ông Trần Long chỉ có thể lấy tư cách của một công dân Việt Nam chứ không thể lấy tư cách của một môn đồ của Chúa Jesus, một người Do Thái đã chết từ 2000 năm nay, và không có liên hệ gì đến dân tộc Việt Nam. Chỉ có một điều sơ đẳng này mà mục sư Trần Long cũng không hiểu, tưởng rằng mang cái nhãn hiệu “môn đồ của Chúa Jesus” ra là vinh hạnh lắm. Nếu mục sư Trần Long biết đến những nghiên cứu về Jesus của giới trí thức Âu Mỹ trong 200 năm nay thì cái nhãn hiệu “môn đồ của Chúa Jesus” chẳng có gì là vinh hạnh, mà rất có thể là một biểu hiện của sự ô nhục (a badge of shame).

Sau đây, để hiểu thêm đầu óc của người Mục sư Tin Lành Việt Nam thuộc loại nào, và sự nguy hại của Tin Lành lên đến mức nào, tôi xin trích dẫn một số điều viết trong cái gọi là "*thông điệp phước lành*" của mục sư Trần Long, với vài lời phê bình của tôi, để chúng ta có thể thấy đầu óc và kiến thức của họ tệ hại như thế nào.

- *Người mà Đức Chúa Trời cất cử bổ nhiệm để quản trị, là người làm theo lòng và ý muốn của Ngài. Tôi phải tuân thủ luật pháp nhà nước mà Đức Chúa Trời đã bổ nhiệm nhà nước này cầm quyền, nhưng chúng tôi cũng có trách nhiệm tuân thủ luật pháp của Chúa Jesus – là lời Đức Chúa Trời* [Ngài đã chết ở Jerusalem cách đây 2000 năm rồi, làm sao mục sư Trần Long biết được ý Ngài đã bổ nhiệm Nhà Nước Việt Nam lên cầm quyền, và có thật là Ngài đã bổ nhiệm và đã lấy tư cách gì để bổ nhiệm Nhà Nước Việt Nam hay là Nhà Nước Việt Nam đã lên cầm quyền sau khi thành công chiến đấu đuổi con cái của Ngài về Pháp rồi về Mỹ?. Người Tin Lành u mê đến độ tin rằng tất cả các chính quyền trên thế gian này đều do Đức Chúa trời của họ cất cử bổ nhiệm. Nhưng mục sư Trần Long viết mà không hiểu là mình viết cái gì vì nếu như ông ta viết, chính quyền Việt Nam hiện nay là do Đức Chúa Trời của ông ta bổ nhiệm, thì đó chính là ý Chúa rồi, và luật Pháp của Chính Quyền Việt Nam chính là luật pháp của Chúa rồi, còn gì nữa? Nếu Chúa toàn năng toàn trí của ông Trần Long không tin tưởng là chính quyền mình bổ nhiệm sẽ làm theo ý mình thì bổ nhiệm để làm gì, để chống Chúa? Nhưng luật pháp của Chúa Jesus là cái gì? Jesus chỉ có một luật: "*Đứa nào tin Ta thì Ta cho lên thiên đường (mù), còn đứa nào không tin thì Ta sẽ đẩy đứa nó xuống hỏa ngục để ngọn lửa vĩnh hằng thiêu đốt.*"]

- *Hễ ai tin Chúa Jesus theo tiêu chuẩn Kinh Thánh thì trở nên công dân Thiên Quốc, trở nên con của Đức Chúa Trời.* [Tiêu chuẩn nào trong Kinh Thánh? Tiêu chuẩn trong những cuốn sách nghiên cứu Thánh Kinh liệt kê ở trên?? và Thiên Quốc là ở đâu??]

- *Sự khó khăn mà các tín hữu Tin Lành ...lại đến từ ngay chính bậc cầm quyền của mình* [Thì nhà cầm quyền do chính Chúa Jesus bổ nhiệm để thực thi ý Chúa, vậy phàn nàn cái gì?]

- *Tôi gửi đến quý cấp thông điệp này, nhắc nhở Lời của Đức Chúa Trời dành cho quý cấp* [Khi được Chúa Jesus bổ nhiệm thì Chúa Jesus đã nhắc nhở lời Chúa rồi.]

- *Tổ tiên chúng ta khao khát dân tộc Việt Nam tin nhận Chúa Jesus để được cứu rỗi. Vì vậy, niềm tin vào Chúa Jesus phù hợp với tổ tiên của dân tộc Việt Nam.* [Nói vậy, tổ tiên nào khao khát? từ bao giờ? Tổ tiên ta có mặt trên đất nước ra là cũng mấy ngàn năm trước khi Jesus sinh ra đời, vậy có biết Jesus là ai? Cái tên Do Thái này mới được các thừa sai Công Giáo du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ 16, và hầu hết những người tin nhận Jesus thuộc thành phần thấp kém trong xã hội, ít học hay mù chữ, mù lòa tin bướng tin càn, cam tâm đi làm nô lệ cho mấy tên giáo sĩ ngoại quốc xanh để được ăn một cái bánh vẽ "cứu rỗi" trên trời. Những người Tin Lành ngày nay đa số cũng đều như vậy cả.]

- *Người Tin Lành cảm ơn Chúa Trời là Đấng ban cho gạo cơm, mưa nắng, sức khỏe, sự sống, và con cái.* [Mục sư Trần Long cũng quên cảm ơn Chúa Trời cũng là Đấng ban cho những siêu vi trùng, những quái thai, ung thư, bão tố, lụt lội, chiến tranh và trăm ngàn điều bất hạnh khác]

- Các người – Đảng Cộng sản khá xây bỏ, xây bỏ đường lối xấu của mình. Sao các người muốn chết, hỡi các đảng viên không kính sợ Đức Chúa Trời? (Ê-xê-chi-ên 33: 11) [Chẳng phải là đảng viên mà trên thế giới hiện nay có trên 4 tỷ người không kính sợ “Đức Chúa Trời” và không cần biết “Đức Chúa Trời” là ai?? Sự hù dọa này chỉ có Trần Long sợ]

Trên đây là vài nét điển hình về những niềm tin và trình độ của một ông Mục sư Tin Lành Việt Nam, khoan nói đến đám tín đồ thấp kém ở dưới. Tôi có cảm tưởng là những câu viết ở trên của Mục sư Trần Long là của một người điên chứ không phải là của một người có đầu óc bình thường. Chúng ta thấy rõ nghệ thuật nhồi sọ tấy não của Tin Lành thật là đáng sợ và không sai mấy may với những nhận định của Mục sư Rubem Alves ở trên. Nhưng thật ra, chúng ta không thể quy trách hoàn toàn cho những người truyền đạo, bởi vì đó là nghề nghiệp của họ, dùng bất cứ thủ đoạn nào để kéo những người đang ở trong cơn khủng hoảng tinh thần và vật chất vào mớ xiềng xích tâm linh của Tin Lành. Họ thành công vì một phần khá nhiều thuộc căn trí thấp kém và yếu kém của những kẻ tân tòng. Nếu căn trí của những kẻ tân tòng không yếu kém, nếu lòng tự tin, tự trọng của họ không mất đi, nếu đầu óc của họ có khả năng suy luận dù chỉ là tối thiểu, thì làm sao họ có thể bị thuyết phục bởi những điều thuộc loại mê tín, hoang đường đã quá lỗi thời của Tin Lành?

Chẳng trách là Mục sư Tin Lành Ernie Bringas đã nhận định trong cuốn *"Theo Đúng Như Trong Sách (Kinh Thánh): Những Thảm Họa Trong Quá Khứ Và Hiện Tại Gây Nên Bởi Quyền Năng Thánh Kinh"* [Going By The Book: Past and Present Tragedies of Biblical Authority], trang bìa sau: “đầu óc của đa số tín đồ Ki Tô Giáo, đặc biệt là Tin Lành, có một khuyết tật, họ là nạn nhân của một khoảng cách kiến thức đặt họ vào trình độ hiểu biết tôn giáo thích hợp nhiều hơn với thế kỷ 17”. [Christians are victims of a knowledge gap which places them at a level of religious understanding much more appropriate to the 17th century].

Sau quá trình được nhồi sọ và tấy não, người Tin Lành tin rằng chỉ cần đặt tất cả đức tin vào Jesus thì họ sẽ trở thành người công chính (Justification by faith alone). “Justification by faith alone” có nghĩa là chỉ cần tin vào Chúa thì sẽ được Chúa tuyên bố hay làm cho một người tội lỗi là công chính trước Chúa [Justification is God’s act of declaring or making a sinner righteous before God]. Đây là một tín điều rất hấp dẫn đối với những người Tin Lành. Dù họ không phải là người công chính, dù họ là người đã làm đủ mọi tội ác, nhưng chỉ cần tin vào Jesus là tức khắc họ trở thành công chính. Tất cả là do đức tin vào ân sủng của thiên chúa chứ không liên quan gì đến những hành động tốt xấu hàng ngày. Cũng vì vậy mà người Tin Lành đưa ra chính sách diệt chủng dân da đỏ ở Mỹ Châu, giết người hàng loạt, thiêu sống thổ dân, mang bệnh đậu mùa đến để diệt thổ dân v.v.. nhưng vẫn tin rằng đối với thiên chúa thì mình vẫn là người công chính. Cho nên, sự nguy hại của Tin Lành chính là ở tín lý này, vì họ có thể làm bất cứ điều gì miễn là giữ vững đức tin vào thiên chúa. Và cũng vì vậy cho nên tôi thường dịch thoát “Justification by faith” là “Đức tin biện minh cho tất cả” cho đúng với tinh thần của tín điều này, vì cái công thức này không khuyến khích làm thiện mà chỉ cần đầu phục Chúa Ki-Tô (The formula calls not for doing but for surrendering to Christ). Thật vậy, rất mực đạo đức còn thường được coi là một chướng

ngại trong sự cải đạo (Indeed moral excellence is often considered an obstacle to conversion). Vì vậy, Samuel Butler đã nhận định: *"Người Ki Tô Giáo không sợ tội lỗi, chỉ sợ sự thật"*

Cũng sau quá trình nhồi sọ và tẩy não, người Tin Lành tin rằng mình ở trong cộng đồng những nhà truyền giáo, mọi người đều là những nhà truyền giáo, có bốn phận phải mang "tin mừng" của Chúa đến khắp thế gian, và chúng ta phải công nhận là niềm tin này là một yếu tố để Tin Lành phát triển. Không chỉ có Mục sư mới giảng đạo mà mọi tín đồ cũng phải gánh vác nhiệm vụ truyền đạo qua những điều mà họ đã được nhồi sọ, có cây cũng không ra. Bởi vậy, những nhà truyền giáo Tin Lành, Mục sư cũng như tín đồ, kiến thức về đạo đều giống nhau và ở trình độ rất thấp vì thuộc loại nhắm mắt mà tin không cần đến lý luận. Họ hầu như không biết gì về thực chất các tôn giáo và truyền thống văn hóa địa phương, những nơi mà họ được phép đến truyền đạo, họ chỉ biết những điều trong chương trình đào tạo của họ, để xuyên tạc, hạ thấp các đạo khác. Họ tin rằng cuốn Thánh Kinh của Ki Tô Giáo có thể giải đáp được mọi vấn đề, và coi tất cả những gì phi Ki-Tô hay những tôn giáo phi Ki-Tô đều thấp kém, là sản phẩm của Satan. Vì vậy, đi tới đâu Tin Lành không chỉ đơn giản truyền đạo mà còn đặt hết nỗ lực vào một chiến dịch bôi bác, xuyên tạc, hạ thấp các tôn giáo khác và đả phá mọi nền văn hóa truyền thống của các địa phương. Điều này chúng ta có thể thấy rõ trong những bài viết của những tân tông Tin Lành như Nguyễn Huệ Nhật, Lê Anh Huy v.v...

Chúng ta đã biết, Tin Lành đặt nặng trên vấn đề tin, nhắm mắt mà tin, tin vào sự tuyệt đối của Thánh Kinh, tin vào sự cứu rỗi của Giê-su, cứ tin thì sẽ được tất cả, hay đức tin biện minh cho tất cả (justification by faith) như tôi đã giải thích ở trên.. Cho nên, đối với Tin Lành, nếu thực tế sai với Thánh Kinh thì phải loại bỏ thực tế, nếu khoa học mà phù hợp với Thánh Kinh thì đó là khoa học tốt (Good science), nếu khoa học mà không phù hợp với Thánh Kinh thì đó là khoa học xấu (Bad science). Bởi vậy, cho tới ngày nay mà những tín đồ tân tông Tin Lành như "Tiến sĩ" Lê Anh Huy ở Mỹ, Khuất Minh, Phan Như Ngọc, Trần Long ở Việt Nam v.v.. vẫn còn cố gắng bác bỏ thuyết Tiến Hóa bằng những lý luận rất ấu trĩ trong khi từ Giáo Hoàng Công giáo John Paul II cho tới các nhà thần học trong Ki Tô Giáo đều đã phải chấp nhận thuyết Tiến Hóa trước những bằng chứng tràn ngập trong nhiều bộ môn khoa học.

Do đó những tín đồ Tin Lành thường là những người, về vấn đề tôn giáo, không bao giờ cần dùng đến lý trí, đến khả năng phán đoán của con người, hay nói cách khác là tự chấp nhận từ bỏ thân phận làm người để trở thành những tôi tớ hèn mọn của Chúa, xiêng năng hầu việc Chúa, như họ thường tự nhận, với một ảo vọng là sẽ được Chúa "cứu rỗi", lẽ dĩ nhiên là sau khi chết, cho họ sống một cuộc sống đời đời bên Chúa trên một thiên đường ở trên các tầng mây mà chính Giáo hoàng John Paul II đã phủ nhận sự hiện hữu. Thật vậy, Tháng 7 năm 1999, trước những khám phá xác tín nhất của khoa vũ trụ học, và trước những hiểu biết của con người ngày nay về cấu trúc của trái đất, Giáo Hoàng đã bắt buộc phải tuyên bố: *"thiên đường không phải là một nơi trừu tượng mà cũng chẳng phải là một nơi cụ thể ở trên các tầng mây"* (Heaven is neither an abstraction nor a physical place in the clouds), và *"Hỏa ngục không phải là sự trừng phạt áp đặt từ bên ngoài bởi Thượng đế, mà là trạng thái hậu quả của những thái độ và hành động mà con người đã làm trong đời này"* (Hell is not a punishment imposed externally by God, but the

condition resulting from attitudes and actions which people adopt in this life). Như vậy, nếu không có thiên đường trên các tầng mây, không có hỏa ngục nơi lòng đất, thì ý nghĩa của khả năng “cứu rỗi” của Giê-su, và sự luận phạt của Giê-su đối với những người không tin ông ta, đẩy họ xuống hỏa ngục để bị thiêu đốt trong ngọn lửa vĩnh hằng, chẳng qua chỉ là những điều mê tín man rợ hoang đường thuộc thời bán khai ở Trung Đông. Và hiển nhiên, hi vọng một cuộc sống đời đời bên cạnh Chúa trên thiên đường thực chất chỉ là một ảo tưởng của những người không có mấy đầu óc.

Nói tóm lại Tin Lành có ba giáo lý căn bản về đức tin: 1) Tin vào tính tuyệt đối của Thánh Kinh [Sola Scriptura =Bible alone]; 2) Tin Giê-su là đấng cứu rỗi duy nhất cho mình [Sola Fide = Faith alone]; và 3) Nhiệm vụ truyền đạo của mọi tín đồ [Priesthood of all believers].

Nhưng ngày nay, cả ba đức tin trên đều không còn căn bản thuyết phục. Tôi có thể phê bình chi tiết về ba giáo lý này để chứng minh nhận định trên nhưng việc này đòi hỏi nhiều thì giờ và chiếm nhiều chỗ, không thích hợp trong bài này. Cho nên, tôi chỉ nói lên vài lời ngắn gọn. Thứ nhất, khoa học ngày nay và hằng hà sa số những nghiên cứu về Thánh Kinh đã chứng minh rằng Thánh Kinh không phải là do Thượng đế mặc khải viết ra, hơn nữa còn chứa rất nhiều sai lầm về khoa học và thần học, ngoài những đoạn không thể đọc được thuộc loại ác độc, dâm ô, loạn luân v.v... chiếm hơn nửa cuốn Thánh Kinh; Thứ nhì, những nghiên cứu về nhân vật Giê-su đã chứng tỏ Giê-su chỉ là một người thường sống với một ảo tưởng mình là con của Thượng đế của người Do Thái trong Cựu Ước; và Thứ ba, những nhà truyền giáo Tin Lành không đủ kiến thức để có thể đối thoại hay tranh luận với những người ngoại đạo về chính những giáo lý của họ, khoan nói đến những chủ đề về khoa học, xã hội học v.v...

Tuy vậy, chúng ta không thể hi vọng là Tin Lành sẽ biến mất khỏi thế gian. Vì Tin Lành có rất nhiều tiền bạc và phương tiện để truyền đạo. Nhưng vấn đề chính là trên thế gian này không thiếu gì những người đầu óc yếu kém, và trước những nghệ thuật rất tinh vi để buôn Thần bán Thánh trên TV [TV God Business], các nhà truyền giáo đã thu vào hàng trăm triệu đô-la mỗi năm, cộng với niềm tin vào một thiên chức truyền đạo, nên Tin Lành, tuy suy thoái ở phương trời Âu Mỹ, vẫn có thể thành công ở các nơi mà dân trí còn thấp và đời sống kinh tế khó khăn. Cách đây hơn 1 thế kỷ, Robert G. Ingersoll đã giải thích điều này. [Robert G. Ingersoll được coi như là một nhà hùng biện nổi danh của Mỹ (A celebrated orator of 19th century America). Ông ta là bạn của 3 Tổng Thống Hoa Kỳ, là người đã có công nhất trong việc làm nở rộ quyền tự do tư tưởng ở Hoa Kỳ. (A personal friend of three U.S. presidents, the individual most responsible for the flowering freethought in the United States.). Bức tượng của ông, ghi công ông, nay được đặt ở Peoria, Illinois. Edgar Lee Master, một thi sĩ, đã đưa ra nhận xét: *"Đối với những người yêu chuộng tự do ở khắp nơi, nhất là đối với giới trẻ ở Hoa Kỳ không biết đến Robert G. Ingersoll, hãy nhớ rằng ông ta đã giúp để cho quý vị được tự do."* (To the lovers of liberty everywhere, but chiefly to the youth of America who did not know Robert G. Ingersoll, remember that he helped to make you free.)) Ingersoll đã nói thẳng trước một cử tọa đông đảo mà mỗi người phải bỏ ra \$2 (năm 1890) để nghe ông diễn thuyết (Joseph Lewis, *Ingersoll: The Magnificent*, p. 140):

"Tại sao Tin Lành Giáo sẽ còn tồn tại? Điều này chứng tỏ cái gì? Nó chứng tỏ là quần chúng thì mê tín và các mục sư thì ngu đần." (Protestantism dies hard. What does that prove? It proves that the people are superstitious and the preachers stupid.)

Quần chúng mê tín thì đã đành nhưng các Mục sư thì không hẳn là ngu đần. Họ chỉ ngu về đạo [ý của Ingersoll] nhưng rất giỏi về những mảnh lời làm tiền. Kỹ nghệ thương vụ buôn thần bán thánh trên TV (TV God Business) ở cao điểm thu vào khoảng 2 tỷ đô-la mỗi năm. Những khuôn mặt truyền đạo trên TV [Televangelists] nổi tiếng nhất là Jim Bakker, Jimmy Swaggart, Pat Roberson, Oral Roberts, Jerry Falwell. Tất cả có cùng một sách lược: mang thiên đường ra dụ và đem hỏa ngục ra dọa. Nạn nhân của họ là khoảng 20% tín đồ Ki Tô, khoảng 45 triệu, tự nhận là những nhà truyền giáo Ki tô [evangelical Christians], coi như là một thiên chức, và được khuyến khích đóng tiền hậu hĩ cho các tổ chức truyền giáo trên TV. Trên màn ảnh bao giờ cũng có số phone gọi miễn phí để đóng tiền bằng những thẻ mua chịu. Tiền của tín đồ họ dùng như thế nào? Điển hình là Jim Bakker và vợ mua xe Mercedes, Rolls-Royce, áo lông cừu, đi máy bay riêng, làm chường chó có không khí điều hòa (air-conditioned) và tiêu \$3000 cho đám cưới của con chó với con chó hàng xóm [Xin đọc: *The Great Unfrocked* của Matthew Parris, trang 338-39]; Jimmy Swaggart khiêm tốn hơn, tiêu \$80000 cho những tắm tắm Đông Phương, \$50000 cho một cái piano. Lẽ dĩ nhiên, những tín đồ đóng tiền cho Bakker, tưởng là đóng tiền để phục vụ Chúa, không hề biết những chuyện này cho đến khi báo chí phanh phui và những thần tượng bán vé lên thiên đường cho họ bị đưa ra tòa.

Qua phần phân tích về đức tin và cấu trúc quyền lực của Tin Lành ở trên, chúng ta thấy rõ Tin Lành là một hiểm họa, một họa rất nguy hiểm cho nhân loại nói chung, cho Việt Nam nói riêng, nếu Việt Nam để cho Tin Lành tự do truyền đạo. Tại sao? Vì các tín đồ Tin Lành đều là nô lệ của cuốn Kinh Thánh, nô lệ của những điều hoang đường trong Kinh Thánh, nô lệ của những điều không còn thích hợp trong thế giới tiến bộ ngày nay. Kinh Thánh, một cuốn sách chủ trương độc thần không khoan nhượng, và hơn 50% chứa những chuyện giết người hàng loạt tàn bạo, loạn luân, vô đạo đức v.v., nhưng tất cả những chuyện trên Tin Lành đều bỏ qua, và chỉ tập trung vào sự nhồi sọ các tín đồ về một sự "cứu rỗi" hoang đường xuất sinh từ ảo tưởng của một người Do Thái, Giê-su, đã chết và táng xác cách đây gần 2000 năm. Hiểm họa Tin Lành chính là ở chỗ có một đức tin mù quáng này. Do đó, một học giả, Neale Donald Walsch, đã nhận định trong cuốn *The New Revelations*, trang 51: "*Những nhà bảo thủ Tin Lành tin rằng con đường tiến tới là con đường đi giạt lùi, giạt lùi về đúng những lời nguyên thủy của cuốn Kinh Thánh – một cuốn sách phải đọc nguyên văn, và áp dụng từng câu từng chữ.*" (Fundamentalists believe that the way forward is the way backward, to the original and exact words of the Holy Scripture – to be read verbatim, and applied literally). Vì quốc gia, vì dân tộc, Việt Nam không nên để cho cái tế bào ung thư Tin Lành lan tràn trong xã hội Việt Nam, có cơ hội đầu độc đầu óc người Việt.

Để đối phó với sự truyền đạo của Tin Lành, phương thức hữu hiệu nhất là mở mang dân trí và nâng cao đời sống kinh tế của người dân. Hi vọng Việt Nam đang đẩy mạnh chiều hướng này. Cùng lúc mọi người dân hiểu biết phải có can đảm, cương quyết phanh phui ra những thủ đoạn giảng đạo láo lếu và làm tiền của Tin Lành. Vấn nạn là những người bị dụ vào đạo không đủ kiến

thức để đặt ra những câu hỏi về Thánh Kinh, về Chúa v.v... cho nên vẫn bị những luận điệu lừa bị đượm màu sắc mê tín của Tin Lành quấy rối. Điều rõ ràng nhất trong những xã hội Âu Mỹ, nơi đây dân trí tương đối cao và đời sống vật chất tương đối thoải mái, nên hiện tượng Ki Tô Giáo suy thoái khắp nơi, không phương cứu vãn, đã là một hiện tượng không ai có thể phủ nhận. Và đây chính là chủ đề tôi muốn trình bày trong phần tới.

1 Our analysis has led us to the conclusion that the experience of conversion is a response to a crisis situation. It resolves an emotional impasse.

That is why the Church grows more rapidly in areas where social processes are causing suffering, particularly from anomie and the collapse of meaning-structures...Such areas should be given top priority by the churches, that efforts to build up church life should be concentrated in them...

I am not saying anything that is news to Protestants. There is no conversion without crisis, no conversion without suffering. Conversion is a process whereby one assimilates suffering to a new meaning-structure and thus makes it meaningful...

Isn't it curious that Christ cannot be preached to people who feel secure and happy, to people who feel that life is worth living, to people who are not going through a crisis? Isn't it odd that Christ can only be proclaimed and made meaningful in morbid situations where people are infected with existential anxiety, guilt feelings, and terror of death? What really is the task of the evangelists? His or her task is to give theological names to a crisis that could well be psychosocial in origin. The evangelist seeks to activate a crisis which might not have been sensed before, so that then, and only then, he or she can proclaim that "Christ is the answer."

We are forced to conclude that the world makes room for Christ only when it feels ill, when it has come down with some sickness. Is there some theological reason why dread of death and guilt are the privileged sacraments of salvation? To put it another way, the experience of conversion presupposes that the meeting-point between God and the world is suffering and anguish – the world's state of pain and sickness. When there is health and happiness, language about God loses its meaningfulness. Isn't there a sadomasochistic vision of reality buried underneath such presupposition?

Suffering is transformed into a blessing, because it provides an opportunity for the sinner to encounter Christ. The greater the suffering, the greater the opportunities for evangelists! Doesn't that suggest that the Church is being put in the curious position of praying for more human suffering so that human hearts will be more receptive to its message? That was a question which Dietrich Bonhoeffer posed to the Church.

What do the apologists for the Christian faith, the bearers of the "good news" really do?

They demonstrate to secure, content, happy mankind that it is really unhappy and desperate, and merely willing to realize that it is in severe traits it knows nothing at all about, from which only

they can rescue it. Wherever there is health, strength, security, simplicity, they spy luscious fruit to gnaw at or to lay their pernicious eggs in. They make it their object first of all to drive men to inward despair, and then it is all theirs (Bonhoeffer).

Conversion is a solution to a painful problem. One starts from conversion to structure a world whose function is to prevent the reappearance of anxiety. The aim is the exorcism of the terror. Now if the conversion has proved adequate in exorcising this terror, consciousness will be firmly glued to that conversion-experience and its attendant cognitive worldview. That is why arguments won't work at this level. You may offer all sorts of evidence – logical, scientific, or whatever – to call to convert's basic experience into question. It will immediately and flatly rejected by the convert.

2 The situation of the new converts is akin to that of children going to school for the first time. They know nothing. Knowledge will be mediated to them by a person who has knowledge. The learning process is a process of apprenticeship. The social interaction between two parties involved is not an interaction between equals. Master and apprentice, teacher and learner, are not the same level. One is subordinate to the other; hence power is involved in the equation. The teachers are those who have the power to impose their definition of reality; the learners are those who do not have the power to maintain their definition of reality..

Even before new converts learn anything about the world, they are taught to view themselves as people who know nothing. Their own knowledge is placed between parentheses and called into doubt. It is not permissible for them to appeal to what they think they know in order to criticize the knowledge that the church community wishes to transmit to them. Why? Because their knowledge is a heritage from their earlier period of darkness and damnation. Their minds are reduced to blank pages. They have nothing to say; their job is to listen. As apprentices and learners, they must submit silently to the church institution. They now know that the institution has the monopoly on absolute knowledge, hence a monopoly on the right to talk.

In the Protestant world, then, the learning process begins with a lesson in a particular kind of social relationship: the teachers speaks, the learners keep quiet; the teachers teach, the learners repeat. If the learners do not know what they believe, they are not qualified to speak. It is true that the converts are free to sing their emotions. But the discourse of knowledge is still impossible. This is why the proper mode of speech for the learners is repetition, as catechisms clearly illustrate. Catechisms are primers for apprentice-learners. They contain questions and ready-made answers. When do learners know their catechism? When they can recite by heart the printed answers in it. The learning of the church community is defined in terms of that knowledge, and the test of learning is the ability to memorize and repeat the catechism questions and answers. In this way the collective conscience of the community is imprinted as truth on the mind and conscience of the individual member. What about free inquiry? What about let the converts break their own ground? That is nowhere to be found.

PHẦN III

THỰC TRẠNG SUY THOÁI CỦA CÔNG GIÁO VÀ TIN LÀNH :

Sự suy thoái của Ki Tô Giáo ở Tây phương là một sự kiện. Giáo hoàng Ca-Tô Giáo Rô-ma tiền nhiệm, *[Theo sự nghiên cứu phân tích rất chính xác của Đỗ Thuận Khiêm thì Roman Catholicism dịch là Ca-Tô Giáo Rô-ma là đúng nhất thay vì Công Giáo]*, John Paul II, đã có trên 100 chuyến công du đến các nước trong thế giới thứ ba để mong vớt vát niềm tin trong đám tín đồ. Nhưng ở một số địa phương, ông đã bị dân chúng la ó phản đối, không cho ông nói khiến cho ông phải lớn tiếng quát trong máy vi âm: "Hãy im đi" [Silencio] nhưng vô hiệu. Ông cũng toan tính thăm viếng Việt Nam, ra lệnh cho Hội Đồng Giám Mục Việt Nam lên tiếng chính thức mời, và ông ấy nhận lời mời ngay, coi như chuyện đã rồi, để ông ấy có thể tới Việt Nam, ngồi trong xe Popemobile có lồng kính chắn đạn, đẩy mạnh lòng tin của giáo dân Việt Nam và dạy họ "đừng sợ", nhưng mánh murre này có vẻ như không qua mắt được Việt Nam, nên chính quyền Việt Nam đã từ chối, không cho phép ông đặt chân lên đất nước Việt Nam. Mất thế đứng ở Tây phương, ông ra "Tông Huấn", hô hào giáo dân thuộc hạ đi cải đạo Á Châu, hi vọng có mùa gặt mới ở vùng đất phì nhiêu này, nhưng mùa gặt mới của ông ở Á Châu cho đến nay chỉ gặt được lơ thơ phần lớn là cỏ dại trên những cánh đồng hoang vu ít màu mỡ..

Ngày nay, Giáo Hoàng đương nhiệm, Benedict XVI, cũng vừa mới công du Nam Mỹ, tuyên bố mục đích chuyến đi là để "*chiếm lại lòng tin của những tín đồ Ca-Tô*" [To win back Catholics]. Ngài chú trọng đến Ba Tây (Brazil) vì nơi đây mỗi năm có tới 600000 [sáu trăm ngàn] tín đồ Ca-Tô bỏ đạo, theo sự thú nhận của các giám mục Ba Tây, ghi bởi John Cornwell, một trí thức Ca-Tô, trong cuốn *Từ Bỏ Đức Tin: Giáo Hoàng, Giáo Dân, và Số Phận của Ca Tô Giáo* (Breaking Faith: The Pope, The People, and The Fate of Catholicism). Giống như Giáo hoàng tiền nhiệm John Paul II, phong thánh bừa bãi cho các Việt Gian và Hán Gian, Ngài cũng phong thánh cho một người Ba Tây, hi vọng với thủ đoạn mê hoặc cổ hủ của Vatican này, thì tín đồ Ca-Tô bỏ đạo sẽ hồ hởi trở lại đạo. Nhưng Ngài có lẽ không để ý rằng, với sự hiểu biết và kiến thức của nhân loại ngày nay, thì chức "thánh" trong Ca Tô Giáo Rô Ma chẳng còn mấy ý nghĩa [Xin đọc bài viết về các "đức thánh cha" trên giaodiemonline nay mai].

Thật vậy, chúng ta còn nhớ, Hồng Y Silvio Oddi, dưới triều của giáo hoàng John Paul II, đã than phiền về thủ đoạn phong thánh của Vatican như sau: "Vatican đã trở thành cái xưởng sản xuất thánh" (Vatican has become a saint factory). Ngoài ra, đi ngược thời gian, thời buổi này mà Benedict XVI còn dạy đạo đức cho giới buôn ma túy ở Nam Mỹ bằng cách mang Chúa ra hù dọa: "*Chúa sẽ tính sổ với các người*" (God will call you to account for your deeds), trong khi ông ta đã thấy rõ và thường than phiền là Âu Châu ngày nay không hề biết đến Thiên Chúa là ai. Mục đích chuyến đi Nam Mỹ của Benedict XVI, như trên đã nói, là để kéo tín đồ bỏ đạo trở lại đạo. Nhưng thay vì làm sao để cho các tín đồ Ca-Tô "lấy lại niềm tin và trở lại đạo" Ngài lại dùng một sách lược ngu xuẩn của các thừa sai khi xưa, phê bình hạ thấp các tín ngưỡng địa phương và huênh hoang cho rằng Ca-Tô Giáo đã đến Nam Mỹ để văn minh hóa người dân ở đây.

Thật vậy, trước đây, Benedict XVI, khi còn là Hồng Y Ratzinger, đã phê bình Phật Giáo bằng một câu vô đạo đức tôn giáo nếu không muốn nói là vô giáo dục. Ngày nay, ở Ba Tây (Brazil), với

tư cách là giáo hoàng, đạo đức và giáo dục của ông ta vẫn không tiến bộ được chút nào, vẫn dậm chân tại chỗ.

Theo tin của hãng Reuters thì *lãnh tụ những thổ dân Brazil cảm thấy xúc phạm vì những lời bình luận "kiêu căng và vô lễ" của Benedict XVI là Giáo hội Ca-Tô Rô-ma đã đến Nam Mỹ để thanh tẩy họ, và [nếu họ] làm sống lại những tôn giáo của họ thì đó là một bước đi giật lùi.* [Trong khi sự thật trái ngược hẳn: trước tình trạng suy thoái của Ki Tô Giáo khắp nơi, nghĩa là con người đã tiến bộ, bỏ lại đằng sau Ki Tô Giáo, thì làm sống lại Ki Tô Giáo mới đích thực là một bước đi giật lùi, Giáo hoàng không nhận ra điều này hay sao? Điều này sẽ được chứng minh trong một phần sau, qua một số tài liệu về tình trạng suy thoái của Ki Tô Giáo mà chính Giáo hoàng cũng đã phải thú nhận nhiều lần]

(BRASILIA (Reuters) - Outraged Indian leaders in Brazil said on Monday they were offended by Pope Benedict's "arrogant and disrespectful" comments that the Roman Catholic Church had purified them and a revival of their religions would be a backward step.)

Cố tình gian dối xuyên tạc bẻ queo lịch sử, Benedict XVI cũng còn cường điệu cho rằng Giáo hội không áp đặt trên thổ dân Nam Mỹ Ca-Tô giáo mà là chính những thổ dân này đã đón tiếp (sic) những linh mục Âu Châu trong thời đất nước của họ bị chinh phục vì họ đã "âm thầm khao khát" (sic) Ki Tô Giáo. [Giáo hoàng nói nhảm, thời đó, toàn thể lục địa Mỹ Châu cũng như Á Châu, có ai biết gì về cái gọi là Ki Tô Giáo đâu]

(In a speech to Latin American and Caribbean bishops at the end of a visit to Brazil, the Pope said the Church had not imposed itself on the indigenous peoples of the Americas. They had welcomed the arrival of European priests at the time of the conquest as they were "silently longing" for Christianity, he said.)

Không có gì có thể sai sự thực hơn là những lời gian dối cố ý xuyên tạc lịch sử, bẻ queo sự thật của Benedict XVI. Bởi vì bất cứ ai có đôi chút hiểu biết về những cuộc chinh phục Nam Mỹ của các nước Ca-Tô giáo cũng phải biết rằng Giáo hội Ca-Tô đã đứng đằng sau những cuộc chiếm thuộc địa ở Nam Mỹ cũng như ở mọi nơi khác của thực dân Âu Châu đưa đến kết quả là hàng triệu thổ dân ở Mỹ Châu chết vì bị tàn sát, bệnh tật do người Tây phương mang tới, và chính sách nô lệ của Tây phương, kể từ khi Columbus đến Mỹ Châu vào năm 1492.. Các linh mục đã ban phúc lành cho những chinh phục quân Tây Ban Nha (Priests bless the Spanish conquistadors) trong cuộc chiến tiêu diệt thổ dân. Đây là những sự kiện lịch sử. Điều đáng nói ở đây là Benedict XVI đã nói ngược lại những điều mà năm 1992 giáo hoàng John Paul II đã xin lỗi thổ dân Nam Mỹ và thú nhận những sai lầm trong việc truyền bá phúc âm đến Mỹ Châu. [Pope John Paul II spoke in 1992 of mistakes in the evangelization of native peoples of the America].

Nhưng đối với những người hiểu biết ít nhiều về Giáo hội Ca-Tô Rô-ma thì những gì Benedict XVI nói ở Brazil không có gì là lạ, vì xuyên tạc lịch sử, bẻ queo sự thật vốn là sách lược lắt léo cố hữu của Vatican. Thật vậy, Paul Blanshard đã viết trong chương "*The management of Truth: The Vatican*" trong cuốn "*Communism, Democracy and Catholic Power*" như sau, trang 212:

"Như là một định chế trong thế giới này, Vatican đã thông thạo những phương pháp biến chế, xào xáo sự thực bằng những cách lạ lùng để thúc đẩy chương trình toàn cầu của mình. Vatican đã thông thạo cách che dấu lịch sử, khai thác sự ngu dốt của con người, và nguy trang những chính sách phi dân chủ của mình."

(As an institution in this world, the Vatican has learned to manipulate and manage truth in strange ways to furthering its world-wide program. It has learned to shade history, exploit human ignorance, and disguise its undemocratic policies..)

Nhưng những thái độ bất xứng này của Benedict XVI trong thủ đoạn *biến chế*, xào xáo sự thực lịch sử đã gây lên một làn sóng chống đối ở Nam Mỹ. Và trước sự chống đối giận dữ ngày càng gia tăng, Benedict XVI đã để lộ bộ mặt lá mặt lá trái của mình khi ông trở về RôMa với những lời tuyên bố ngược trở lại. Không phải là Benedict XVI không biết đến lịch sử, nhưng ông ta đã cố tình xuyên tạc lịch sử ở Brazil như chúng ta thấy trong thông tin sau đây.

Ngày thứ Tư 23 tháng 5, 2007, đối diện với sự tiếp tục chống đối ở Châu Mỹ La Tinh, Benedict XVI đã thừa nhận là công cuộc thuộc địa hóa thổ dân Nam Mỹ của Ki Tô Giáo không phải là tốt đẹp như ông đã nói trước đây ở Brazil.

Ông ta không xin lỗi, như một số thổ dân và lãnh đạo ở Mỹ La Tinh đòi hỏi. Tuy nhiên, ông ta đã nói rằng không thể nào mà không biết đến những "bóng tối" tối tăm và "những tội ác không thể biện minh được" trong công cuộc truyền bá phúc âm ở Tân Thế Giới của những linh mục Ca-Tô Rô-ma trong những thế kỷ 15 và 16.

(Chicago Tribune, May 24, 2007, p.19: Rome.- Confronted with continued anger in Latin America, Pope Benedict on Wednesday acknowledged that the Christian colonization of Indian population was not as rosy as he portrayed it in a major speech earlier this month in Brazil.

The pope did not apologize, as some indigenous and Latin American leaders have demanded. However, he did say that it was impossible to ignore the dark "shadows" and "unjustified crimes" that accompanied the evangelization of the New World by Roman Catholic priests in the 15th and 16th centuries)

Bài báo phê bình là Giáo hoàng chỉ nói hời hợt đại cương như trên và *không hề nhắc đến những chuyện như "cưỡng bách cải đạo", "các bệnh truyền nhiễm"* (do Tây phương mang tới), *"các cuộc tàn sát"* (thổ dân), *"nô lệ hóa"* (thổ dân) và *những lạm dụng khác mà hầu hết các sử gia đều đồng thuận là đi kèm với chính sách thuộc địa.*

(The pope made no mention of forced conversions, epidemic illnesses, massacres, enslavement and other abuses that most historians agree accompanied colonization.)

Tôi nghĩ rằng những tín đồ Ca-Tô Việt Nam nào còn có chút đầu óc thì cũng phải cảm thấy xấu hổ vì có một chủ chăn vô đạo đức như Benedict XVI mà mình vẫn được dạy phải cúi đầu "quên mình trong vâng phục", và cảm thấy ngượng ngùng vì cái lịch sử tàn bạo ô nhục của Giáo hội mà mình là một thành viên trong đó. Tín đồ Ca-Tô Giáo Rô-ma không có cách nào để đặt mình ra ngoài những sự kiện lịch sử này, và dù muốn dù không, cái gánh nặng này sẽ còn tiếp

tục đè nặng trên vai họ, dù họ có biết đến nó hay không. Nhưng điều bất hạnh là trên một số diễn đàn truyền thông Ca-Tô ở hải ngoại, chúng ta vẫn thấy các con chiên ngoan đạo tiếp tục tâng bốc ca tụng “Đức Thánh Cha” của họ, khoe nhăng nhít chuyện phong thánh ở Ba Tây, theo truyền thống “mẹ Ca Tô hát thì con Ca-Tô phải khen hay” từ nhiều đời cha truyền con nối của giáo dân Việt Nam, và vẫn huênh hoang tin rằng mình đang ở trong một “hội thánh”..

Nhà Nước Việt Nam nên coi chừng cái con người vô đạo đức không đáng để ai kính trọng này và không đáng để Nhà Nước phải đón tiếp này, đừng vì lẽ gì mà cho phép ông ta đặt chân lên đất nước Việt Nam, vì qua kinh nghiệm vừa qua ở Brazil, ông ta có tới Việt Nam cũng không phải vì thiện chí ngoại giao, mà chỉ để kích động sự cuồng tín trong đám tín đồ thấp kém, và rất có thể ông ta sẽ lập lại sách lược của các thừa sai Ca-Tô trong thế kỷ 17-19, xuyên tạc lịch sử và nói bậy giống như ở Brazil, mạ lỵ truyền thống tín ngưỡng của người Việt Nam như ông ta đã nói về tín ngưỡng của các thổ dân Nam Mỹ ở Brazil. Ông ta biết rằng vì ông ta là Giáo hoàng nên ông ta muốn nói gì cũng được, không ai có thể làm gì được ông, nhiều nhất là chỉ có thể lên tiếng phê bình, nhưng ông không quan tâm vì mục đích của ông là “phương tiện biện minh cho cứu cánh.” Thủ đoạn của ông ta là cố tình nói ngược cho mục đích đã định rồi nếu cần thì sẽ nói xuôi để làm dịu sự chống đối. Mà không phải chỉ có ông ta. Giáo hoàng tiền nhiệm, John Paul II, cũng đã nhiều lần sử dụng thủ đoạn bất chính này.

Bản chất Benedict XVI là một người cuồng tín thuộc thời Trung Cổ. Bởi vậy trong thời đại ngày nay, thời đại của những Christopher Hitchens, Sam Harris, Richard Dawkins v.v.. mà ông ta còn có thể nói lên được một câu: *"Niềm tin vào Giê-su là điều duy nhất sẽ cứu thế giới"* (Newsweek, May 21, 2007: Belief in Jesus is the only thing that will save the world). Ông ta không nói là cứu thế giới như thế nào, cứu khỏi các thiên tai, bệnh tật, hay cứu rỗi phần hồn của cả thế giới. Nhưng dù theo nghĩa nào đi chăng nữa thì chẳng lẽ ông ta không biết đến lịch sử của Ca Tô Giáo là: *niềm tin vào Giê-su đã "cứu thế giới" qua các cuộc thập tự chinh, các tòa án xử dị giáo, các cuộc săn lùng phù thủy, các cuộc bách hại người Do Thái, liên kết với thực dân để truyền đạo với sách lược xâm lăng văn hóa, mưu toan thống trị và có thái độ thù nghịch với các tôn giáo khác v.v.. tất cả nằm trong 7 núi tội ác của Ca Tô Giáo Rô Ma đối với nhân loại trong gần 2000 năm mà Giáo hoàng tiền nhiệm John Paul II đã chính thức xưng thú trước thế giới.* Cũng may mà những thanh gươm và bó củi đã bị tước khỏi những bàn tay đẫm máu của Giáo hội [Xin đọc *False Claims* của John Remsburg], nếu không niềm tin vào Giê-su của Giáo hội Ca-Tô không biết sẽ còn gây ra thêm bao nhiêu tội ác nữa cho nhân loại..

Trở lại vấn đề suy thoái của Ki Tô Giáo, hàm ý con người Ki Tô trên khắp thế giới đang dần dần từ bỏ niềm tin vào vai trò cứu thế của Giê-su, Benedict XVI đã nhiều lần thú nhận về sự suy thoái không cơ cứu vãn của Ca-Tô giáo Rô-ma và Tin Lành ở Tây phương. Theo những tin tức trên báo chí trên thế giới và cả trên tờ thông tin chính thức của Vatican, tờ *L'Osservatore Romano*, vào những ngày 27, 28 tháng 7, 2005, thì Benedict 16 đã lên tiếng phàn nàn như sau:

"Những tôn giáo chủ đạo ở Tây Phương [Ki Tô Giáo] có vẻ đang chết dần vì các xã hội càng ngày càng trở nên thế tục và không còn cần đến Thiên Chúa nữa.

Nhận xét của Ngài có vẻ bi quan và rầu rĩ hơn GH tiền nhiệm là John Paul II, người đã than phiền về sự suy thoái của đức tin trong các quốc gia phát triển và nói rằng điều này giải thích sự vật lộn của Giáo Hội Ca Tô đối với vấn đề số người đi nhà thờ giảm rất nhiều trong những năm gần đây."

(ROME (Reuters, July 27, 2005) - Mainstream churches in the West appear to be dying as societies that are increasingly secular see less need for God, Pope Benedict said in comments published on Wednesday.

His outlook was even glummer than that of his predecessor John Paul, who lamented the decline of faith in the developed world and said it explained the Catholic Church's struggle with falling attendance in the West in recent years.)

Cũng theo tin hãng Reuters ở Rome thì Giáo hoàng Benedict 16 đã phải đau lòng mà chấp nhận một sự thực: *"Thật là khác lạ trong thế giới Tây Phương, một thế giới mệt nhọc với chính văn hoá của mình, một thế giới mà con người càng ngày càng tỏ ra không cần đến Thiên Chúa, mà cũng chẳng cần gì đến Chúa Giêsu nữa. Những Giáo Hội gọi là 'truyền thống' xem ra như đang chết dần."*

Theo một phúc trình mới đây của Vatican thì trong một số nước phát triển, Giáo dân đi dự lễ ngày Chủ Nhật chỉ còn khoảng 5%. Ngài nói thêm: Tuy nhiên không phải chỉ có đạo Ca-Tô Rô-ma bị như vậy mà Giáo Hội Tin Lành cũng bị ảnh hưởng nặng hơn nữa trong thời điểm lịch sử này. Không thấy có giải pháp nào mau chóng và thần diệu cả để cứu vãn giúp Giáo Hội chúng ta cả.

(It is different in the Western world, a world which is tired of its own culture, a world which is at the point where there's no longer evidence for a need of God, even less of Christ," he told a meeting of clergy in the Italian Alps.

"The so-called traditional churches look like they are dying," he said, according to a text published by Vatican daily L'osservatore Romano.

Participation at Sunday Mass in some developed countries was as low as 5 percent, a recent Vatican report said.

"The Catholic Church is not doing as badly as the big Protestant Churches but naturally it shares the problem of this moment in history." "There's no system for a rapid change.")

Giáo hoàng khuyên tín đồ Ca Tô, nhắm vào khối tín đồ Ca Tô lạc hậu ở Phi Châu, Nam Mỹ, Phi Luật Tân, và Việt Nam, hãy kiên trì giữ vững đức tin, tiếp tục tiến bước trong đường hầm [keep walking in the tunnel], có thể ánh sáng le lói của Chúa Ki-Tô sẽ xuất hiện ở cuối đường hầm [Christ light would appear at the end]

Gần đây nhất, ngày 9 tháng 4, 2007, Giáo hoàng Benedict 16 lại cảnh báo là *"Âu Châu có vẻ như sẽ mất đức tin trong tương lai, và gọi những người Âu Châu chỉ muốn có ít con là theo "chủ nghĩa cá nhân nguy hiểm"* [trong khi cả thế giới đang lo nạn nhân mãn và cổ súy hạn chế sinh đẻ] Giáo hoàng nói: *"Bất hạnh thay, chúng ta phải ghi nhận là Âu Châu có vẻ như đang tuột xuống một con đường có thể đưa Âu Châu đến sự già từ lịch sử"* [Ki Tô Giáo vẫn cho rằng lịch sử Âu Châu là lịch sử Ki Tô Giáo]

(Time, April 9, 2007: "One must unfortunately note that Europe seems to be going down a road which could lead it to take its leave from history" Pope Benedict XVI, warning that Europe appears to be losing faith in its future, calling some Europeans' desire to have fewer children "dangerous individualism".)

Các giáo hoàng John Paul II và Benedict XVI than phiền về sự suy thoái của Ki Tô Giáo nói chung, Ca Tô Giáo Rô Ma nói riêng, kể ra là đã quá muộn. Sự suy thoái của Ki Tô Giáo không chỉ mới xảy ra trong triều chính của mấy ông này mà đã xảy ra từ lâu, từ nhiều thập niên trước, nếu không muốn nói là nhiều thế kỷ trước.

Thật vậy, chúng ta còn nhớ: trong cuộc Cách Mạng 1789, "*Pháp, trưởng nữ của giáo hội Ca-Tô đã chính thức đưa Lý Trí lên bàn thờ Chúa, đã tàn sát trên 17000 Linh Mục, 30000 Nữ Tu [sơ] và 47 Giám Mục, và đã dẹp mọi Trường Dòng, Trường Học Ca Tô, những Dòng Tu, đốt phá nhà thờ, thư viện của Giáo hội v.v..* [Xin đọc *The Decline and Fall of The Roman Church* của Linh mục Dòng Tên Malachi Martin, Giáo sư tại Viện Nghiên Cứu Thánh Kinh Của Giáo Hoàng, và đã phục vụ trong Vatican dưới triều Giáo hoàng John XXIII, trang 196: "France, "eldest daughter of the Church", enthroned Reason officially as supreme deity, massacred over 17,000 priests and 30,000 nuns as well as 47 bishops, abolished all seminaries, Catholic schools, religious orders, burned churches and libraries..."]

Rồi qua những "thời đại lý trí", "thời đại khai sáng", "thời đại phân tích" v.v.., phù hợp với luật tiến hóa và sự tiến bộ trí thức của nhân loại, thực chất của Ki Tô Giáo đã được các học giả nghiên cứu kỹ trong vòng 200 năm gần đây, bác bỏ mọi huyền thoại mà Ki Tô Giáo dựng lên, những chuyện thuộc loại hoang đường, mê tín cổ xưa đó bắt buộc phải ra khỏi đầu óc của con người, nhường chỗ cho những sự kiện khoa học và những thực tế xã hội.. Một cuốn sách điển hình về hiện tượng giải hoặc Ki Tô Giáo này là của Uta Ranke-Heinemann, người phụ nữ duy nhất trên thế giới chiếm được ngôi vị giáo sư thần học Ca-Tô của giáo hội Ca-Tô [the first woman in the world to hold a chair of Catholic theology], cuốn "*Hãy Dẹp Đi Những Chuyện Trẻ Con*" (Putting Away Childish Things, HarperCollins, 1995). Những chuyện trẻ con nào? Đó là những tín lý căn bản của Ca-Tô Giáo: "*Tư cách thần thánh của Chúa Ki Tô*"; "*Sinh ra từ một nữ trinh*"; "*ngôi mộ trống*"; "*Ngày Thứ Sáu tốt đẹp*"; "*Phục sinh*"; "*Thăng Thiên*"; "*Bị hành quyết để chuộc tội*"; "*Hỏa ngục*" [The divinity of Christ, The Virgin mother, Good Friday, Easter, Resurrection, Ascension, Redemption by execution, Hell].

Tác giả trích dẫn câu 1 Corinthians 13:11 ở ngay đầu cuốn sách: "*Khi tôi còn là một đứa trẻ, Tôi nói như một đứa trẻ, tôi hiểu như một đứa trẻ, tôi nghĩ như một đứa trẻ; Nhưng khi tôi trở thành một người trưởng thành, tôi dẹp bỏ những chuyện của trẻ con*" [When I was a child, I spoke as a child, I understood as a child, I thought as a child; But when I became an adult, I put away childish things.]

Khi mà một giáo sư thần học Ca-Tô như Uta Ranke-Heinemann, và nhiều bậc lãnh đạo khác trong Ki Tô Giáo như chúng ta sẽ thấy trong một phần sau, đã nhận thức được rằng, những tín lý mà nền thần học Ki Tô Giáo tạo ra về Giê-su chỉ là những chuyện để cho trẻ con tin, hoặc cho những người lớn có đầu óc ở trình độ của trẻ con, thì tất nhiên Ki Tô Giáo phải suy thoái.

Có thể những tín đồ Ca-Tô Việt Nam ngày ngày ca tụng “Đức Thánh Cha” vô đạo đức của họ không tin là cái đạo cao quý của mình lại có thể suy thoái một cách trầm trọng như vậy, và họ rất hãnh diện là tín đồ Ca-Tô Việt Nam vẫn giữ vững đức tin, kiên trì đi trong đường hầm để bảo tồn những niềm tin đã bị phế thải ở Âu Mỹ. Do đó, các “cha nhà thờ” Việt Nam vẫn nườm nượp xuất ngoại, mở tiệc ăn mừng quyền tiền giáo dân để về xây nhà thờ, hay để làm những chuyện mà giáo dân không hề biết, nơi quê nhà. Nhưng không tin là một chuyện, còn tình trạng suy thoái thực sự của giáo hội Ca-Tô hoàn vũ lại là một chuyện khác.

Sau đây là một số tài liệu điển hình nói về tình trạng suy thoái của Ki Tô Giáo nói chung, Ca-Tô Giáo Rô-ma nói riêng, trên khắp thế giới. Đây là những tài liệu nghiên cứu, thống kê của các tác giả Tây Phương trong đó có một số linh mục và tín đồ Ki Tô Giáo. Không có một tài liệu nào của Cộng Sản hay của Phật Giáo Việt Nam. Tôi chỉ trình bày những tài liệu sau đây với tư cách của một người đã nghiên cứu về tôn giáo và trong lãnh vực học thuật (scholarship), những tài liệu mà tôi cho rằng trong thời đại ngày nay, không có lý do gì người dân Việt Nam, nhất là những tín đồ Ca-Tô ở Việt Nam, không được quyền biết, mà trái lại vì tương lai dân tộc, người dân cần phải biết như là một phần quan trọng của bộ kiến thức thời đại. Trước hết, chúng ta hãy điểm vài tài liệu trên vài cuốn sách đã xuất bản và trên báo chí.

Ngay từ năm 1983, Malichi Martin, một linh mục dòng Tên, giáo sư tại Viện Nghiên Cứu Thánh Kinh của Giáo hoàng, tiến sĩ về khoa ngôn ngữ Do Thái, Khảo Cổ và Lịch Sử Đông Phương, đã viết trong cuốn *“Sự Suy Suy Của Giáo Hội Ca-Tô Rô Ma”* [The Decline and Fall of the Roman Church], như sau, trang 1:

“Tiến trình bất ngờ và làm cho người ta phân vân nhất trong 20 năm gần đây là sự suy thoái đột nhiên của giáo hội Ca-Tô Rô-ma trong tổ chức giáo quyền và trong lý tưởng đồng nhất của giáo hội.

Với tình trạng ngày nay, có vẻ như không có một hi vọng hợp lý nào để cho sự suy thoái đó ngưng lại.. [Phù hợp với lời than của Benedict XVI ngày nay]

Những thống kê đáng tin cậy và những chi tiết khác thật là khủng khiếp cho đầu óc người Ca-Tô Rô-ma truyền thống. Khi vẽ trên một biểu đồ từ năm 1965 đến năm 1980, số linh mục, nữ tu (các sơ), huynh trưởng trong đạo, học sinh trung học, sinh viên đại học tư (của Ca Tô Giáo), số người rửa tội, vào đạo, lấy người cùng đạo, dự lễ ban thánh thể, xưng tội, thêm sức – mọi thống kê đáng kể hiện hữu - đều mô tả một sự suy giảm chúc đầu xuống không ngừng. Thêm vào những yếu tố chính trên là số tín đồ Ca Tô Rô-ma dứt khoát bác bỏ hoàn toàn giáo lý của Rô-ma về ly dị, ngừa thai, phá thai, đồng giống luyến ái, và Cộng sản.

Hơn nữa còn có một số yếu tố vô hình nhưng không kém phần quan trọng. Ví dụ, ngày nay không thể nào biết được là có bao nhiêu linh mục được phong một cách có giá trị [nghĩa là có đầy đủ giá trị về những quyền năng thần thánh mà nền thần học xảo quyệt của giáo hội đã tạo ra cho giới chần chiên để nắm giữ đầu óc tín đồ, ví dụ như: có quyền gọi Thánh Linh bất cứ ở đâu đến phục vụ cho ông ta trong những màn pháp thuật được gọi là “bí tích”, có quyền rửa sạch cái tội tổ tông không hề có của một đứa bé mới sinh ra đời, có quyền tha tội cho ai thì người ấy được

tha, có khả năng biến một mẩu bánh làm bằng bột thành thân thể thực sự của Chúa v.v..]. Vì chắc chắn là nhiều giám mục phong chức linh mục cho các ứng viên không hề có ý định là tạo ra những linh mục với quyền năng thiêng liêng là ban thánh thể và tha tội cho những kẻ xưng tội, và nhiều ứng viên cũng không hề có ý định là sẽ nhận được những quyền năng như vậy. Không có những quyền năng như vậy thì không có giới linh mục, không có lễ Mi-sa, và không có sự tha tội trong lễ xưng tội. Thiếu những quyền năng như vậy, dù vô giá trị đối với người ngoại đạo, đối với đầu óc của người Ca-Tô Rô-ma, có nghĩa là cái chết của giáo hội.”

(Malachi Martin, a Jesuit Professor at the Pontifical Biblical Institute in Rome, doctorate in Semitic languages, archeology and Oriental history, *The Decline and Fall of the Roman Church*, a Bantam Book, NY, 1983, p.1: The most surprising and the most puzzling development in the last 20 years has been the sudden and undoubted decline of the Church of Rome in its ecclesiastical organization and ideological unity..

As things now stand, there appears to be no reasonable hope that this decline can be arrested...

The relevant statistics and other details are horrendous for the traditional Roman Catholic mind. When plotted on a graph covering the years 1965-1980, the number of priests, nuns, religious brothers, junior and senior high school students, private college students, baptisms, conversions, inter-Catholic marriages, communions, confessions, confirmations – every significant statistics available – describes a plummeting, non-stop, downward drop. Added to these key factors are the figures of those Roman Catholics who totally reject Roman teaching about divorce, contraception, abortion, homosexuality, and Communism.

There are, furthermore, some “invisible” but nonetheless potent factors. For instance, it is now impossible to reckon how many validly ordained priests are available. For, certainly, many bishops ordaining candidates for the priesthood have no intention of creating priests with the sacramental powers to offer the sacrifice of the Mass and to absolve penitents of sins, and many candidates do not have the intention of receiving such powers. Without such powers, there is no priesthood, no Mass, no absolution in confession. Such lack of validity, although unvalued outside the church, means the death of the church for the Roman Catholic mind.)

Malachi Martin viết không sai, giáo hội sống còn là nhờ vào mớ quyền năng tự tạo cho giới linh mục, khai thác sự yếu kém tinh thần và trình độ hiểu biết của đa số giáo dân. Ngày nay, mớ quyền năng đó đã trở thành những màn bịp bợm mê tín nên ngay cả những tín đồ Ca-Tô bình thường cũng như những người trí thức trong giáo hội cũng không còn tin, trừ số tín đồ thấp kém ở dưới, nên trên thực tế, giáo hội đã chết.

Thật vậy, Năm 2001, John Cornwell, một tín đồ Ca Tô Giáo và cũng là một chuyên gia về Ca Tô Giáo Rô-ma và Vatican, tác giả 2 cuốn sách nổi tiếng về Vatican: *A Thief in the Night* và *Hitler's Pope*, đã xuất bản một tác phẩm về Ca Tô Giáo nhan đề *Từ Bỏ Đức Tin: Giáo Hoàng, Giáo Dân, và Số Phận của Ca Tô Giáo* (Breaking Faith: The Pope, The People, and The Fate of Catholicism), trong đó chương đầu viết về *Một Thời Đại Đen Tối Của Ca Tô Giáo* (A Catholic Dark Age). Trong

chương này, tác giả John Cornwell đưa ra tình trạng suy thoái trầm trọng của Ca Tô Giáo ở khắp nơi trên thế giới, đặc biệt là ở Anh, Mỹ, và Pháp như sau:

- *Số tín đồ mang con đi rửa tội giảm sút, vì ngày nay người ta nhận thức được rằng chẳng làm gì có tội ở đâu mà phải đi rửa; [Rửa tội là một "bí tích" Giáo hội đặt ra để tạo quyền lực thần thánh cho linh mục]*

- *Đám cưới tổ chức không cần đến linh mục, vì hôn phối có thể hợp thức hóa ngoài nhà thờ và bí tích hôn phối đã mất hết ý nghĩa; [Không mấy người còn tin là trong bí tích hôn phối ông linh mục có thể thay Chúa kết hợp cho lứa đôi. Ở Mỹ, tới 50% lứa đôi được các linh mục gọi Chúa đến kết hợp đã đi đến ly dị]*

- *Giới trẻ không buồn đến nhà thờ, vì chẳng thấy gì hấp dẫn trong những lời giảng đi ngược thời gian của các linh mục; [Những chuyện hoang đường cổ xưa như Thượng đế sáng tạo ra vũ trụ trong 6 ngày, Chúa sinh ra từ một nữ trinh, chết rồi lại sống lại bay lên trời, Thiên Chúa là tình yêu v.v.. ngày nay đã không còn chỗ trong đầu óc giới trẻ quen thuộc với vũ trụ học, sinh học, thuyết tiến hóa v.v.. hiện đại, và trước những cảnh khổ ải của nhân loại rất hiển nhiên trên thế giới]*

- *Số từ bỏ đức tin gia tăng, vì người ta không còn chịu chấp nhận một đức tin mù quáng;*

- *Từ 1958 đến nay, số vào nghề linh mục giảm đi 2/3 v.v..*

- *Tình trạng ở Châu Âu, trước đây là cái nôi của Ca Tô giáo, thật là thê thảm.*

- *Ở Tây Âu (Western Europe), từ 30 đến 50% các giáo xứ không có linh mục.*

- *Ở Ý, 90% theo Ca Tô Giáo nhưng chỉ có 25% đi lễ nhà thờ ngày chủ nhật, giảm 10% kể từ đầu thập niên 1980, số người vào học trường Dòng giảm một nửa.*

- *Ở Ái Nhĩ Lan (Ireland), xứ Ca Tô giáo, số người cảm thấy mình được ơn kêu gọi tụt xuống từ 750 năm 1970 còn 91 năm 1999, số linh mục được tấn phong từ 259 xuống 43 trong cùng thời gian.*

- *Trong một hội nghị đặc biệt vào năm 1999, các giám mục Âu Châu tuyên bố rằng các dân tộc trong toàn lục địa Âu Châu đã quyết định sống "như là Thiên Chúa không hề hiện hữu" (At a special synod in 1999, the bishops of Europe declared that the peoples of the entire continent had decided to live "as though God did not exist".)*

- *Ở Nam Mỹ, tình trạng cũng không khá hơn. 7000 tín đồ mới có một linh mục. Chỉ có 15% giáo dân đi xem lễ ngày chủ nhật.*

- *Theo một hội nghị quốc gia của các giám mục Ba Tây thì mỗi năm có khoảng sáu trăm ngàn tín đồ bỏ đạo (according to the National Conference of Brazilian Bishops, some 600000 Catholics leave the Church each year.)*

Còn về tình trạng các linh mục thì ngay từ năm 1990, linh mục David Rice dòng Đa Minh đã xuất bản cuốn *Lời Nguyện Tan Vỡ: Linh Mục Bỏ Đạo* (Shattered Vows: Priests Who Leave), đưa ra kết quả nghiên cứu của ông sau khi đi tới nhiều nơi trên thế giới, tổng cộng 38 ngàn dặm (khoảng 60 ngàn cây số), để phỏng vấn và tìm hiểu đời sống của các linh mục bỏ đạo như sau:

"Một trăm ngàn (100000) linh mục Ca-tô Rô-ma đã bỏ đạo trong 20 năm qua – cứ mỗi 2 giờ đồng hồ lại có hơn một linh mục ra đi. Hầu như phân nửa số linh mục Mỹ sẽ bỏ đạo – thường là để lập gia đình – chưa tới 25 năm sau khi được tấn phong. Vatican không nói tới cuộc di dân này, nhưng đó chính là cuộc khủng hoảng nghiêm trọng nhất mà giáo hội phải đối diện, kể từ khi có cuộc Cải Cách Tin Lành.

(100,000 Roman Catholic priests have walked out in the last 20 years – more than one every two hours. Almost half of all American priests will leave – most often, to marry – before the 25th anniversary of their ordination. The Vatican won't talk about this exodus, yet it is the most grievous crisis to face the Church since the Protestant Reformation)

Rồi đến năm 2002, trong bài *"Một Chỉ Số Về Sự Suy Thoái Của Ca-Tô Giáo"* [An Index of Catholicism's Decline] của Patrick J. Buchanan, tác giả có đưa ra một thống kê về mọi mặt của Ca-Tô Giáo Rô-ma ở Mỹ của Kenneth C. Jones ở St. Louis, thực hiện năm 2002 với câu *"Những kẻ nói láo có thể đưa ra con số, nhưng những con số thì không nói láo"* [Liars may figure, but figures do not lie], hàm ý những con số của giáo hội đưa ra là những con số láo, còn những con số qua những cuộc nghiên cứu thống kê khoa học mới là những con số chính xác nói lên tình trạng thực sự của Ca Tô Giáo. Chúng ta có thể thấy những con số thống kê như sau:

Số Linh Mục: Trong khi số linh mục ở Mỹ tăng lên gấp đôi tới con số 58,000 trong khoảng từ 1930 đến 1965, từ khi đó, con số đã giảm xuống còn 45,000. Tới năm 2020, sẽ chỉ còn lại 31,000 linh mục, và hơn phân nửa số linh mục đó sẽ trên 70 tuổi.

Số Linh Mục Mới: Năm 1965, có 1,575 linh mục mới được phong chức ở Mỹ. Năm 2002, số này còn có 450. Năm 1965, chỉ có 1% giáo xứ là không có linh mục. Ngày nay, có tới 3000 giáo xứ không có linh mục, 15% của số giáo xứ ở Mỹ.

Số Người Vào Trường Dòng Học Nghề Linh Mục: Từ 1965 đến 2002, số người vào trường dòng học nghề linh mục giảm từ 49,000 xuống còn 4700, suy giảm tới trên 90%. Hai phần ba số 600 trường dòng hoạt động năm 1965 nay đã đóng cửa.

[Trước tình trạng thê thảm này, để cứu giáo hội của Chúa, tín đồ Ca-tô Việt Nam bèn xung phong đổ xô đi học nghề linh mục. Thật vậy, ở trường dòng Dubuque, Iowa, có 70 người theo học nghề linh mục thì có tới 43 người là Việt Nam, tỷ lệ hơn 60%. Đa số các tân linh mục ngày nay là Mít, Mễ, Ba Lan, Phi Luật Tân. Nhưng Giáo hoàng Benedict XVI lại không lấy đó làm vui, vì là "đại diện của Chúa Ki Tô trên trần" (Vicar of Christ) nên ngài biết hết, hiểu hết, và đã nhìn ra sự thật. Ngài phán: *"Niềm vui này đi kèm với một niềm cay đắng vì một số sẽ trở thành linh mục này chỉ tìm kiếm một đời sống thoải mái hơn. Trở thành linh mục, họ trở thành hầu như là một tộc trưởng của một bộ lạc, đương nhiên là họ được ưu đãi và có một đời sống khác"* (Benedict said the "joy" at the growing numbers of churchmen in the developing world is accompanied by "a certain bitterness" because some would-be priests were only looking for a better life. "Becoming a priest, they become almost like a head of a tribe, they are naturally privileged and have another type of life," he said.). Nhưng Giáo hoàng không biết rằng làm linh mục Việt Nam thì đặc biệt hơn các linh mục Tây Phương nhiều, vì con chiên Việt Nam nổi tiếng là ngoan đạo, cho nên dù

các linh mục có làm gì thì con chiên cũng không dám ho he. Một giám mục Việt Nam đã chẳng răn đe họ là: "*Các con đừng có nói hành các cha mà mang tội với Chúa*" và "*Đừng có phán xét các Cha để khỏi bị Chúa phán xét*" hay sao. Nghe đến "*mang tội với Chúa*" và "*Chúa phán xét*" là con chiên sợ rét run lên rồi, dù rằng Chúa đã chết cách đây 2000 năm và người ta đã tìm thấy bộ xương của "Chúa Cứu Thế" trong một tiểu quách ở Jerusalem, cùng với những bộ xương của vợ, Mary Magdalene, và của con, Judah, trong vài tiểu quách khác. Cho nên một số linh mục Việt Nam tự do thoải mái truyền giống thay vì truyền giáo (*Xin đọc bức thư của nhóm đệ tử Linh Mục Nguyễn Hữu Trọng ở Việt Nam gửi giáo hoàng John Paul II và Hồng Y Phạm Đình Tụng*), hay làm bất cứ điều gì khác mà không sợ con chiên tố khổ như ở Mỹ.]

Số Nữ Tu (Sơ): Năm 1965, có 180,000 nữ tu Ca-Tô. Tới năm 2002, số nữ tu này sụt xuống còn 75,000 và tuổi trung bình của một nữ tu Ca Tô ngày nay là 68. Năm 1965, có 104,000 nữ tu dạy trong các trường học CaTô. Ngày nay chỉ còn có 8200, một sự suy giảm 94% kể từ sau Công Đồng Vatican II.

Những Dòng Tu: Về những dòng tu ở Mỹ, sự cáo chung thấy ngay trước mắt. Năm 1965, 3,559 thanh niên học để hành nghề linh mục, Năm 2000, con số là 389. Với dòng huynh trưởng Ki Tô, tình trạng còn tệ hơn. Số huynh trưởng giảm 2/3, với số vào trường dòng sụt 99%. Năm 1965, có 912 huynh trưởng học trường dòng. Năm 2000, chỉ còn có 7. Số thanh niên học để trở thành linh mục dòng Phan-Xi-Cô và Cứu Thế sụt xuống từ 3379 năm 1965 còn 84 năm 2000.

Trường Học Ca-Tô: Một nửa số trường trung học Ca Tô ở Mỹ đã dẹp tiệm từ năm 1965. Số học sinh giảm từ 700,000 xuống còn 286,000. Các trường đạo cấp tiểu học còn bị giảm nhiều hơn nữa. Khoảng 4000 trường đã đóng cửa, và số học trò sụt xuống dưới 2 triệu, từ 4 triệu rưỡi.

Đám Cưới Ca-Tô: Số những cuộc hôn phối Ca-Tô giảm 1/3 từ 1965, và số hôn phối [do Chúa kết hợp qua bí tích hôn phối] được phép hủy bỏ hàng năm tăng từ 338 năm 1968 lên đến 50,000 năm 2002.

Đi Lễ Nhà Thờ: Thống kê Gallup cho biết năm 1958 có 75% tín đồ Ca-Tô đi lễ nhà thờ ngày chủ nhật. Một cuộc nghiên cứu gần đây của Viện Đại Học Notre Dame cho thấy con số chỉ là 25%.

Bánh Thánh: Theo thống kê của tờ New York Times, 70% tín đồ Ca-Tô trong lớp tuổi 18-44 tin rằng lễ ban thánh thể [ăn bánh thánh] chỉ là một biểu tượng để nhớ lại Giê-su. [Không còn tin bánh thánh là thân thể thực của Chúa như giáo hội dạy]

(Here are Jones' grim statistics of Catholicism's decline:

Priests. While the number of priests in the United States more than doubled to 58,000, between 1930 and 1965, since then that number has fallen to 45,000. By 2020, there will be only 31,000 priests left, and more than half of these priests will be over 70.

Ordinations. In 1965, 1,575 new priests were ordained in the United States. In 2002, the number was 450. In 1965, only 1 percent of U.S. parishes were without a priest. Today, there are 3,000 priestless parishes, 15 percent of all U.S. parishes.

Seminarians. Between 1965 and 2002, the number of seminarians dropped from 49,000 to 4,700, a decline of over 90 percent. Two-thirds of the 600 seminaries that were operating in 1965 have now closed.

Sisters. In 1965, there were 180,000 Catholic nuns. By 2002, that had fallen to 75,000 and the average age of a Catholic nun is today 68. In 1965, there were 104,000 teaching nuns. Today, there are 8,200, a decline of 94 percent since the end of Vatican II.

Religious Orders. For religious orders in America, the end is in sight. In 1965, 3,559 young men were studying to become Jesuit priests. In 2000, the figure was 389. With the Christian Brothers, the situation is even more dire. Their number has shrunk by two-thirds, with the number of seminarians falling 99 percent. In 1965, there were 912 seminarians in the Christian Brothers. In 2000, there were only seven. The number of young men studying to become Franciscan and Redemptorist priests fell from 3,379 in 1965 to 84 in 2000.

Catholic schools. Almost half of all Catholic high schools in the United States have closed since 1965. The student population has fallen from 700,000 to 386,000. Parochial schools suffered an even greater decline. Some 4,000 have disappeared, and the number of pupils attending has fallen below 2 million – from 4.5 million.

Catholic Marriage. Catholic marriages have fallen in number by one-third since 1965, while the annual number of annulments has soared from 338 in 1968 to 50,000 in 2002.

Attendance at Mass. A 1958 Gallup Poll reported that three in four Catholics attended church on Sundays. A recent study by the University of Notre Dame found that only one in four now attend.

Eucharist: By one New York Times poll, 70 percent of all Catholics in the age group 18 to 44 believe the Eucharist is merely a "symbolic reminder" of Jesus.)

Và những thống kê mới nhất cũng cho chúng ta thấy tình trạng này. Trong tờ *Chicago Tribune* ngày 19 tháng 6, 2006, ký giả hải ngoại của tờ báo, Tom Hundley, có một bài tường trình, đăng trên trang nhất, về tình trạng Ki Tô Giáo ở Âu Châu với chủ đề "*Đức Tin Phai Nhạt: Sự Suy Thoái Của Ki Tô Giáo ở Âu Châu*" (Fading Faith: The Decline of Christianity in Europe) trong đó có những đoạn như sau:

Ở Pháp và ở hầu hết các quốc gia khác ở Âu Châu, Ki Tô Giáo có vẻ như đang "rơi xuống tự do" không phương cứu vãn [Christianity appears to be in a free fall: Tác giả dùng từ trong khoa học: "free fall", có nghĩa là rơi xuống tự do, càng ngày càng nhanh mà không có gì ngăn cản lại]. Tuy 88% dân Pháp nhận mình là tín đồ Công Giáo, chỉ có 5% đi lễ nhà thờ ngày chủ nhật, 60% nói rằng họ "không bao giờ" (never) hoặc "hầu như không bao giờ" (practically never) đi lễ nhà thờ [Đối với người Ca-Tô Việt Nam, họ bị dọa là không đi lễ nhà thờ ngày chủ nhật là một trọng tội, phải đầy hỏa ngục, các "bề trên" dạy vậy, nên giáo dân Bùi Chu, Phát Diệm, Hố Nai, Gia Kiệm vẫn nườm nượp kéo nhau đi lễ nhà thờ ngày chủ nhật, và cả ngày thường, chứng tỏ trình độ tôn giáo của giáo dân Việt Nam vượt trội hẳn trình độ giáo dân Âu Châu và Mỹ Châu về mê tín, niềm hãnh diện của giáo hội Ca-Tô Việt Nam trong sự tiếp tục tuân theo những giáo lý thuộc loại nhốt đầu

ốc tín đồ vào những ngục tù tâm linh, những giáo lý mà Âu Châu và Mỹ Châu đang dần dần phế thải]. Không còn phải bàn cãi gì nữa, Ca-Tô Giáo đang đối diện với một cơn khủng hoảng nghiêm trọng... Một lễ ngày chủ nhật điển hình trên khắp nước Pháp là hình ảnh của một linh mục già nua trước một đám phụ nữ cũng già nua. Odon Vallet, giáo sư tôn giáo ở đại học Sorbonne nói: "Lễ Mi-sa thật là chán (Mass is boring), lễ tiết chẳng có gì hay (the ceremony isn't beautiful), nhạc cũng tệ (music is bad), bài giảng không có gì hấp dẫn (the sermon is uninteresting)."

Trong bài "Hãy giữ đức tin" (Keeping The Faith) trên tờ *New York Times* ngày 8 tháng 4, 2007, chúng ta có thể đọc được vài đoạn như sau:

Phong cảnh giáo hội ở Âu Châu – không chỉ là Giáo hội Ca Tô mà hầu như mọi hình thức tổ chức của Ki Tô Giáo – đang thay đổi nhanh như chớp.

Có những ông giám mục Âu Châu cảm thấy rằng họ không còn có thể nói về một Âu Châu Ki Tô Giáo mà không cảm thấy mình đang mạo lỵ sự thông minh của quần chúng.

("The landscape of the church in Europe — and not just the Catholic Church but nearly all forms of organized Christianity — is changing at a lightning pace.

There are European bishops who feel you can't talk about a Christian Europe anymore without insulting people's intelligence.")

Sau đây là những trích dẫn từ một số tài liệu bổ túc trên Internet:

www.time.com/Europe; June 8, 2003: *O Father Where Art Thou?* [Cha (Thượng đế) Ơi ! Bây Giờ Ông Ở Đâu? Bến Hải Hay Cà Mau ??]

Năm 1966, một bài viết chính theo hình bìa ngoài có suy tư về số phận của Ki Tô Giáo và đặt câu hỏi: *Thượng đế đã chết?* Tờ báo này không phải là tờ đầu tiên mà cũng không phải là tờ cuối cùng đặt câu hỏi này – các nhà thần học đã than vãn từ nhiều thế kỷ về sự thế tục hóa xã hội. Thượng đế chưa chết, nhưng ngày nay ở Âu Châu, ông ta không còn ở những chỗ [mà người ta đặt ông ta lên] như xưa. Vậy thì vẫn cần phải hỏi: *Thượng đế - và đức tin Ki-Tô – đã đi đâu rồi?*

Hiển nhiên là những cơ sở Ki Tô đã ở trong tình trạng suy thoái từ lâu, nhưng điểm đồng thuận ngày nay là sự suy thoái đã càng ngày càng nhanh. Một viên chức cao cấp của Vatican thú nhận: "Đời sống trong các giáo xứ coi như là đã chết". Ở Anh, số người đi nhà thờ đã giảm 30% kể từ 1980. Trong cùng một thời gian này, tỷ lệ số người nhận là thành viên của một hệ phái Ki Tô nào đó giảm hơn 20% ở Bỉ, 18% ở Hà Lan, và 16% ở Pháp. Ki-Tô Giáo vẫn là tôn giáo chính ở Âu Châu, với số tín đồ khoảng 550 triệu. Nhưng số người Âu Châu nhận mình là tín đồ Ca-Tô – cho đến nay là hệ phái Ki-Tô lớn nhất ở lục địa – đã giảm hơn 33% kể từ năm 1978.

Có những thời, giáo hội Ca-Tô lại là chính kẻ thù tệ hại nhất của mình - ủng hộ chế độ bạo tàn Franco ở Tây Ban Nha (cho tới nay vẫn chưa xin lỗi về việc này) và bao che những xi-căng-đan về loạn dân ở Ái Nhĩ Lan trong những năm gần đây. Nhưng ngay cả trước khi những phanh phui này xảy ra, giáo hội là một thế lực đàn áp, tự cho quyền phán xét và nhấn quá mạnh vào một Thượng đế mà bắt con người phải sợ hãi, giám mục Willie Walsh ở Killaloe nói như vậy.

(In 1966, a TIME cover story pondered the fate of Christianity and asked, is God dead? The magazine wasn't the first to pose the question — theologians have lamented society's secularization for centuries — nor would it be the last. He's still not dead, but these days in Europe, He's not always in the same old places. So it's worth asking: Where has God — and Christian faith — gone?)

The institutions of Christianity, of course, have long been in decline, but the consensus is that the pace has been quickening. "Parish life is essentially dead," admits a senior Vatican official. Church attendance has dwindled by more than 30% in Britain since 1980. Over the same period, the percentage of the population claiming membership in a religious denomination has dropped more than 20% in Belgium, 18% in the Netherlands and 16% in France. Christianity remains Europe's main religion, with about 550 million adherents. But the number of Europeans who identify as Catholic — by far the biggest denomination on the Continent — has fallen by more than a third since 1978.

At times, the church has been its own worst enemy — backing Franco's brutal regime in Spain (something it still hasn't apologized for) and stonewalling the Irish pedophilia scandals of recent years. But even before these revelations, the church "was an oppressive force," says Willie Walsh, the Bishop of Killaloe. "It was judgmental and placed too much emphasis on a God who was very much to be feared.")

Bài báo trích dẫn hai nhận định:

- Của Jeff Chu: *Ki Tô Giáo đang trở thành tín ngưỡng của thiểu số ở Âu Châu, vì số người đi nhà thờ sút giảm, số giáo sĩ già nua, và những xì-căng đan và giáo lý khắc nghiệt đã làm cho con người xa lánh.*

(Christianity is becoming a minority faith in Europe, as church attendance falls, the clergy ages, and scandals and harsh doctrine drive people away.)

- Của Jobst Schone, giám mục Tin Lành, Đức:

Những giáo hội Ki-Tô luôn luôn trải qua những thời kỳ với ảnh hưởng lúc nhiều lúc ít . Nay chúng ta đang đi xuống. Ki Tô Giáo sẽ trở thành thiểu số. Không người nào nên nhắm mắt trước sự kiện này.

(Churches have always gone through periods when their influence is greater and periods when it was less. Now we are down. Christianity will be a minority. Nobody should close his eyes to that fact.)

www.albertmohler.com:

christianpost.com

"Ki Tô Giáo Lùi Bước Ở Âu Châu – Tiếp Đến Là Mỹ?"

Christianity Recedes in Europe--Is America Next?

Thursday, August 18, 2005

Trong ít nhất là nửa thế kỷ, những nhà nghiên cứu đã từng quan sát sự chuyển hướng to lớn trong những nền văn hóa Tây phương. Khi Brian Kenny kể: "Tôi không đi lễ nhà thờ, và tôi không biết có người nào còn đi", anh ta hiểu rằng một cái gì đó đã thay đổi. Anh ta nhớ lại: "15 năm trước, tôi không biết có người nào mà lại không đi lễ nhà thờ."

Ngày nay người ta không thể không biết đến những thống kê về tình trạng thế tục hóa Âu Châu. Ái Nhĩ Lan, vẫn còn là một trong những nước ít thế tục nhất ở Tây Âu, đã thấy rằng số người đi lễ nhà thờ giảm ít nhất là 25% trong 30 năm qua. Lễ dĩ nhiên, Ái Nhĩ Lan là nước toàn tòng Ca-Tô Giáo, nhưng bài báo ghi: "Không có một người nào sẽ được phong chức linh mục ở Dublin năm nay"

Về phía Tin Lành, hình ảnh cũng chẳng khá hơn. Thụy Sĩ, Đức, và Hà Lan, một thời đã là những cái nôi của phong trào Cải Cách Tin Lành, nay trở thành những thí dụ chính của Âu Châu thế tục.

Theo Trung Tâm Nghiên Cứu về Ki Tô Giáo toàn cầu, Chứng viện thần học Gordon-Conwell ở Boston, sự suy thoái của ảnh hưởng Ki Tô Giáo thì rõ rệt nhất ở Pháp, Thụy Điển và Hà Lan, ở những nơi đây số người đi lễ nhà thờ là dưới 10% ở một số nơi.

Bài báo trên USA Today về sự suy thoái của Ki Tô Giáo ở Âu Châu nêu lên câu hỏi về tương lai [Ki Tô Giáo] ở Mỹ. Trong nhiều phương diện khác nhau, có vẻ như Mỹ sẽ theo gót gương của Âu Châu nhưng chậm hơn nhiều năm. Tuy nhiên nhịp độ thay đổi luân lý ở Mỹ có thể cho thấy rằng Mỹ sẽ nhanh chóng theo kịp mẫu thế tục của Âu Châu.

(For at least half a century, researchers have been observing massive shifts in Western cultures. When Brian Kenny reported, "I don't go to church, and I don't know one person who does," he understood that something had changed. "Fifteen years ago, I didn't know one person who didn't," he reflected.

The statistics documenting European secularization are now impossible to ignore. Ireland, still one of the least secular nations in Western Europe, has seen church attendance fall by at least 25 percent over the last three decades. Ireland is predominantly Roman Catholic, of course, but the paper reports, "Not one priest will be ordained this year in Dublin."

On the Protestant side, the picture is not much better. Switzerland, Germany, and the Netherlands, once the cradles of the Reformation, are now prime examples of Europe's secular shape.

According to the Center for the Study on Global Christianity, at the [Gordon-Conwell Theological Seminary](#) in suburban Boston, the decline in Christian influence "is most evident in France, Sweden and the Netherlands, where church attendance is less than ten percent in some areas."

USA Today's cover story on the decline of Christianity in Western Europe raises the question of America's future. In many ways, America seems to be following the European example, though several years behind. Yet the pace of moral transformation in the United States may indicate that America is fast catching up with the European model of secularization.)

christianpost.com:

By Michelle Wu

Như nhiều người biết, Ki Tô Giáo đang suy thoái ở Âu Châu đến độ mà người ta mô tả Âu Châu như là một nơi "ít biết đến Phúc Âm nhất" trên thế giới, khi chúng ta nhìn vào toàn thể dân Âu Châu. Dưới 4% toàn thể dân Âu Châu biết đến Phúc Âm, và trên hầu hết các quốc gia ở Âu Châu tỷ lệ này xuống dưới 1%.

Ở Âu Châu, không phải là sự bất thường khi một người mô tả mình là một "tín đồ Ca-Tô vô thần", hay một người sinh ra và nuôi nấng trong một gia đình Ca-Tô nhưng lại không tin vào Thiên Chúa. Điển hình là người đó được rửa tội, kết hôn, và làm tang lễ trong nhà thờ, nhưng không thể nói rõ về ý nghĩa của lễ Phục Sinh.

Trong một cuộc thăm dò ý kiến ở Anh nhân dịp lễ Phục Sinh – một quốc gia được coi là Ki-Tô – kết quả trong lớp tuổi 16-24, 1 trong 6 người Anh không biết ý nghĩa của ngày Thứ Sáu Tốt Đẹp [người Ki Tô gọi ngày Chúa của họ bị đóng đinh trên thập giá, một hình phạt khủng khiếp, dã man, gây đau đớn nhất cho con người của đế quốc La Mã khi xưa, là ngày Thứ Sáu Tốt Đẹp (Good Friday)] và khoảng 10% không biết rằng ngày Chủ Nhật Phục Sinh là để tưởng nhớ lại sự sống lại của Giê-su [Có thể là vì chẳng còn ai tin được điều mê tín "Chúa sống lại" nữa]

Những chính phủ Âu Châu bị quy tội một phần cho sự suy thoái của Ki Tô Giáo, bị trách cứ là đã giới hạn những hoạt động tôn giáo và làm khóa khản sự bành trướng của những nhóm tín ngưỡng. Ví dụ như, trong nước Pháp dân chủ, một nhà thờ xin phép để xây cất thêm hay mua bất động sản có thể không bao giờ được cấp giấy phép.

[Đọc đến đây tôi thấy sự kiện này như là một nghịch lý: ở nước Pháp có "tự do tôn giáo", nhưng nhà nước lại không cho phép nhà thờ xây cất thêm hoặc mua thêm bất động sản; ở Việt Nam không có "tự do tôn giáo" [theo những người hành nghề Chống Cộng ở hải ngoại] thì các nhà thờ lại tha hồ xây cất thêm và mọc thêm nhà thờ mới. Thế này là thế nào??]

(As many know, Christianity is declining in Europe to the extent that it has been described as the "least evangelized spot on earth" when looking at all of Europe's population.

Less than four percent of the total population in Europe is evangelical and in most European countries the percentage falls to less than one percent.

In Europe, it is not unusual for a person to describe themselves as a Catholic-Atheist, or someone born and raised in a Catholic family but who does not personally believe in God. Typically, the person would be baptized, married, and have their funeral held in a church, but would not be able to explain the meaning of Easter.

In a recent Easter survey conducted in England - a country typically seen as a Christian nation. the survey found that one out of every six people in England aged 16-24 did not know the meaning of Good Friday and about 10 percent of participants did not know that Easter Sunday commemorated the resurrection of Jesus.

European governments have been partially blamed for the decline of Christianity, being accused of restricting religious activities and hindering the expansion of faith groups. For example, in the democratic country of France, a church requesting permit to expand its church building or buy property may never receive permission.)

Sự suy thoái của Tin Lành trên thế giới cũng là một hiện tượng rõ rệt. Ở Mỹ, tỷ lệ Tin Lành trước đây là 65% nay chỉ còn lại 51% và các học giả dự phóng là trong một thập niên nữa, tỷ lệ này sẽ xuống dưới mức 50%. Như vậy kể là còn rất nhiều vì ở Âu Châu các nước theo Tin Lành đã trở thành thế tục (secular) và ảnh hưởng tôn giáo không còn lại bao nhiêu. Ở Âu Châu, cảnh nhà thờ được rao bán và trở thành những kho chứa hàng, hộp đêm, chung cư, khách sạn v.v.. không phải là hiếm. Ngay cả "Foyer Phát Diệm" của Việt Nam ở Rome, nguyên là nơi để các tu sĩ Việt Nam ở khi sang Rome thụ huấn, báo cáo hay công tác, nay cũng là một khách sạn cho mọi người. Ở Mỹ cũng vậy, cảnh nhà thờ bán đi rồi biến cải thành Chùa, thành Niệm Phật Đường v.v.. cũng không phải là không có. Nhiều trường học Ca-Tô phải đóng cửa vì không đủ học sinh nên không kiếm được lời. Có giáo xứ khai gian phá sản (bankruptcy) để trốn trả tiền phạt các vụ linh mục loạn dâm.

Vài thống kê sau đây về số tín đồ Tin Lành Mỹ cho chúng ta thấy rõ vấn đề suy thoái của Tin Lành. Theo Richard Vara của tờ *Houston Chronicle* thì:

Số tín đồ trong Giáo hội Trưởng Lão từ năm 1960 đã giảm từ 4.1 triệu còn 2.5 triệu; Trong cùng thời gian này số tín đồ trong giáo hội Anh giáo tại Mỹ [Tân giáo] cũng giảm từ 3.4 triệu còn 2.5 triệu, và giáo hội Giám Lý giảm từ 11 triệu tín đồ còn 8.3 triệu. Vì dân số gia tăng nhanh trong 40 năm qua, tỷ lệ sút giảm này thực sự lớn hơn là những con số thống kê.

Protestants in Decline

by [Andrew Walsh](#)

(Richard Vara of the *Houston Chronicle* provided a useful check list: "The Presbyterian Church (U.S.A.) has dropped from 4.1 million members in 1960 to 2.5 million. Over the same period, membership in the Episcopal Church decreased from 3.4 million to 2.5 million and United Methodists have seen their numbers drop from 11 million to 8.3 million." Because of the rapid growth in the nation's population over the last 40 years, the proportional shrinkage of their groups is even greater than the raw numbers suggest.)

Qua một số nhỏ tài liệu trích dẫn ở trên, chúng ta thấy rằng hiện tượng suy thoái của Ki Tô Giáo trên thế giới là một sự kiện. Nhưng ở một vài địa phương ở Phi Châu và Á Châu, trong những vùng chậm tiến và nghèo khổ, nếu chỉ kể trên con số, Ki Tô Giáo lại có vẻ phát triển, tuy rằng những con số đó, so với mức gia tăng của dân số thì thực sự không phải là một dấu hiệu phát triển. Điều đáng buồn là có một số tín đồ Ca-Tô cũng như Tin Lành Việt Nam lại khoe khoang là số tín đồ của tôn giáo mình gia tăng, cũng như một số tân tông Ca-Tô hay Tin Lành cũng khoe khoang là mình được vào trong "hội thánh". Họ thường vinh hạnh khoe: nay có ông tu sĩ Phật giáo này bỏ Phật theo Chúa, mai có người kia làm chứng lời Chúa v.v.. nhưng tất cả đều chỉ là những nhân vật vô tên tuổi, không ai biết đến, và phần lớn là bịa ra làm chứng láo. Vấn

đề là thực chất những điều này không phải là những điều đáng khoe khoang mà trái lại, đó là một sự biểu hiện của ô nhục và ngu dốt (A badge of shame and ignorance). Tại sao? Vì thử hỏi, có gì đáng khoe khoang ở cái chuyện đi nhặt những niềm tin thuộc loại hoang đường mê tín mà Âu Châu và Mỹ Châu đang dần dần phế thải về làm của báu cho mình. Âu Châu và Mỹ Châu vốn là cái nôi của Ki Tô Giáo, nhưng ngày nay Ki Tô Giáo ở những phương trời này lại bị phá sản, như học giả Eliezer Berkovits đã viết về "*sự phá sản đạo đức của nền văn minh Ki Tô Giáo và sự phá sản Tâm Linh của Ki Tô Giáo*" (The moral bankruptcy of Christian civilization and the spiritual bankruptcy of Christian religion) trong cuốn "*Đạo Do Thái Trong Thời Kỳ Hậu Ki Tô*" (Judaism in the Post-Christian Era). Trong khi nhiều người đã thoát ra để tự thanh tẩy ký ức và để dứt bỏ sự dính líu của mình vào một tôn giáo có một lịch sử tàn bạo nhất thế gian, thì có người lại tự đâm đầu vào cái định chế tôn giáo mà lịch sử ô nhục của nó không ai có thể chối cãi. Đó có phải là điều đáng khoe hay là điều đáng thương hại và tội nghiệp?

THAY LỜI KẾT:

Trong Phần I và Phần II của loạt bài về Công Giáo và Tin Lành này, chúng ta đã thấy rõ các tín đồ Ki Tô Giáo đã bị lừa dối bởi một chính sách nhồi sọ tinh vi, xảo quyệt, của những giáo hội Ca-Tô Rô-ma và Tin Lành, khai thác sự yếu kém về tinh thần cũng như về hiểu biết, nên trong quá khứ đã thành công đưa tín đồ vào vòng "quên mình trong vâng phục" những thần quyền giả tạo tự phong của giới giáo sĩ như giám mục, linh mục trong Ca-Tô Giáo Rô-ma, và vào vòng tin bướng tin càn vào những điều sai lầm, lỗi thời, hoang đường, phi lô-gic, phản lý trí, phản khoa học v.v.. trong Thánh Kinh mà Tin Lành cho rằng không thể sai lầm vì đó là những lời mạc khải của Thiên Chúa. Nhưng, như là một quy luật của thế gian, không có gì có thể ngăn cản được những bước tiến bộ trí thức của nhân loại, do đó trong Phần III ở trên, chúng ta đã biết, Ki Tô Giáo đang ở trong tình trạng suy thoái không phương cứu vãn.

Một câu hỏi thường được đặt ra: Tại sao Ki Tô Giáo lại suy thoái, nếu nó thực sự là một tôn giáo có mục đích nâng cao trình độ hiểu biết của con người, một tôn giáo đạo đức, một tôn giáo có thể giúp cho con người thăng tiến lên một cảnh giới cao hơn v.v.v... Ki Tô Giáo đã hoàn toàn thất bại trong nhiệm vụ này như lịch sử đã chứng minh. Và người ta đã kết luận rằng thay vì Ki Tô Giáo văn minh hóa nhân loại thì chính sự tiến bộ của nhân loại đã văn minh hóa Ki Tô Giáo. Đây là một sự thật không ai có thể chối cãi. Ngày nay, không có một ông giáo hoàng nào dám hô hào cổ võ một cuộc thập tự chinh, tổ chức một tòa án xử dị giáo hay một cuộc săn lùng phù thủy, gây hận thù người Do Thái về tội "giết Chúa", khích động một cuộc chinh phục các nước nhỏ kém phát triển bằng vũ lực. Không một ông giáo hoàng nào dám đưa Einstein, Carl Sagan, hay Stephen Hawking v.v.. lên dàn hỏa như đã đưa Bruno lên trước đây.

Các giáo hội Ki Tô thường đổ tội cho các xã hội thế tục và chủ nghĩa vật chất v.v.. đã làm cho Ki Tô Giáo suy thoái. Điều này không đúng hẳn. Nước Mỹ là nước bậc nhất thờ chủ nghĩa vật chất nhưng Mỹ vẫn là nước mà Ki Tô Giáo vẫn là chủ lực tinh thần và tỷ lệ giáo dân trên dân số vẫn cao nhất. Vấn đề chính là, Ki Tô Giáo với những cấu trúc quyền lực, với những giáo lý dựa trên Thánh Kinh, đã không còn hợp với thế giới văn minh tiến bộ ngày nay. Thật vậy, nghiên cứu kỹ vấn đề, chúng ta thấy thật ra sự suy thoái của Ki Tô Giáo không phải trong thời đại này mới

xảy ra mà đã bắt nguồn từ sự tiến bộ trí thức của con người ít ra là từ cuộc *Cách Mạng Khoa Học* (The Scientific Revolution) vào đầu thế kỷ 17, từ *Thời Đại Lý Trí* (The Age of Reason) vào thế kỷ 18, *Thời Đại Khai Sáng* (The Age of Enlightenment) vào thế kỷ 19, và *Thời Đại Phân Tích* (The Age of Analysis) vào thế kỷ 20. Những thời đại này đã kéo con người Tây phương ra khỏi *Thời Đại Của Đức Tin* (The Age of Faith), một thời đại mà sự thống trị của Ca-Tô Giáo Rô-ma đã đưa Âu Châu vào 1000 năm tối được biết dưới tên *Thời Đại Trung Cổ* (The Middle Ages) hay *Thời Đại Hắc Ám* (The Dark Ages), hay *Thời Đại Của Sự Man Rợ Và Đen Tối Trí Thức* (The age of barbarism and intellectual darkness).

Trước sự tiến bộ trí thức của nhân loại như trên, Ki Tô Giáo bắt buộc phải suy thoái, vì căn bản Ki Tô Giáo là một tôn giáo thuộc loại mê tín nhất thế gian, nhất tuyệt đại đa số tín đồ vào một “đức tin” (faith) không cần biết không cần hiểu. Nhưng sự tiến bộ trí thức của nhân loại đã khiến cho không ít tín đồ và một số các vị lãnh đạo Ki Tô Giáo nhận ra sự thật cay đắng này. Những niềm tin căn bản của Ki Tô Giáo nói chung, ví dụ như chuyện Thiên Chúa sáng tạo ra vũ trụ trong 6 ngày cách đây khoảng 6000 năm, chuyện vườn địa đàng Eden, Adam và Eve sa ngã tạo nên tội tổ tông, Chúa Giê-su sinh ra từ một nữ trinh, bị đóng đinh trên thập giá chết đi rồi sống lại sau ba ngày và rồi 40 ngày sau đó bay lên trời ngồi bên phải của Chúa Cha, khả năng chuộc tội và cứu rỗi của Giê-su v.v..., tất cả đều không còn chỗ đứng trong giới hiểu biết và trí thức ngày nay. Bởi vậy nên một số các bậc lãnh đạo trong Ki Tô Giáo cũng như một số học giả trí thức Ki Tô Giáo đã cố gắng nghiên cứu, viết sách, trình bày sự thật để giáo dục những tín đồ Ki Tô Giáo đáng thương của họ. Điều này đã góp phần lớn trong sự suy thoái của Ki Tô Giáo trên thế giới. Sau đây là vài kết quả nghiên cứu điển hình của họ.

Cốt tủy của Ki Tô Giáo không phải là dạy tín đồ làm lành tránh ác như một số giáo dân kém hiểu biết thường đưa ra luận điệu “tôn giáo nào cũng tốt, cũng dạy người ta làm lành tránh ác”. Chúng ta đã biết theo Ca-Tô giáo cũng như Tin Lành dạy, con người được Chúa “cứu rỗi” không phải vì đã làm lành tránh ác, sự cứu rỗi tùy thuộc hứng của Thiên Chúa, muốn ban ân sủng cho ai thì cho. Điều kiện cần và đủ để được cứu rỗi là phải tin Chúa, nếu không tin thì dù làm lành tránh ác cách mấy đi chăng nữa thì cũng bị Chúa đẩy xuống hỏa ngục để bị thiêu đốt bởi ngọn lửa vĩnh hằng. Trong thời Trung Cổ, những thập tự quân đi tàn sát những người Hồi Giáo, Do Thái Giáo và Ki-Tô lạc đạo, nghĩa là những người không tin theo giáo lý Ca-Tô, không thần phục Ca-Tô Giáo, được giáo hoàng giải mọi tội lỗi và cấp vé cho lên thiên đường sau khi chết. Vậy thì “làm lành tránh ác” ở chỗ nào??

Cốt tủy giáo lý Ki Tô dựa vào nền thần học Ki Tô Giáo, và nền thần học này dựa vào sự diễn giải Thánh Kinh của giáo hội và những điều giáo hội bịa đặt ra. Đại để là dựa theo Cựu Ước, Chương Sáng Thế Ký: Chuyện vườn địa đàng nơi đây Adam và Eve ăn trái cấm nên tạo thành tội tổ tông, bị Chúa Cha theo đuổi phạt cả con cháu hết đời này đến đời kia. Rồi Chúa Cha cho Chúa Con (Giê-su) xuống trần, chịu khổ nạn, bị đóng đinh trên cây thập giá để chuộc tội cho nhân loại. Và những người nào tin vào Giê-su thì sẽ được cứu rỗi phần hồn, lẽ dĩ nhiên là sau khi chết. Nhưng tất cả những chuyện hoang đường mê tín của thời bán khai này ngày nay đã không còn chỗ đứng trước sự hiểu biết của nhân loại, ở trong cũng như ở ngoài các giáo hội Ki-Tô, trừ

những tín đồ có đầu mà không có óc. Một số tài liệu sau đây sẽ chứng những sự kiện cay đắng này của các giáo hội Ki Tô.

1. Về tội tổ tông mà Chúa Cha phải phái Chúa Con xuống trần để bị đóng đinh chuộc tội cho thiên hạ thì ngày nay, trước những sự tiến bộ của khoa học và những nghiên cứu nghiêm chỉnh về cuốn Thánh Kinh, con người ngày nay đã nhận ra một sự thật, cất bỏ được cái gánh nặng "tội tổ tông" đã đè trên vai các tín đồ qua nhiều thế kỷ. Thật vậy, nhân loại không sinh ra trong tội lỗi, không ai cần đến sự "cứu rỗi" của Giê-su, như chính giám mục Tin Lành John Shelby Spong đã khẳng định trong cuốn *Tại Sao Ki Tô Giáo Phải Thay Đổi Không Thì Chết* (Why Christianity Must Change or Die) như sau:

"Nhân loại chúng ta không sống trong tội lỗi. Chúng ta không sinh ra trong tội lỗi. Chúng ta không cần phải rửa sạch cái tì vết tội tổ tông trong phép rửa. Chúng ta không phải là những tạo vật sa ngã, sẽ mất đi sự cứu rỗi nếu chúng ta không được rửa. Do đó, một đấng cứu thế có nhiệm vụ khôi phục tình trạng tiền sa ngã của chúng ta chỉ là một sự mê tín trước-thời-Darwin và một sự vô nghĩa sau-thời-Darwin."

(We human beings do not live in sin. We are not born in sin. We do not need to have the stain of our original sin washed away in baptism. We are not fallen creatures who will lose salvation if we are not baptized.. A savior who restores us to our prefallen status is therefore pre-Darwinian superstition and post-Darwinian nonsense)

2. Về nền thần học Ki Tô Giáo, trong cuốn *Một Linh Mục Hiện Đại Xét Về Giáo Hội Lỗi Thời Của Mình*, một cuốn sách đã được một số trí thức trong cũng như ngoài giáo hội ca tụng, linh mục James Kavanaugh đã đưa ra một nhận xét như sau về nền Thần học Ca-Tô:

Tuy nhiên, nền Thần học của chúng ta đã trở thành một trò chơi học thuật. Đó là một mớ luật lệ tích tụ trong sự cay đắng tôn giáo của những cuộc tranh chấp nhỏ mọn. Đó là một chuyện cổ tích về những chân lý đã nhảm chán, chỉ có tác dụng tước đoạt trách nhiệm cá nhân của con người và hạ thấp con người thành một nô lệ vô danh sợ sệt. Thần học đã tước đoạt đầu óc con người và chỉ để lại trong họ những bài học thuộc lòng... Đó là nền Thần học mà tôi đã học và truyền lại trong mọi kỳ xưng tội mà tôi nghe, trong mọi lớp học tôi dạy, trong mọi bài giảng tôi nói cho đám con chiên đầy mặc cảm tội lỗi.

(James Kavanaugh, *A Modern Priest Looks At His Outdated Church*, p. 6: Our theology, however, has become a scholar's game. It is a code of rules accumulated in the petty wars of religious bitterness. It is a tale of tired truths, which only serve to rob man of personal responsibility and reduce him to the listlessness of a frightened slave. Theology took away man's mind and left him memorized words... This is the theology I learned and transmitted in every confession I heard, every class I taught, every sermon I gave to the guilt-infected flock.)

Nền thần học Ki Tô Giáo rao giảng cho các tín đồ về một "Thiên Chúa quá thương yêu thế gian". Nhưng những sự kiện xảy ra ngay trước mắt: Tsunami, thiên tai, bệnh tật, quái thai, chiến tranh v.. v... đưa đến một câu hỏi: Tình yêu Thiên Chúa đặt ở đâu? Một ví dụ điển hình về ngay cả những người trong Ki Tô Giáo cũng không còn tin vào một "Thiên Chúa lòng lành" nữa được

đăng trên tờ Newsweek số ngày 7 tháng 5, 2007, về chuyện một Mục sư tuyên úy phục vụ ở Iraq và nay trở về phục vụ trong Quân Y Viện Walter Reed. Bài báo viết về cuốn Nhật Ký của Mục sư tuyên úy Roger Benimoff. Những dòng cuối cùng trong Nhật Ký viết:

"Tôi không muốn dính dáng gì đến Thiên Chúa. Tôi thật chán ngấy tôn giáo. Đó là cặp nạng cho những kẻ yếu kém.. Chúng ta tạo ra Thiên Chúa cho những gì chúng ta cần đến trong một lúc. Tôi thậm ghét Thiên Chúa. Tôi thậm ghét tất cả những kẻ nào toan tính giảng giải về Thiên Chúa trong khi họ thực sự không hiểu gì về Thiên Chúa"

(Newsweek, p.33: The last lines read: I do not want anything to do with God. I am sick of religion. It is a crutch for the weak.. We make God into what we need for the moment. I hate God. I hate all those who try to explain God when they really don't know.)

Tại sao một Mục sư tuyên úy lại viết như vậy?. Vì ông ta đã chứng kiến những cảnh tàn bạo dã man phi lý trong cuộc chiến ở Iraq và những cảnh đau khổ của thương phế binh ở Quân Y Viện Walter Reed, và ông ta không thể nào hòa hợp những cảnh đó với luận điệu thần học "Thiên Chúa quá thương yêu thế gian" trong phúc âm John mà Giáo hoàng John Paul II đã nêu trong cuốn *Bước Qua Ngưỡng Cửa Hi Vọng* để trả lời mà không phải là trả lời câu hỏi: "Tại sao nhân loại cần sự cứu rỗi."

Thật vậy, nếu chúng ta có một tấm lòng, để tâm quan sát những cảnh thế gian, khoan kể đến những thiên tai bão lụt, chỉ cần nghĩ đến cảnh chiến tranh triền miên giết nhau trên khắp thế giới, cảnh những trẻ sơ sinh bị đủ mọi thứ bệnh và khuyết tật trong nhà thương nhi đồng, cảnh quái thai sinh ra cặp đôi dính vào nhau ở lưng, ở đầu, mà chỉ có một trái tim, và ngay cảnh "đại diện của Chúa" trên trần, John Paul II, chân tay run lẩy bẩy, ăn nói lắp bắp không ra lời, và với sự kiện là mỗi ngày có tới 40000 đứa trẻ dưới 5 tuổi chết vì bệnh tật và thiếu dinh dưỡng, và hàng trăm cảnh đau lòng khác diễn ra khắp nơi, thì làm sao chúng ta có thể tin vào một Thiên Chúa toàn năng toàn trí "quá thương yêu thế gian" cho được.

3. Về Những Tín Lý Trong Ki Tô Giáo, Trong cuốn *"Theo Đúng Như Trong Sách: Những Thảm Họa Trong Quá Khứ Và Hiện Tại Của Quyền Lực Thánh Kinh"* (Going By the Book: Past and Present Tragedies of Biblical Authority), Mục sư Ernie Bringas, tốt nghiệp môn thần học tại đại học United Theological Seminary ở Dayton, Ohio, nhận định rằng:

Với sự tái khám phá phương pháp khoa học trong thế kỷ 16 ở Âu Châu và sự tiến triển tiếp theo của thời đại Khai sáng trong thế kỷ 18, một sự phân tích Thánh Kinh một cách thuần lý hơn là điều không thể tránh được. Trong một thế giới đang trở thành hướng theo tinh thần khoa học, những mô tả về Chúa đi trên sóng, về ma quỷ, thiên thần, những câu chuyện về sự sống lại của Chúa, và nhiều hiện tượng khác, càng ngày càng khó có thể chấp nhận như là những sự thực lịch sử.

Trong những năm 1835-1836, cuốn "Khảo Sát Cặn Kẽ Về Đời Sống của Giê-su" (The Life of Jesus Critically Examined) của D. F. Strauss đã quy một số chuyện trong Tân Ước là "huyền thoại" và định nghĩa những câu chuyện phi lịch sử như trên là sự biểu thị của một chuỗi những ý tưởng tôn giáo. Ngày nay, kết quả những cuộc nghiên cứu phân tích tiếp tục hỗ trợ và xác nhận sự khẳng

định này. Đa số các học giả coi những chuyện trong Tân Ước và bảy giáo lý giáo hội đưa ra sau đây đều là huyền thoại:

1. Đức Mẹ đồng trinh
2. Hiện thân của Chúa (Thượng đế hiện thân thành người, nghĩa là, Thượng đế là Giê- su.)
3. Nhiệm vụ cứu rỗi của Chúa
4. Sự sống lại của Chúa.
5. Sự thăng thiên của Chúa (Thân xác Chúa bay lên trời 40 ngày sau khi sống lại)
6. Chúa trở lại trần (để làm sống lại những người chết cho ngày phán xét cuối cùng)
7. Ngày phán xét cuối cùng (Chúa Cha phán xét luận tội mọi người trong ngày Giê su trở lại trần thế)

(With the rediscovery of the scientific method in 16th-century Europe and the subsequent evolvment of the Enlightenment during the 18th-century, it was inevitable that a more rational analysis of Scripture would occur. In a world becoming scientifically oriented, descriptions of walking on water, of demons, angels, resurrection stories, and other phenomena grew increasingly unacceptable as historical realities.

In 1835-1836, *The Life of Jesus Critically Examined*, by D. F. Strauss, referred to some NT narratives as "myth" and defined those unhistorical elements as expressing a series of religious ideas. Today, analytical studies continue to support and confirm this assertion. The majority of scholars regard the following NT accounts and Church-developed doctrines as myth:

1. The virgin birth
2. The Incarnation (God in human form; that is, God as Jesus)
3. The work of Atonement (plan for salvation)
4. The resurrection
5. The ascension (Jesus' bodily ascent into heaven 40 days after the resurrection)
6. The Second Coming (the return of Jesus to raise the dead and to summon all to the Last Judgment)
7. The Last Judgment (the judgment of all by God at Christ's Second Coming)

Chúng ta nên để ý là trên đây Mục sư Ernie Bringas chỉ trình bày quan điểm của giới trí thức học giả về Ki Tô Giáo. Điều này không áp dụng cho số tín đồ đông đảo, Ca-Tô cũng như Tin Lành, còn sống trong bóng tối. Điều này cũng đã chứng tỏ rằng nền tảng tín ngưỡng của Ki Tô Giáo nói chung đã không còn hấp dẫn trong thế giới Tây phương, thế giới của khoa học, của suy lý.

4. Về Đòn Phép Hù Dọa Tuyệt Thông Của Ca-Tô: Đối với những tín đồ thấp kém, nhẹ dạ, cả tin, "tuyệt thông" hay "dứt phép thông công" là một vũ khí hù dọa hữu hiệu, vì họ đã được nhồi vào đầu từ khi con nhỏ là muốn hiệp thông với Chúa thì phải đi qua các trung gian như Linh mục,

Giám mục, Giáo hoàng hay "Tòa Thánh". Nhưng đối với giới trí thức, ngay cả trong giáo hội, thì đó chỉ là một biện pháp hù dọa đáng khinh, vì nó vô giá trị, vô nghĩa, lỗi thời, và nhất là dựa vào một quyền lực tự phong, không có một căn bản nào có thể thuyết phục được những người có đầu óc. Thật vậy, trong cuốn *Thượng đế Chưa Chết: Từ Sự Sợ Hãi Tôn Giáo Đến Sự Tự Do Tâm Linh* (God Lives: From Religious Fear To Spiritual Freedom), Linh Mục James Kavanaugh đã vạch rõ cho chúng ta thấy bản chất và ý nghĩa của "tuyệt thông" như sau, trang 39-40:

Tôi thấy khó mà có thể tin được là trong thời đại kỹ thuật không gian này mà một đoàn thể tôn giáo (Ca-Tô giáo Rô-ma. TCN) lại có thể quá lỗi thời để tin rằng một hình phạt thuộc loại huyền thoại như vậy vẫn còn có ý nghĩa gì đối với con người.

...Tuyệt thông, trong nhiều thế kỷ, đã là vai trò của giới quyền lực đóng vai Thượng đế. Đó là sự chối bỏ sự tự do suy tư của con người một cách vô nhân đạo và phi-Ki-tô. Nhưng nhất là, nó đã là nỗ lực điên cuồng của một quyền lực, vì quá lo sợ mất đi quyền lực của mình, nên phải kiểm soát tín đồ thay vì hướng dẫn họ đi tới một tình yêu thương tự do và trưởng thành.

Tuyệt thông toan tính biến sự thực chứng tôn giáo thành một trại huấn luyện quân sự trong đó sĩ quan phụ trách nhào nặn lên những người máy trung thành bằng cách làm chúng ngạt thở bởi giam hãm và sỉ nhục. Có thể những phương pháp này có nghĩa trong việc huấn luyện con người để chiến đấu ngoài mặt trận. Những phương pháp này thực là trẻ con và bất lương khi xử lý với sự liên hệ của con người đối với Thượng đế; nhưng thật không thể tin được là chúng vẫn còn tồn tại.

(I found it hard to believe that in the age of space technology a religious body could be so out of touch as to believe such a mythological penalty could have any meaning left for man.

...Excommunication had for centuries been authority's way of playing God. It was the inhuman and unchristian denial of man's freedom of conscience. But most of all it had been a deeply frightened authority's frantic effort to dominate and control men and woman rather than to direct them toward a free and mature love. Excommunication attempted to turn the religious experience into a boot camp where the officer in charge aspires to build loyal robots by smothering them with confinement and indignity. Perhaps such methods might have had meaning in preparing man for combat. They are only childish and dishonest in dealing with a man or woman's relationship with God, but incredulously they still exist.)

5. Về Các "Bí Tích" trong Ki Tô Giáo, Tin Lành có 2, Ca-Tô có 7, trong cuốn *Thoát Ly Khỏi Thiên Chúa: Lấy Lại Khả Năng Tìm Hiểu* (Freedom From God: Restoring The Sense of Wonder, Almador Pub., 2001), Mục sư Harry Willson viết, trang 55:

"Trong đầu óc của rất nhiều người biết suy tư, lương thiện và có thiện chí, Ki Tô Giáo đã trở thành không còn thích hợp, vì nó đòi hỏi con người dự phần quá nhiều vào những điều vô nghĩa." [của các "bí tích"]

(Christianity has become irrelevant, in the minds of so many thoughtful persons of good will and honesty, because it requires so much participation in nonsense.)

Harry Willson viết cuốn sách trên để khuyến khích tín đồ hãy theo gương ông, cất cái gánh nặng Thiên Chúa ra khỏi vai họ (Get God off your back). Ông coi đó là một sự giải phóng:

Hãy nghĩ về hình ảnh Thượng đế đi vào một hố đen của thập niên 60 với "Thượng đế đã chết". Đừng kể đến phái bảo thủ Ki Tô vì trong đó không có sự suy tư. Đây là một cuốn sách đi vào qua cái hố đen ấy và đi ra ngoài đầu kia - đến sự giải phóng. Sự thách đố này là để cho những con người biết đọc và thích suy nghĩ, và còn có thể có khả năng thắc mắc, tìm hiểu. Không khí trong lành đó thật là kỳ diệu.

Các bạn cũng có thể được tự do. Các bạn có thể bác bỏ cái quyền năng (của Thượng đế) đó, và dẹp bỏ những ngón tay đang bóp nghẹt yết hầu của các bạn. Để cho các bạn có thể thở!

(Thinking about God went into a black hole in the sixties with "God is dead". Fundamentalism doesn't count, because there's no thinking there. Here's a book that goes all the way to that black hole and comes out the far end - into liberation. This challenge is for persons who can read and like to think, and can still sense wonder. The fresh air is wonderful.

You, too, can be free! You can repudiate that authority, and remove those fingers at your throat. You can breathe!)

Không ai biết rõ hơn linh mục Joseph McCabe, một người đã hành nghề linh mục hơn 20 năm, khi ông viết:

"Bí tích", lẽ dĩ nhiên, chỉ là một phần của hệ thống nâng cao giới linh mục, cho họ những lợi ích cá nhân to lớn trên đám tín đồ thông thường.

6. Về Vũ Trụ Học: Từ năm 1981, tòa thánh Vatican đã mời một số chuyên gia đến để cố vấn cho tòa thánh về vũ trụ học. Cuối cuộc hội thảo, các chuyên gia được giáo hoàng John Paul II tiếp kiến. Ông ta nói với các khoa học gia là "cứ tự nhiên nghiên cứu sự tiến hóa của vũ trụ sau sự nổ lớn (big bang), nhưng không nên tìm hiểu về chính lúc nổ vì đó là lúc sáng tạo, do đó là tác phẩm của Thượng đế." (Stephen Hawking, *A Brief History of Time*, p. 116: He told us that it was all right to study the evolution of the universe after the big bang, but we should not inquire into the big bang itself because that was the moment of Creation and therefore the work of God). Chúng ta nên để ý, căn bản thuyết Big Bang đã được công nhận là đúng dù năm 1981, thuyết Big Bang chưa được hoàn chỉnh cho đến khi dò ra được bức xạ nền [background radiation] trong vũ trụ vào năm 1992, nhưng Giáo hoàng cũng đã phải công nhận vũ trụ này sinh ra từ một Big Bang. Và Giáo hoàng nói câu trên chẳng qua chỉ để vớt vát phần nào mặt mũi của Thượng đế, một mặt mũi đã không còn chỗ đứng trong thế giới tiến bộ trí thức và khoa học của nhân loại.

Thật vậy, Big Bang là hiện tượng nổ bùng của một dị điểm (singularity) vô cùng đặc, vô cùng nóng, nguồn gốc của vũ trụ ngày nay, và đã xảy ra cách đây khoảng 15 tỷ năm chứ không phải là chỉ có từ 6000-10000 năm do sự "sáng tạo" (sic) của Thượng đế Ki-tô giáo như được viết trong Kinh Thánh, được coi như những lời không thể sai lầm của Thượng đế.

Năm 1992, giáo hoàng đã công khai nhìn nhận là giáo hội đã sai lầm trong vụ án Galileo Galilei. 359 năm về trước, Giáo hội bắt Galilei phải sửa lại kết quả nghiên cứu khoa học của ông

ta (rằng trái đất quay xung quanh mặt trời) cho đúng với những lời “mạc khải không thể sai lầm trong Thánh Kinh” (rằng trái đất đứng yên và mặt trời quay xung quanh trái đất), rồi giam ông ta tại gia cho đến khi chết. Sự nhìn nhận sai lầm của Tòa Thánh trong vụ Galilei cho thấy thánh kinh sai và kéo theo vấn đề: nếu thánh kinh đã sai về vũ trụ thì rất có thể cũng sai về nhiều điều khác nữa. Ngày nay, các chuyên gia nghiên cứu thánh kinh đều đồng thuận ở điểm là thánh kinh có rất nhiều sai lầm cả về thần học lẫn khoa học. Do đó, thánh kinh không phải là những lời “mạc khải” không thể sai lầm của một vị thần toàn năng toàn trí, như lời giáo hội vẫn thường dạy cho những tín đồ bảo sao nghe vậy. Thực tế cũng cho thấy rằng, trí tuệ của con người ngày nay đã vượt xa trí tuệ của bậc “toàn năng, toàn trí” trong Thánh Kinh Ki-Tô giáo rất nhiều. Ấy thế mà người ta vẫn đi thờ phụng một “đấng” mà trí tuệ kém cỏi hơn người đời rất nhiều. Thật là kỳ lạ.

7. Về Thuyết Tiến Hóa: Rồi đến năm 1996, giáo hoàng John Paul II đã thú nhận trước thế giới là *“thân xác con người có thể không phải là một sự sáng tạo tức thời của Thượng đế, mà là kết quả của một quá trình tiến hóa dần dần”*. Ngài nói: *“những kiến thức mới nhất dẫn đến việc phải chấp nhận thuyết tiến hóa hơn là một giả thuyết”*. (Pope John Paul II has put the teaching authority of the Roman Catholic Church firmly behind the view that “the human body may not have been the immediate creation of God, but is the product of a gradual process of evolution.. The pope said that “fresh knowledge leads to recognition of the theory of evolution as more than just a hypothesis”).

Chấp nhận thuyết Big Bang, thuyết tiến hóa, chấp nhận con người không phải là do Thượng đế tạo ra tức thời mà chính là kết quả của một quá trình tiến hóa dần dần và lâu dài, giáo hoàng đã phá tan huyền thoại về Adam và Eve là tổ tông loài người do Thượng đế tạo dựng từ đất sét, và kéo theo không làm gì có chuyện Adam và Eve sa ngã tạo thành tội tổ tông. Do đó, vai trò “chuộc tội” và “cứu rỗi” của Giê-su chỉ là những luận điệu thần học lừa dối của giới giáo sĩ Ki Tô Giáo khi xưa, được tiếp tục đưa ra không ngoài mục đích khai thác lòng mê tín của một số người, huỷ hoại và khuyến dụ họ tin vào những điều không thực.

8. Về Thiên Đường Và Hỏa Ngục: Tháng 7 năm 1999, trước những khám phá xác tín nhất của khoa vũ trụ học, và trước những hiểu biết của con người ngày nay về cấu trúc của trái đất, Giáo Hoàng đã bắt buộc phải tuyên bố: *“thiên đường không phải là một nơi trừu tượng mà cũng chẳng phải là một nơi cụ thể ở trên các tầng mây”* (Heaven is neither an abstraction nor a physical place in the clouds), và *“Hỏa ngục không phải là sự trừng phạt áp đặt từ bên ngoài bởi Thượng đế, mà là trạng thái hậu quả của những thái độ và hành động mà con người đã làm trong đời này”* (Hell is not a punishment imposed externally by God, but the condition resulting from attitudes and actions which people adopt in this life). Như vậy là Giáo Hoàng đã bác bỏ phần giáo lý quan trọng nhất của giáo hội Ca-Tô: *“người nào tin Chúa thì sẽ được Chúa cho lên thiên đường sống cuộc sống đời đời bên ngài, kẻ nào không tin sẽ bị Chúa phán xét đày vĩnh viễn xuống hỏa ngục ở trong lòng đất”*. Cử cớ-rốt thiên đường thường dùng để khuyến dụ những người nhẹ dạ cả tin, và cây gậy hỏa ngục để hù dọa những người yếu bóng vía, sau cùng đã không còn tác dụng gì đối với nhân loại trong thời đại văn minh tiến bộ ngày nay.

Tôi tự hỏi, có bao nhiêu tín đồ Ki-tô, Ca-tô cũng như Tin Lành, biết đến những thay đổi trong nội bộ các giáo hội Ki-tô về căn bản tín ngưỡng trong Ki-tô Giáo, biết đến những sự kiện lịch sử này, và biết đến những quan niệm sai lầm bắt nguồn từ Kinh Thánh? Tôi nghĩ đa số chưa bao giờ nghe đến tên Copernicus hay Galileo, chưa bao giờ nghe đến những lời tuyên bố trước thế giới của giáo hoàng John Paul II. Tôi cũng nghĩ tuyệt đại đa số tín đồ Ki-tô chưa từng đọc đến Kinh Thánh và lẽ dĩ nhiên không có một kiến thức nào, dù là tối thiểu, về những tiến bộ của khoa học và đầu óc con người trên thế giới.

Tại sao Ki Tô Giáo nói chung, Ca-Tô Giáo Rô Ma nói riêng bắt buộc phải suy thoái. Câu trả lời nằm trong chính bản văn xưng tội trước thế giới của Vatican.

Tháng 3 năm 2000, trong một cuộc “thánh lễ” công cộng tại “thánh đường” Phê-rô, Giáo hoàng cùng một số hồng y, tổng giám mục, trong đó có tổng giám mục Nguyễn Văn Thuận, đại diện cho “hội thánh” Ca-Tô, đã chính thức “xưng thú 7 núi tội ác” đối với nhân loại của Ca-Tô giáo Rô-ma. 7 núi tội ác này, qua gần 20 thế kỷ, đã đưa đến những thảm họa to lớn cho nhân loại như “thập tự chinh” (thường được gọi một cách sai lầm là “thánh chiến” vì bản chất những cuộc chiến này rất man rợ, bạo tàn chứ chẳng có gì là “thánh” cả), tòa hình án xử dị giáo, bách hại dân Do Thái, kỳ thị phái nữ, liên kết với thực dân để truyền đạo với sách lược xâm lăng văn hóa, mưu toan thống trị và có thái độ thù nghịch với các tôn giáo khác v.v.. (Xin đọc chi tiết những tội ác của Ca-Tô giáo đối với nhân loại trong cuốn *VATICAN: Thù Tội Và Xin Lỗi?* của 6 tác giả, Giao Điểm xuất bản năm 2000). Hành động “xưng thú 7 núi tội lỗi” này đã làm cho những lời tự nhận của giáo hội mà giáo hội thường nhồi nhét vào đầu óc tín đồ từ khi còn nhỏ, rằng Ca-Tô giáo là tôn giáo “thiên khai duy nhất”, “thánh thiện”, “mầu nhiệm”, “tông truyền”, “hôn thê của Chúa”, “cao quý”, “ánh sáng của nhân loại”, bác ái”, “dân chủ” v.v.., trở thành những lời nói láo vĩ đại nhất trong lịch sử các tôn giáo của loài người. Một khi mà những lời nói láo không còn có hiệu lực và không còn thuyết phục được ai, thì tất nhiên con người sẽ không còn tin vào chúng nữa. Và tín đồ bỏ đạo hàng loạt là vì họ không còn muốn dính dáng gì đến một giáo hội đầy tội lỗi thế gian, và trình độ người dân ngày nay đã cao, không còn có thể tin vào những điều thuộc loại hoang đường mê tín nữa. Chính các học giả ở trong cũng như ở ngoài các giáo hội Ki-Tô đã khai sáng cho họ qua những tác phẩm nghiên cứu nghiêm chỉnh về Ki Tô Giáo.

Có bao nhiêu phần trăm trong số gần một tỷ tín đồ của Ca-Tô Giáo Rô-Ma biết đến những điều thú nhận công khai trên của giáo hoàng và “tòa thánh” Vatican? Tôi nghĩ con số này phải là rất nhỏ, vì sách lược của giáo hội, qua vai trò của những người gọi là lãnh đạo tôn giáo như linh mục, giám mục v.v.., là duy trì sự “càng biết ít bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu” trong quần chúng tín đồ. Mà dù tín đồ có biết đến những sự thực này thì cũng biết một cách sai lạc, vì như Học Hội Đức Ki Tô Phục Sinh ở Houston đã đưa ra nhận định:

Hàng ngàn năm, để bưng bít và che dấu 7 chương tội lỗi đối ngoại - và một chương đối nội là 8 - nghệ thuật tuyên truyền của giáo hội Rô-Ma phải đạt đến chỗ cực kỳ ảo diệu, thiên biến vạn hóa, một nghệ thuật tuyên truyền thần thánh, một nghệ thuật tuyên truyền nhồi sọ tuyệt vời..

Ngoài nghệ thuật tuyên truyền, giáo hội vẫn phải xây “vạn lý trường thành đức tin” và buông búa “màn sắt thần học” lên đầu đoàn chiên. Mỗi tòa giảng là một cái loa tuyên truyền, dựa vào

khoa thần học phù phép, ảo thuật "núi tội thành con chuột", "kẻ cướp mặc áo thầy tu", và "quỷ Sa-Tăng đóng vai ông thánh."

Do đó, chúng ta không thể hi vọng là mọi tín đồ Ki-Tô nói chung, Ca-Tô nói riêng, đều biết đến một sự thực không thể chối cãi, đó là, toàn bộ nền thần học Ki-Tô Giáo với những quan niệm về Thiên Chúa, thuyết Sáng Tạo, huyền thoại Adam và Eve, thiên đường và hỏa ngục, vai trò "chuộc tội" và "cứu rỗi" của Giê-su v.v.v., cũng như nhãn hiệu "hội thánh" mà các giáo hội Ki-Tô tự nhận, hay những vai trò thần thánh tự tạo cho giáo hoàng, linh mục v.v.. nay đã không còn chỗ đứng trước sự tiến bộ trí thức của nhân loại.

Giáo hội ngoài mặt vẫn còn mạnh vì dựa vào khối đông tín đồ thấp kém ở dưới, đúng như định nghĩa của Thống Đốc Jesse Ventura của Bang Minnesota: *"KiTô giáo là một sự giả dối trống rỗng và là một cựa nạng cho những người có đầu óc yếu kém cần đến sức mạnh trong số đông"* (Christianity is a sham and a crutch for weak-minded people who need strength in numbers), do đó giáo hội Ca-Tô vẫn giữ thái độ tự tôn trịch thượng vô lối đối với các tôn giáo khác.

Nữ học giả Ca-Tô Joane H. Meehl, sau khi đã nhìn thấy rõ chủ đích và những việc làm của Giáo hội Ca-Tô từ thế kỷ 4 cho tới ngày nay, đã viết trong cuốn *"Người Tín Đồ Ca-Tô Tỉnh Ngộ"* (The Recovering Catholic, Prometheus Book, 1995, trang 288):

"Đạo Ca-Tô chỉ thịnh hành và phát triển trong đám người nghèo và ngu dốt. Nó chỉ bị khắc phục bằng giáo dục (mở mang dân trí. TCN) và đời sống kinh tế thoải mái." (Catholicism thrives and grows among the poor and ignorant. It is overcome by education and economic well-being).

Nhưng chúng ta đã biết, mất đi chỗ đứng trong thế giới Tây phương, Ca-Tô Giáo cũng như Tin Lành đều có mưu toan bành trướng sang Á Châu, nơi đây ở một số nơi, con người còn đang sống trong cảnh khó khăn vật chất và thiếu hiểu biết. Họ là những mồi ngon trong sách lược truyền đạo của Ki Tô Giáo. Đối với đất nước Việt Nam, đó là một hiểm họa cần phải phòng ngừa nếu chúng ta muốn bảo vệ và gìn giữ nền văn hóa truyền thống của Việt Nam. Không có lý do gì để cho người dân tiếp tục bị lừa dối để chấp nhận những đồ phế thải của Tây phương mà lịch sử đã chứng tỏ trái ngược với truyền thống văn hóa và tôn giáo của Việt Nam.

Vậy biện pháp nào thích hợp nhất để bảo vệ và gìn giữ nền văn hóa truyền thống của Việt Nam? Tôi cho rằng, để tránh cái hiểm họa Ca-Tô (Công Giáo) và Tin Lành, cái hiểm họa đã được chứng tỏ trong 2000 năm lịch sử của Ki Tô Giáo, đặc biệt là Ca-Tô giáo, ở Việt Nam, ngoài việc cương quyết canh chừng, kiểm soát những phương cách truyền đạo bất chính, con đường hữu hiệu nhất là con đường mở mang dân trí. Qua con đường này, người dân sẽ biết rõ về bản chất và những sự thực về Ki Tô Giáo nói chung, Ca-Tô Giáo nói riêng, và từ đó sẽ không còn bị mê hoặc bởi những lời truyền đạo giả dối, che đậy thực chất mê tín, hoang đường, phi lý của Ki Tô Giáo mà ngày nay thế giới Tây Phương đã nhận thức rõ và đang từ bỏ dần dần. Nhà Nước cũng cần huấn luyện một đội ngũ trí thức nắm vững nội dung Kinh Thánh và lịch sử các giáo hội Ca-Tô và Tin Lành cùng kiến thức thời đại về các bộ môn khoa học để có thể công khai chất vấn các

nhà truyền đạo về mọi mặt trong các cuộc giảng đạo hay truyền đạo của họ. Chúng ta nên nhớ, "người Ki Tô Giáo không sợ tội lỗi, chỉ sợ sự thật."

Hiện nay ở Hồng Kông đang có phong trào đòi Ủy Ban Đạo Đức Hồng Kông phải xếp lại Kinh Thánh của Ki Tô Giáo vào loại sách tục tĩu, khiêu dâm, tàn bạo, loạn luân, và Kinh Thánh phải bọc kỹ và bên ngoài phải khuyến cáo độc giả về nội dung, và không được bán cho trẻ em dưới 18 tuổi. [<http://news.yahoo.com>: *More than 800 Hong Kong residents have called on authorities to reclassify the Bible as "indecent" due to its sexual and violent content.. The complaints said the holy book "made one tremble" given its sexual and violent content, including rape and incest. If the Bible is similarly classified as "indecent" by authorities, only those over 18 could buy the holy book and it would need to be sealed in a wrapper with a statutory warning notice.*]

Mở mang dân trí, cập nhật hóa kiến thức thời đại, đây chính là một nhiệm vụ quan trọng trong thời đại ngày nay, không chỉ riêng của chính quyền mà là nhiệm vụ chung của mọi người dân Việt Nam nào còn có lòng với dân tộc, đất nước, còn trân quý truyền thống văn hóa và tôn giáo của Việt Nam. Tôi hi vọng giới trí thức, nhất là giới trẻ ngày nay, hãy nhận thức rõ tầm quan trọng của lãnh vực văn hóa này. Vì lợi ích của mọi người, và vì tương lai của dân tộc và đất nước, chúng ta hãy cùng nhau tích cực hoạt động trong đường hướng mở mang dân trí, giúp người dân nhận thức được những sự thật về các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

Chúng ta hãy thể hiện hạnh từ bi trong nhiệm vụ này. Từ là "Cho vui" và Bi là "Cứu khổ". Giúp cho người dân mở mang đầu óc, cập nhật hóa kiến thức thời đại, nhận rõ chân thực, là mang đến cho họ một nguồn vui vô tận; giúp cho người dân nhận rõ tỉnh thức, không bị huyễn hoặc bởi những điều hoang đường, mê tín, cất bỏ lòng sợ hãi thần quyền, và thoát khỏi một tâm cảnh nô lệ ngoại quyền, đó chính là cứu khổ. Quý độc giả nào không đồng ý, xin mời lên tiếng. ■